

BỘ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/2026/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO**24.04.2026****THÔNG TƯ**

Quy định chi tiết một số Điều của Nghị định về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh và Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam về Nhà chức trách hàng không Việt Nam và quản lý an toàn hàng không

Căn cứ Luật Hàng không dân dụng Việt Nam số 130/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

Căn cứ Nghị định số/2026/NĐ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ quy định về Nhà chức trách hàng không;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kết cấu hạ tầng xây dựng và Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết về một số điều của Nghị định về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh và Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam về Nhà chức trách hàng không Việt Nam và quản lý an toàn hàng không;

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Mục 1. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư quy định chi tiết về cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh quy định chi tiết các Điều 52, Điều 63, Điều 64, Điều 74, Điều 88, Điều 89, Điều 95 của Dự thảo Nghị định cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh; Điều 11, Điều 26, Điều 28, Điều 29, Điều 31, Điều 32, Điều 33, Điều 35, Điều 36, Điều 39, Điều 42, Điều 47, Điều 49, Điều 50 của Dự thảo Nghị định quy định một số điều của

Luật Hàng không dân dụng Việt Nam về Nhà chức trách hàng không Việt Nam và quản lý an toàn hàng không.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan, tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc nước ngoài liên quan đến hoạt động tại cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Báo cáo tình trạng mặt đường cất hạ cánh (runway condition report - RCR) là báo cáo được chuẩn hóa toàn diện liên quan đến tình trạng mặt đường cất hạ cánh và ảnh hưởng của nó đến hoạt động cất cánh và hạ cánh của tàu bay.

2. Dải bay (runway strip) là khu vực được xác định bao gồm đường cất hạ cánh và đoạn dừng (nếu có) với mục đích giảm hư hỏng tàu bay khi vượt ra khỏi đường cất hạ cánh và bảo đảm an toàn cho tàu bay bay qua phía trên đường cất hạ cánh khi hạ cánh hoặc cất cánh.

3. Dải lăn (taxiway strip) là khu vực bao gồm đường lăn và phần mở rộng để bảo vệ tàu bay hoạt động trên đường lăn và giảm nguy cơ hư hại khi tàu bay bị lăn ra ngoài đường lăn.

4. Đoạn dừng (stopway) là một đoạn đường được xác định trên mặt đất hình chữ nhật ở cuối chiều dài đoạn đường cự ly chạy đà cất cánh, được chuẩn bị cho tàu bay dừng trong trường hợp hủy cất cánh.

5. Đô-ly (Dolly) là móc chuyên dùng trong ngành hàng không dùng để vận chuyển các mâm hoặc thùng hàng hàng không chứa hành lý, hàng hóa hoạt động trên sân bay.

6. Đường cất hạ cánh (runway) là khu vực hình chữ nhật được xác định trên mặt đất tại sân bay dùng cho tàu bay cất cánh và hạ cánh.

7. Đường công vụ (road) là tuyến đường nằm trong khu vực hoạt động để dùng cho phương tiện cơ giới.

8. Đường lăn (taxiway) là khu vực được xác định trong sân bay dùng cho tàu bay lăn, di chuyển từ bộ phận này đến bộ phận khác của sân bay.

9. Điểm đen (hot spot) là một vị trí trên khu vực hoạt động của sân bay đã từng hoặc tiềm ẩn nguy cơ xảy ra va chạm hoặc xâm nhập đường cất hạ cánh, là nơi tổ lái và người điều khiển phương tiện cần tăng cường chú ý, quan sát.

10. Khoảng trống (clearway) là khu vực mặt đất hoặc mặt nước hình chữ nhật không có chướng ngại vật được người khai thác cảng hàng không lựa chọn hoặc chuẩn bị, tạo thành khu vực thuận tiện cho tàu bay thực hiện đoạn cất cánh ban đầu đến độ cao quy định.

11. Khu vực an toàn cuối đường cất hạ cánh (RESA) là vùng nằm đối xứng ở hai bên đường tim kéo dài của đường cất hạ cánh tiếp giáp với cạnh cuối đường cất hạ cánh nhằm giảm nguy cơ hư hỏng tàu bay khi chạm bánh trước

đường cất hạ cánh hoặc chạy vượt ra ngoài đường cất hạ cánh.

12. Khu vực di chuyển (manoeuvring area) là một phần của sân bay được sử dụng cho tàu bay cất cánh, hạ cánh và lăn bánh, không bao gồm sân đỗ tàu bay.

13. Khu vực hoạt động (movement area) là một phần của sân bay được sử dụng cho tàu bay cất cánh, hạ cánh, lăn bánh, bao gồm khu vực di chuyển và sân đỗ tàu bay.

14. Ngưỡng đường cất hạ cánh (threshold) là nơi bắt đầu của phần đường cất hạ cánh dùng cho tàu bay hạ cánh.

15. Phương tiện chuyên ngành hàng không là phương tiện hoạt động tại sân bay, phục vụ trực tiếp cho hoạt động của cảng hàng không.

16. Sân đỗ tàu bay (apron) là khu vực được xác định trong sân bay dành cho tàu bay đỗ để phục vụ hành khách lên, xuống; chất xếp, bốc dỡ hành lý, bưu gửi, hàng hóa; tiếp nhiên liệu; cung cấp suất ăn; phục vụ kỹ thuật hoặc bảo dưỡng tàu bay.

17. Sơn tín hiệu (marking) là một vệt hay một nhóm vệt sơn kẻ trên bề mặt của sân bay nhằm mục đích thông tin, thông báo tin tức hàng không.

18. Tình trạng mặt đường cất hạ cánh (runway surface condition) là mô tả về tình trạng mặt đường cất hạ cánh được sử dụng trong báo cáo tình trạng mặt đường cất hạ cánh.

19. Vị trí đỗ tàu bay (aircraft stand) là khu vực trên sân đỗ tàu bay dành cho một tàu bay đỗ.

20. Chứng nhận hoàn thành khóa học là quyết định công nhận hoàn thành khóa học hoặc chứng chỉ/chứng nhận được cấp sau khi hoàn thành các khóa học: kiến thức chung về hàng không dân dụng ban đầu, định kỳ, phục hồi; chuyên môn nghiệp vụ định kỳ, phục hồi; kiến thức chung về phương tiện, thiết bị chuyên ngành hàng không; kiến thức về hàng hóa cơ bản.

Điều 4. Các chữ viết tắt

Trong Thông tư này, các chữ viết tắt dưới đây được hiểu như sau:

1. A-CDM (Airport Collaborative Decision Making): phối hợp ra quyết định tại cảng hàng không.
2. ACI (Airports Council International): Hội đồng cảng hàng không quốc tế.
3. AEP (Airport Emergency Plan): Kế hoạch khẩn nguy sân bay.
4. ASDA (Accelerate-Stop Distance Available): cự ly có thể dừng khẩn cấp.
5. ARFF (Aircraft Rescue and Fire Fighting): Cứu nạn, chữa cháy tàu bay.
6. CTOT (Calculated Take-off Time): thời gian cất cánh tính toán.
7. FIR (Flight Information Region): vùng thông báo bay.

8. ICAO (International Civil Aviation Organization): Tổ chức Hàng không dân dụng quốc tế.

9. IATA (International Air Transport Association): Hiệp hội Vận tải hàng không quốc tế.

10. IGOM (IATA Ground Operations Manual): hướng dẫn khai thác mặt đất của IATA.

11. ILS (Instrument Landing System): hệ thống hạ cánh bằng thiết bị.

12. LDA (Landing Distance Available): cự ly có thể hạ cánh.

13. NOTAM (Notie to airmen): Điện văn thông báo hàng không.

14. PANS (Procedures for Air Navigation Services): quy trình dịch vụ dẫn đường hàng không.

15. PCR (Pavement classification rating): Số biểu thị khả năng chịu lực của mặt đường

16. RESA (Runway End Safety Area): khu vực an toàn cuối đường cất hạ cánh.

17. SMS (Safety Management System): hệ thống quản lý an toàn

18. TODA (Take-Off Distance Available): cự ly có thể cất cánh.

19. TOBT (Target Off-block Time): thời gian rút chèn mục tiêu.

20. TORA (Take-Off Run Available): cự ly chạy đà cất cánh.

21. TSAT (Target Start-up Approval Time): thời gian khởi động động cơ mục tiêu.

22. VDGS (Visual Docking Guidance Systems): hệ thống dẫn đỗ tàu bay.

23. WGS (World Geodetic System): hệ thống đo đạc toàn cầu.

CHƯƠNG II

KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG VÀ BÃI CÁT, HẠ CẢNH

Mục 1. DUY TRÌ ĐIỀU KIỆN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG

Điều 5. Quy định chung về duy trì điều kiện khai thác cảng hàng không

1. Người khai thác cảng hàng không ban hành quy định an toàn tại cảng hàng không, bao gồm các nội dung cụ thể về an toàn khai thác theo chức năng nhiệm vụ được giao và các trình tự thực hiện, phối hợp giữa các đơn vị hoạt động thường xuyên tại sân bay trong việc thực hiện các yêu cầu về an toàn khai thác tại cảng hàng không.

2. Người khai thác cảng hàng không giám sát việc tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn hàng không tại sân bay; phát hiện các vụ việc vi phạm và

chuyển cho các cơ quan quản lý nhà nước hoạt động tại cảng hàng không để xử lý theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Điều 6. Công trình trong sân bay

1. Công trình trong sân bay được xây dựng, lắp đặt và khai thác đồng bộ theo các tiêu chuẩn của ICAO, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng.

2. Chủ đầu tư hoặc đơn vị được chủ đầu tư giao quản lý dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay có trách nhiệm xác định các thông số kỹ thuật chính của đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, sơ đồ bố trí vị trí đỗ tàu bay và các thông số cần thiết khác trong dự án để Cục Hàng không Việt Nam tổ chức công bố trên Tập thông báo tin tức hàng không, bảo đảm thời gian công bố tin tức hàng không theo quy định.

3. Thông số kỹ thuật chính, phương án khai thác và sơ đồ bố trí vị trí đỗ tàu bay của cảng hàng không được quy định tại khoản 4, 5, 6, 7 Điều này. Cục Hàng không Việt Nam tổ chức công bố trên Tập thông báo tin tức hàng không các thông số kỹ thuật chính, phương án khai thác và sơ đồ bố trí vị trí đỗ tàu bay của cảng hàng không theo quy định của ICAO về thông báo tin tức hàng không.

4. Các thông số kỹ thuật chính của đường cất hạ cánh bao gồm:

- a) Ký hiệu đường cất hạ cánh;
- b) Chiều dài, chiều rộng đường cất hạ cánh;
- c) Chiều dài, chiều rộng lề đường cất hạ cánh (nếu có);
- d) Dải bay, khu vực an toàn cuối đường cất hạ cánh;
- đ) Đoạn dừng và khoảng trống đầu đường cất hạ cánh (nếu có) ;
- e) Tọa độ ngưỡng đường cất hạ cánh (theo tọa độ WGS-84);
- g) Độ dốc dọc đường cất hạ cánh;
- h) Độ dốc ngang đường cất hạ cánh;
- i) Sức chịu tải của đường cất hạ cánh (chỉ số phân cấp mặt đường PCR);
- k) Loại tầng phủ bề mặt đường cất hạ cánh; lề đường cất hạ cánh (nếu có);
- l) Hệ số ma sát;
- m) Các cự ly công bố: TORA, TODA, ASDA, LDA.

5. Các thông số kỹ thuật chính của đường lăn bao gồm:

- a) Ký hiệu đường lăn;
- b) Chiều dài, chiều rộng đường lăn;
- c) Chiều dài, chiều rộng lề đường lăn (nếu có);
- d) Độ dốc dọc đường lăn;
- đ) Độ dốc ngang đường lăn;

- e) Sức chịu tải của đường lăn (chỉ số phân cấp mặt đường PCR);
- g) Loại tầng phủ bề mặt của đường lăn; lề đường lăn (nếu có);
- h) Dải lăn.

6. Các thông số kỹ thuật chính của sân đỗ tàu bay bao gồm:

- a) Ký hiệu sân đỗ tàu bay;
- b) Kích thước hoặc diện tích sân đỗ tàu bay;
- c) Chiều dài, chiều rộng lề sân đỗ tàu bay (nếu có);
- d) Độ dốc sân đỗ tàu bay;
- đ) Sức chịu tải của sân đỗ tàu bay (chỉ số phân cấp mặt đường PCR);
- e) Loại tầng phủ bề mặt của sân đỗ tàu bay.

7. Phương án khai thác và sơ đồ bố trí vị trí đỗ tàu bay bao gồm:

- a) Phương án vận hành tàu bay trên đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay;
- b) Sơ đồ sơn kẻ bố trí mặt bằng khai thác đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay và vị trí đỗ tàu bay;
- c) Tọa độ vị trí đỗ tàu bay, vị trí của các hệ thống chỉ dẫn chuyển động tàu bay trên mặt đất (theo tọa độ WGS-84);
- d) Loại tàu bay khai thác đối với từng vị trí đỗ;
- đ) Quy trình khai thác, phương án cung cấp dịch vụ đối với từng vị trí đỗ (nếu có).

8. Người khai thác cảng hàng không cung cấp dịch vụ xe dẫn tàu bay (follow-me) theo hợp đồng cung cấp dịch vụ hoặc theo yêu cầu của người khai thác tàu bay. Khi kết quả nhận dạng môi nguy và đánh giá rủi ro chỉ ra cần tăng cường giải pháp dẫn tàu bay ra vào vị trí đỗ tàu bay để bảo đảm an toàn khai thác, người khai thác cảng hàng không có trách nhiệm cung cấp miễn phí dịch vụ xe dẫn tàu bay để dẫn dắt tàu bay vào vị trí đỗ tàu bay; lập kế hoạch khắc phục để đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn cho tàu bay di chuyển và kiểm soát rủi ro.

9. Khu vực sân đỗ tàu bay để phục vụ bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay phải được bố trí đồng bộ cùng khu bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay; bảo đảm giảm tối đa ảnh hưởng đến nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa do tiếng ồn, luồng khí thải, nhiên liệu gây ra. Người quản lý, khai thác sân đỗ tàu bay phục vụ bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay phải kiểm tra, bảo đảm điều kiện khai thác; phải có biện pháp giảm thiểu khí thải động cơ tàu bay và tiếng ồn trong quá trình thử động cơ tàu bay; phải có hệ thống thu gom và xử lý nước thải, dầu thải và các chất thải độc hại khác bảo đảm tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường tại cảng hàng không.

10. Việc khai thác tàu bay tại cảng hàng không phải phù hợp với sức chịu tải đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay đã được công bố theo tiêu

chuẩn, khuyến cáo của ICAO.

11. Sức chịu tải đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay và hệ số ma sát bề mặt đường cất hạ cánh phải được đo và công bố trong Tập thông báo tin tức hàng không, tài liệu khai thác sân bay.

12. Trừ trường hợp các yêu cầu về đo sức chịu tải, hệ số ma sát đã được xác định trong dự án xây dựng, nâng cấp, cải tạo đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, người khai thác cảng hàng không có trách nhiệm:

a) Đo sức chịu tải đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay trong trường hợp xây dựng, nâng cấp, cải tạo đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay; đo định kỳ 05 năm một lần trong quá trình khai thác;

b) Đo hệ số ma sát bề mặt đường cất hạ cánh trong các trường hợp:

b1) Xây mới, nâng cấp, cải tạo đường cất hạ cánh;

b2) Đo định kỳ theo tần suất 11 tháng 01 lần đối với đường cất hạ cánh khai thác ít hơn 400 lần cất hạ cánh/ngày hoặc 05 tháng 01 lần đối với đường cất hạ cánh khai thác từ 400 lần cất hạ cánh/ngày trở lên.

c) Đo sức chịu tải đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay và hệ số ma sát bề mặt đường cất hạ cánh khi có yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam hoặc theo tần suất được quy định trong quy trình bảo trì được duyệt.

13. Cục Hàng không Việt Nam rà soát và thông báo cho ICAO sự khác biệt giữa các quy định của pháp luật Việt Nam và tiêu chuẩn của ICAO về khai thác cảng hàng không, bãi cất, hạ cánh.

14. Người khai thác cảng hàng không có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay lập phương án vận hành tàu bay trên đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, cập nhật vào tài liệu khai thác sân bay, trừ trường hợp áp dụng tạm thời trong giai đoạn xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa công trình;

b) Cung cấp các thông số kỹ thuật chính của đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay, sơ đồ bố trí vị trí đỗ tàu bay, phương án vận hành tàu bay trên đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay khi có sự thay đổi để Cục hàng không Việt Nam tổ chức công bố trên Tập thông báo tin tức hàng không;

c) Xây dựng, lắp đặt, bảo trì hệ thống biển báo, đèn, biển chỉ dẫn, sơn kẻ tín hiệu, biển cấm đối với hạ tầng sân bay để bảo đảm an toàn khai thác; thực hiện các biện pháp chống sự xâm nhập uy hiếp an toàn vào đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ; thiết lập các khu vực chờ tại đường ngang giao giữa đường lăn và đường cất hạ cánh, các vị trí chờ dự bị và vị trí chờ trung gian trên các đường lăn; đánh giá rủi ro để bảo đảm khu vực xung quanh đường cất hạ cánh được an toàn trong trường hợp tàu bay chạy quá đà hoặc hạ cánh quá khu vực tiếp đất;

d) Bố trí tối thiểu 01 vị trí đỗ tàu bay biệt lập phục vụ cho các tình huống

khẩn nguy sân bay, chống dịch bệnh lây lan hoặc trong các tình huống bảo đảm an ninh hàng không, an ninh quốc phòng. Vị trí đỗ tàu bay biệt lập phải được bố trí cách xa các vị trí đỗ tàu bay khác, nhà cửa hoặc các công trình công cộng khác, bảo đảm thuận lợi cho công tác an ninh, an toàn, phòng cháy, chữa cháy và xử lý nghiệp vụ. Không bố trí vị trí đỗ tàu bay biệt lập phía trên các công trình ngầm: bể chứa nhiên liệu tàu bay, hệ thống đường ống cung cấp nhiên liệu cho tàu bay, tuyến cáp điện lực hoặc cáp thông tin;

đ) Kiểm tra thường xuyên tình trạng mặt đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay nhằm loại bỏ các vật ngoại lai; xác định, công bố tình trạng mặt đường cất hạ cánh cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay để điều hành an toàn hoạt động bay, khai thác mặt đất theo quy định;

e) Thực hiện các biện pháp nhằm ngăn ngừa tàu bay di chuyển vào các đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ đang đóng cửa;

g) Nhận dạng mối nguy và đánh giá rủi ro, xác định các ảnh hưởng đối với an toàn khai thác khi có sự thay đổi các thông số kỹ thuật và phương án khai thác của công trình trong sân bay;

h) Lập kế hoạch, triển khai kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện khắc phục các nội dung theo kết quả kiểm tra, đánh giá định kỳ việc duy trì điều kiện khai thác cảng hàng không.

Điều 7. Công trình an ninh hàng không

Công trình an ninh hàng không thực hiện theo quy định của pháp luật về an ninh hàng không.

Điều 8. Công trình cấp điện

1. Các công trình, thiết bị hàng không tại cảng hàng không phải được duy trì nguồn cung cấp điện thường xuyên, nguồn điện dự phòng theo đúng tài liệu khai thác công trình, tài liệu khai thác sân bay.

2. Thời gian chuyển đổi từ hệ thống điện sử dụng thường xuyên sang hệ thống điện dự phòng phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định cho từng hạng mục, thiết bị tại cảng hàng không.

3. Người khai thác công trình được thiết lập hệ thống cấp điện riêng, bao gồm cả hệ thống điện năng lượng mới, điện năng lượng tái tạo trong cảng hàng không; xây dựng, vận hành, bảo trì hệ thống cấp điện trong phạm vi quản lý, khai thác; bảo đảm kết nối đồng bộ vào hệ thống cấp điện toàn cảng hàng không.

Điều 9. Công trình chiếu sáng sân đỗ tàu bay

1. Công trình chiếu sáng sân đỗ tàu bay phải cung cấp đủ ánh sáng bảo đảm cho tổ lái điều khiển tàu bay vào, ra khỏi các vị trí đỗ tàu bay; bảo đảm cho việc đón, trả hành khách, chất xếp, bốc dỡ hành lý, hàng hóa ra khỏi tàu bay, tra nạp nhiên liệu và các dịch vụ khác liên quan đến tàu bay.

2. Đèn, thiết bị chiếu sáng sân đỗ tàu bay không được hướng trực tiếp vào

Đài kiểm soát không lưu, đài kiểm soát mặt đất, hướng tàu bay hạ cánh. Trường hợp tại một số vị trí, khu vực sân đỗ tàu bay không có thiết bị chiếu sáng cố định hoặc không bảo đảm chiếu sáng thì phải có phương tiện chiếu sáng di động để chiếu sáng phục vụ tàu bay trong điều kiện khai thác ban đêm hoặc khi tầm nhìn hạn chế.

Điều 10. Công trình cấp, thoát nước tại cảng hàng không

1. Công trình thoát nước sân bay phải được kết nối thông suốt với công trình thoát nước tổng thể cảng hàng không và khu vực lân cận cảng hàng không.
2. Người khai thác công trình phải bảo đảm nước thải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Người khai thác công trình phải xây dựng, bảo trì công trình cấp, thoát nước trong phạm vi quản lý, khai thác; tổ chức kiểm tra và bảo đảm chất lượng nước sử dụng được cấp trong phạm vi công trình do mình quản lý đạt tiêu chuẩn theo quy định về nước sinh hoạt.
4. Người khai thác cảng hàng không phải xây dựng hệ thống bảo vệ để chống đột nhập qua công trình thoát nước.

Điều 11. Công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường tại cảng hàng không

1. Công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường tại cảng hàng không phải bảo đảm yêu cầu theo quy định về bảo vệ môi trường trong hoạt động hàng không dân dụng.
2. Người khai thác công trình chịu trách nhiệm xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường trong phạm vi quản lý, khai thác, bảo đảm tiêu chuẩn môi trường trước khi kết nối vào công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường chung và bảo đảm đồng bộ với công trình hạ tầng bảo vệ môi trường của cảng hàng không.

Điều 12. Nhà ga hành khách, nhà khách phục vụ ngoại giao, nhà ga hàng hóa, kho hàng hóa hàng không, khu tập kết, lưu trữ, xử lý hàng hóa hàng không (logistics hàng không)

1. Nhà ga hành khách, nhà khách phục vụ ngoại giao, nhà ga hàng hóa, kho hàng hóa hàng không, khu tập kết, lưu trữ, xử lý hàng hóa hàng không (logistics hàng không) phải có các khu vực làm thủ tục theo quy trình phục vụ hành khách, hàng hóa; khu làm việc của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan (nếu có).
2. Nhà ga hành khách phải có khu vực dành cho hành khách không đủ điều kiện nhập cảnh đối với cảng hàng không quốc tế; khu vực thủ tục hành lý thất lạc; khu vực lưu giữ hành lý thất lạc, hành lý không có người nhận; khu vực chung để giải quyết khiếu nại giữa hành khách với hãng hàng không và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ; quầy hoặc thiết bị hướng dẫn thông tin chung cho hành khách; khu vực trợ giúp y tế, sơ cứu ban đầu đối với hành khách; khu vực cách

ly y tế để ứng phó tình huống khẩn nguy y tế; khu vực và thiết bị phục vụ hành khách cần sự trợ giúp đặc biệt.

3. Khu tập kết, lưu trữ, xử lý hàng hóa hàng không (logistics hàng không); nhà ga hàng hóa, kho hàng hóa hàng không phải có khu lưu trữ hàng hóa thất lạc, hàng hóa không có người nhận, khu vực chung để giải quyết khiếu nại giữa khách hàng với hãng vận chuyển và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ.

4. Nhà ga hành khách; nhà khách phục vụ ngoại giao; khu tập kết, lưu trữ, xử lý hàng hóa hàng không (logistics hàng không); nhà ga hàng hóa; kho hàng hóa hàng không phải bảo đảm vệ sinh, sạch sẽ, khô ráo, có các biển cảnh báo bảo đảm an toàn.

5. Hệ thống biển báo trong nhà ga hành khách; nhà khách phục vụ ngoại giao; khu tập kết, lưu trữ, xử lý hàng hóa hàng không (logistics hàng không); nhà ga hàng hóa; kho hàng hóa hàng không phải được lắp đặt đầy đủ, rõ ràng ở các vị trí làm thủ tục cho hành khách, hàng hóa, khu vực nhận hành lý, hàng hóa và các khu vực cần thiết khác theo quy định.

6. Tại các khu vực cải tạo, sửa chữa trong nhà ga hành khách; nhà khách phục vụ ngoại giao; khu tập kết, lưu trữ, xử lý hàng hóa hàng không (logistics hàng không); nhà ga hàng hóa; kho hàng hóa hàng không phải có vách ngăn hoặc hàng rào chắn và các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh, vệ sinh môi trường và biển thông báo về việc cải tạo, sửa chữa.

7. Người khai thác công trình nhà ga hành khách; nhà khách phục vụ ngoại giao; khu tập kết, lưu trữ, xử lý hàng hóa hàng không (logistics hàng không); nhà ga hàng hóa; kho hàng hóa hàng không phải bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Có phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, tổ chức huấn luyện, diễn tập, kiểm tra định kỳ phòng cháy, chữa cháy;

b) Có quy trình bảo trì, kế hoạch bảo trì công trình;

c) Có tài liệu khai thác công trình, tổ chức phổ biến và giám sát việc tuân thủ tài liệu khai thác công trình.

8. Doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khai thác nhà ga hành khách lựa chọn các doanh nghiệp kinh doanh vận tải bằng xe ô tô được hoạt động tại khu vực đón khách riêng của nhà ga theo nguyên tắc bảo đảm tính cạnh tranh, minh bạch; thông báo công khai trong nhà ga về doanh nghiệp kinh doanh vận tải bằng xe ô tô được hoạt động, giá vận chuyển; bảo đảm văn minh, lịch sự, an ninh trật tự đối với hoạt động khai thác vận tải hành khách; ban hành quy chế kiểm soát khai thác, kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô, trong đó có biện pháp xử lý cụ thể đối với doanh nghiệp vận chuyển hành khách, người điều khiển phương tiện vi phạm quy chế kiểm soát theo thỏa thuận đã được ký kết; tổ chức quay điều phối và lập phương án khai thác bảo đảm an toàn, trật tự, không gây ùn tắc tại khu vực hoạt động; bảo đảm số lượng phương tiện tối thiểu đáp ứng nhu cầu sản lượng hành khách thông qua theo giới hạn năng lực khai thác.

Điều 13. Công trình xăng dầu hàng không

Công trình cung cấp xăng dầu cho tàu bay tại cảng hàng không thực hiện theo quy định pháp luật về việc bảo đảm kỹ thuật nhiên liệu hàng không.

Điều 14. Công tác cứu nạn, chữa cháy, khẩn nguy sân bay

1. Người khai thác cảng hàng không phải bảo đảm:

a) Bố trí đủ số lượng nhân viên cứu nạn, chữa cháy phù hợp với cấp cứu hỏa sân bay đã được công bố; bố trí đầy đủ trang bị, thiết bị, dụng cụ, quần áo phòng cháy, chữa cháy cho nhân viên cứu nạn, chữa cháy theo phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ của cảng hàng không; bố trí các xe cứu nạn và chữa cháy trực đứng nơi quy định của phương án khẩn nguy sân bay; bố trí các trạm chữa cháy trung gian (trạm chữa cháy vệ tinh) để đáp ứng được thời gian phản ứng theo quy định;

b) Trang bị hệ thống thông tin liên lạc trực tiếp giữa một trạm chữa cháy với Đài kiểm soát không lưu, với các trạm chữa cháy khác trên sân bay, các xe cứu nạn, chữa cháy; hệ thống báo động cho nhân viên cứu nạn, chữa cháy;

c) Trang bị phương tiện, thiết bị chữa cháy, dung tích nước, khối lượng chất tạo bọt (foam), bột phù hợp với cấp cứu hỏa sân bay; phương tiện, thiết bị phục vụ khẩn nguy sân bay phù hợp với quy mô cảng hàng không, tần suất hoạt động của tàu bay, điều kiện địa hình cảng hàng không và khu vực lân cận cảng hàng không. Đối với cảng hàng không ở vùng có địa hình, môi trường phức tạp, người khai thác cảng hàng không phải trang bị các phương tiện, thiết bị chữa cháy, khẩn nguy phù hợp hoặc hiệp đồng với các cơ quan chức năng khác để được hỗ trợ các phương tiện, thiết bị chữa cháy, khẩn nguy phù hợp khi có tình huống khẩn nguy xảy ra;

d) Xác định cấp cứu hỏa sân bay theo tiêu chuẩn của ICAO và thể hiện trong tài liệu khai thác sân bay. Khi hệ thống xe chữa cháy, trang thiết bị chữa cháy gặp sự cố làm thay đổi về cấp cứu hỏa sân bay, người khai thác cảng hàng không phải báo cáo Cục Hàng không Việt Nam, thông báo cho các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay và thực hiện quy trình thông báo tin tức hàng không để thông báo cho tàu bay đi, đến cảng hàng không. Khi khắc phục xong sự cố, người khai thác cảng hàng không phải thông báo lại các thông tin về cấp cứu hỏa sân bay;

đ) Có nhà để xe chữa cháy, kho tàng, vật tư, dụng cụ, thiết bị, nguyên vật liệu phục vụ công tác khẩn nguy sân bay, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo tiêu chuẩn áp dụng; vị trí nhà để xe chữa cháy phải được bố trí trong khu vực hạn chế, có đường giao thông thuận lợi bảo đảm tiếp cận nhanh chóng đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ, phù hợp với các phương án khẩn nguy sân bay;

e) Thiết lập trung tâm khẩn nguy sân bay, trạm báo động khẩn nguy bảo đảm đầy đủ nhân lực, các phương tiện, trang thiết bị, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống tài liệu, các phương án xử lý tình huống khẩn nguy để thực hiện nhiệm

vụ trực và ứng phó với mọi tình huống khẩn nguy;

g) Thiết lập hệ thống đường công vụ phục vụ cho công tác khẩn nguy sân bay bảo đảm các phương tiện tham gia công tác khẩn nguy nhanh chóng đến được các vị trí trong sân bay và đáp ứng thời gian theo quy định tại khoản 2 Điều này;

h) Có hệ thống cấp nước chữa cháy, đường giao thông phục vụ chữa cháy theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy, chữa cháy.

2. Thời gian phản ứng là thời gian tính từ khi nhận được tín hiệu báo động đầu tiên tại trung tâm hoặc trạm báo động khẩn nguy đến khi xe chữa cháy đầu tiên đến vị trí tàu bay lâm nạn xả bọt với tốc độ tối thiểu là 50% tốc độ xả. Thời gian phản ứng của xe chữa cháy phải bảo đảm không quá 03 phút để đi đến bất cứ điểm nào của đường cất hạ cánh trong điều kiện tầm nhìn tốt và trạng thái mặt đường sạch, không bị ướt.

3. Các xe chữa cháy còn lại phải đến điểm cứu hỏa không muộn quá 04 phút từ khi có thông báo đầu tiên để bảo đảm yêu cầu cung cấp chất chữa cháy liên tục được quy định.

4. Người khai thác cảng hàng không và các tổ chức hoạt động tại cảng hàng không ban hành hoặc tham mưu người có thẩm quyền ban hành nội quy phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; Xây dựng, tổ chức huấn luyện, thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật.

5. Người khai thác cảng hàng không phối hợp với các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn cảng hàng không trong việc phòng, chống cháy nổ tại cảng hàng không; thành lập đội phòng, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành, thường xuyên duy trì chế độ huấn luyện phương pháp chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, cách sử dụng các phương tiện, trang thiết bị chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được trang bị; bố trí nhân viên kiểm tra công tác bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy thường xuyên; phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan trong việc thực hiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

6. Người khai thác cảng hàng không ban hành quy trình kiểm tra công trình, thiết bị; duy trì vật tư, vật liệu, nước dự trữ phục vụ công tác khẩn nguy sân bay, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại cảng hàng không.

7. Nội dung huấn luyện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải phù hợp với tính chất nguy hiểm cháy đặc thù của cơ sở. Đối với lực lượng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ chuyên ngành tại các cảng hàng không, ngoài các nội dung huấn luyện chữa cháy khẩn nguy trên sân bay, chữa cháy cứu nạn tàu bay, phải được huấn luyện các chiến thuật chữa cháy tại các khu vực trong nhà ga, kho, đài trạm, công trình bảo đảm hoạt động bay tại cảng hàng không.

8. Không được hút thuốc trong cảng hàng không trừ những khu vực dành riêng để hút thuốc.

9. Công trình sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay phải có hệ thống thiết bị phòng cháy, chữa cháy tự động, hệ thống phòng cháy, chữa cháy đối với tàu bay.

10. Các cơ quan, đơn vị hoạt động tại cảng hàng không có trách nhiệm Xây dựng phương án phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của đơn vị theo quy định của pháp luật; tổ chức rà soát, cập nhật, bổ sung phương án khi có sự thay đổi về tổ chức, mặt bằng, công năng sử dụng hoặc các yếu tố liên quan đến an toàn phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; Gửi phương án và các nội dung cập nhật (nếu có) đến người khai thác cảng hàng không để tổng hợp, phối hợp tổ chức hiệp đồng xử lý khi xảy ra sự cố, tai nạn; Phối hợp với người khai thác cảng hàng không và các lực lượng liên quan trong việc tổ chức thực tập phương án phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong công tác chỉ huy, điều hành và xử lý tình huống.

Điều 15. Phòng, chống dịch bệnh tại cảng hàng không

1. Phương tiện, cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng hàng không phải tuân thủ các quy định của Luật Phòng bệnh và tuân theo các chỉ đạo của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền trong việc phòng, chống dịch bệnh tại cảng hàng không, dịch bệnh lây lan qua đường hàng không.

2. Người khai thác công trình nhà ga hành khách phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:

a) Vệ sinh phòng bệnh thông thường; trong trường hợp có dịch bệnh phải được tăng cường vệ sinh, khử trùng thường xuyên bằng hóa chất diệt khuẩn được phép sử dụng theo quy định;

b) Bố trí đủ dung dịch sát khuẩn hoặc xà phòng rửa tay tại các khu vệ sinh và một số khu vực thuận tiện trong nhà ga;

c) Bố trí đủ trang thiết bị, bảo hộ, thuốc, hóa chất để thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo quy định của pháp luật về phòng bệnh.

3. Trường hợp có dịch bệnh truyền nhiễm, người khai thác cảng hàng không chủ trì phối hợp với người khai thác công trình nhà ga hành khách triển khai các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; tuyên truyền đến hành khách đi tàu bay, cán bộ, nhân viên và người lao động các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; bố trí địa điểm kiểm tra để hành khách khai báo y tế; địa điểm để giám sát tình trạng sức khỏe, đo thân nhiệt hoặc áp dụng các biện pháp kiểm tra, xử lý y tế khác theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp có dịch bệnh truyền nhiễm, tùy mức độ cảnh báo dịch, tàu bay thực hiện chuyến bay quốc tế, chuyến bay nội địa phải được khử trùng bằng hóa chất diệt khuẩn được phép sử dụng theo quy định của pháp luật về phòng, chống dịch bệnh truyền nhiễm và hãng hàng không chịu trách nhiệm xử lý y tế đối với tàu bay của hãng. Việc khử trùng được thực hiện như sau:

a) Người, hàng hóa có dấu hiệu mang dịch bệnh truyền nhiễm nhóm A phải được kiểm tra và xử lý y tế trước khi làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh;

b) Tàu bay có dấu hiệu mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A phải được đỗ tại vị trí đỗ cách ly, tiến hành khử trùng tàu bay theo quy định.

5. Doanh nghiệp vận chuyển hàng không có trách nhiệm tuyên truyền, tổ chức kiểm soát hành khách thực hiện việc khai báo y tế đầy đủ, chính xác trước khi lên tàu bay; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong việc phòng, chống dịch bệnh, giải quyết hành khách bị nghi ngờ hoặc có dấu hiệu mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A hoặc mắc dịch bệnh truyền nhiễm lây lan; thông báo ngay cho Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không và cơ quan kiểm dịch y tế về các chuyến bay xuất phát hoặc hạ cánh tại các khu vực dịch bệnh truyền nhiễm lây lan hoặc tàu bay có dấu hiệu mang tác nhân gây bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A.

6. Cục Hàng không Việt Nam chỉ đạo các đơn vị thuộc ngành hàng không phối hợp với các cơ quan kiểm dịch y tế triển khai thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh tại cảng hàng không; phòng, chống dịch bệnh lây lan qua đường hàng không theo quy định của pháp luật về phòng bệnh và Tổ chức Y tế Thế giới, ICAO.

7. Các cơ quan, đơn vị hoạt động tại cảng hàng không căn cứ vào quy định của Luật Phòng bệnh và các chỉ đạo của cơ quan có thẩm quyền để ban hành phương án, quy trình phòng, chống dịch bệnh.

Mục 2. AN TOÀN ĐỐI VỚI TÀU BAY

Điều 16. Chèn bánh tàu bay

1. Tàu bay phải được đóng chèn bánh mũi khi tàu bay dừng hẳn tại vị trí đỗ theo tài liệu khai thác mặt đất của người khai thác tàu bay. Việc lựa chọn loại chèn bánh tàu bay phải tuân theo tài liệu khai thác của người khai thác tàu bay. Trường hợp tài liệu khai thác mặt đất của người khai thác tàu bay chưa quy định rõ phương án đóng chèn bánh tàu bay, việc chèn bánh tàu bay được thực hiện theo tài liệu IGOM của IATA.

2. Nhân viên chỉ được tiếp cận cảng chính để chèn bánh sau của tàu bay khi động cơ chính đã tắt hoàn toàn, cánh quạt (nếu có) đã dừng hẳn và đèn chống va chạm đã tắt; việc rút chèn bánh tàu bay chuẩn bị khởi hành chỉ được thực hiện sau khi toàn bộ phương tiện, thiết bị và nhân viên không nhiệm vụ đã rời khỏi khu vực giới hạn an toàn vị trí đỗ tàu bay và nhân viên được giao nhiệm vụ thông thạo với tàu bay đã thống nhất với tổ lái.

Điều 17. Đặt chóp an toàn xung quanh tàu bay

1. Người khai thác tàu bay phối hợp với đơn vị cung cấp dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất tổ chức đặt chóp an toàn xung quanh tàu bay theo tài liệu khai thác mặt đất của người khai thác tàu bay. Trường hợp tài liệu khai thác mặt đất của người khai thác tàu bay chưa quy định rõ phương án, chóp an toàn được đặt theo tài liệu IGOM của IATA.

2. Chóp an toàn có dạng hình nón, chiều cao tối thiểu là 750 mm, có trọng lượng tối thiểu là 4,5 kg, có màu vàng, cam với các sọc phản quang, được đánh

dấu nhận diện đơn vị quản lý. Chóp an toàn (khi được sử dụng) phải được đặt ngay sau khi đóng chèn và chỉ được thu lại trước khi rút chèn tàu bay.

3. Bắt buộc phải đặt chóp an toàn phía đuôi tàu bay tại các vị trí đỗ có đường công vụ tiếp giáp với khu vực an toàn vị trí đỗ tàu bay phía sau đuôi tàu bay.

4. Trường hợp cần đánh dấu vệt dừng bánh mũi, chóp an toàn được đặt trên vị trí vạch dừng bánh mũi tàu bay về hai phía, cách tâm vệt lặn vào vị trí đỗ từ 02 m đến 03 m trước khi tàu bay lặn vào vị trí đỗ.

Điều 18. Nổ máy thử động cơ tàu bay

1. Chỉ được phép nổ máy, thử động cơ tàu bay tại các vị trí được quy định. Người khai thác cảng hàng không có trách nhiệm quy định vị trí được phép nổ máy, thử động cơ (trừ sân đỗ tàu bay gắn liền với cơ sở bảo dưỡng tàu bay của người khai thác công trình cụ thể), quy định điều kiện an toàn và các giới hạn khai thác (nếu có) tại vị trí được phép nổ máy, thử động cơ. Người khai thác tàu bay có trách nhiệm tổ chức di chuyển tàu vào vị trí thử động cơ theo quy định của người khai thác cảng hàng không.

2. Người khai thác cảng hàng không xây dựng quy chế phối hợp thực hiện giữa các đơn vị trong trường hợp cho phép tàu bay nổ máy ở chế độ không tải. Khi tàu bay nổ máy ở chế độ không tải tại vị trí đỗ tàu bay phải được chấp thuận của kiểm soát viên không lưu và thông báo cho người khai thác cảng hàng không, đại diện hãng hàng không. Nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay phối hợp với nhân viên trực của người khai thác cảng hàng không để cảnh báo cho người, phương tiện không di chuyển vào khu vực có tàu bay nổ máy.

3. Tàu bay chỉ được khởi động động cơ ở chế độ không tải tại vị trí đỗ tàu bay khi:

a) Các phương tiện, thiết bị đã rời khỏi khu vực phục vụ mặt đất và phía trước mũi tàu bay không có vật cản (trừ phương tiện, thiết bị khởi động động cơ tàu bay, nhân viên bảo dưỡng, sửa chữa tàu bay và nhân viên cứu hỏa được phép hoạt động trong khu vực vị trí đỗ tàu bay nhưng phải di chuyển ra bên ngoài phạm vi nguy hiểm của động cơ tàu bay hoạt động);

b) Xe kéo đẩy tàu bay đã liên kết vào tàu bay đối với các vị trí đỗ có yêu cầu xe kéo đẩy tàu bay để phục vụ việc kéo, đẩy tàu bay.

Điều 19. Khoảng cách an toàn đối với tàu bay đang di chuyển

1. Người, phương tiện, trang thiết bị không được di chuyển cắt ngang đường lặn khi có tàu bay đang lặn, phải giữ khoảng cách an toàn tối thiểu là 125 m phía sau và 200 m phía trước một tàu bay đang lặn. Khi có tàu bay chuyên cơ, chuyên khoang hoạt động trên đường lặn, vệt lặn trên sân đỗ tàu bay, người, phương tiện và các tàu bay khác phải bảo đảm khoảng cách an toàn theo quy định về công tác bảo đảm chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang.

2. Khi tàu bay đang lặn hoặc kéo vào hoặc được đẩy lùi ra khỏi vị trí đỗ, tất

cả nhân viên, phương tiện, trang thiết bị mặt đất phải di chuyển ra ngoài vạch giới hạn an toàn vị trí đỗ tàu bay, ngoại trừ nhân viên đánh tín hiệu và nhân viên, phương tiện, thiết bị tham gia phục vụ kéo, đẩy tàu bay vào hoặc ra khỏi vị trí đỗ tàu bay.

Điều 20. Khoảng cách an toàn đối với tàu bay đang đỗ

1. Đối với tàu bay phản lực code C (A320, A321 hoặc tương đương): người, phương tiện, thiết bị phải giữ khoảng cách an toàn với bán kính tối thiểu là 06 m phía trước và 60 m phía sau động cơ tàu bay đang hoạt động ở chế độ không tải.

2. Đối với tàu bay phản lực code D, E, F (B767, A330, A350, B787 và B747-8, B777-9, A380 hoặc tương đương): người, phương tiện, thiết bị phải giữ khoảng cách an toàn với bán kính tối thiểu là 08 m phía trước và 80 m phía sau động cơ tàu bay đang hoạt động ở chế độ không tải.

3. Đối với tàu bay cánh quạt và phản lực khu vực (tàu bay tương đương code A, B): người, phương tiện, thiết bị phải giữ khoảng cách an toàn với bán kính tối thiểu là 04 m phía trước và 40 m phía sau động cơ tàu bay đang hoạt động ở chế độ không tải.

Điều 21. Thứ tự tiếp cận tàu bay của phương tiện đối với tàu bay đến

1. Thứ tự tiếp cận của phương tiện khi phục vụ cùng một phía của tàu bay đến thực hiện theo tài liệu khai thác tàu bay của hãng hàng không.

2. Trường hợp tài liệu khai thác tàu bay của hãng hàng không không quy định thì thứ tự tiếp cận của phương tiện khi phục vụ cùng một phía của tàu bay đến thực hiện như sau:

a) Các phương tiện, thiết bị phục vụ hành khách như xe thang, cầu hành khách, xe chở khách;

b) Các phương tiện phục vụ hàng hóa, hành lý và xe phục vụ hành khách hạn chế khả năng di chuyển;

c) Các phương tiện phục vụ suất ăn, xăng dầu, và xe chở nhân viên trên sân đỗ;

d) Các phương tiện, thiết bị phục vụ kỹ thuật tàu bay như xe cấp điện cho tàu bay, xe cấp khí khởi động tàu bay, xe điều hòa không khí, xe hút vệ sinh, xe cấp nước sạch, thiết bị phụ trợ gắn với cầu hành khách.

3. Trong trường hợp bất thường thì thứ tự tiếp cận của phương tiện sẽ theo yêu cầu của Người khai thác tàu bay.

Điều 22. Hoạt động trong khu vực an toàn vị trí đỗ tàu bay, cầu hành khách

1. Người, phương tiện không được di chuyển, dừng, đỗ bên trong khu vực an toàn vị trí đỗ tàu bay khi tàu bay đang lăn vào vị trí đỗ, động cơ chính đang hoạt động, đèn chống va chạm chưa tắt.

2. Người, phương tiện không được di chuyển, dừng, đỗ phía dưới cầu hành

khách, trường hợp cần thiết phải vào khu vực hoạt động của cầu hành khách (khu vực sơn tín hiệu vạch chéo màu đỏ), phải tuân thủ nguyên tắc tiếp cận sau khi cầu hành khách đã vào vị trí khai thác hoặc đã lùi về vị trí dừng chờ theo quy định, đồng thời người điều khiển phương tiện phải chủ động giữ liên lạc với người vận hành cầu hành khách trong suốt quá trình phục vụ.

3. Phương tiện không được dừng, đỗ và di chuyển trên hố van tra nạp nhiên liệu ngầm, hố van trụ nước cứu hỏa ngầm.

Mục 3. AN TOÀN ĐỐI VỚI NGƯỜI, PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ HOẠT ĐỘNG TẠI SÂN BAY

Điều 23. Người hoạt động trong sân bay

1. Tuân thủ các quy định về công tác bảo đảm an ninh, an toàn tại sân bay, đeo thẻ kiểm soát an ninh hàng không do cơ quan có thẩm quyền cấp còn hiệu lực.

2. Mặc áo phản quang hoặc áo có gắn dải phản quang.

3. Người và phương tiện hoạt động trong khu bay phải được trang bị thiết bị liên lạc hai chiều phù hợp để duy trì liên lạc liên tục trên tần số được quy định tại mỗi cảng hàng không. Trong phạm vi khu bay, người và phương tiện phải tuân thủ huấn lệnh của đài kiểm soát không lưu theo quy định. Trường hợp không trang bị thiết bị liên lạc riêng lẻ, tổ chức khai thác phải bố trí phương thức bảo đảm duy trì liên lạc liên tục trong quá trình hoạt động.

4. Khi điều khiển phương tiện, vận hành thiết bị phải tuân thủ các giới hạn tốc độ theo quy định; không được tăng tốc hoặc phanh đột ngột khi phương tiện tiếp cận hoặc rời khỏi tàu bay; phải quan sát trước, sau và làm chủ được tốc độ khi cho phương tiện chuyển bánh, lưu thông trên đường công vụ, chuyển hướng tiếp cận tàu bay vòng tránh, lùi sau.

5. Chấp hành hướng di chuyển, phương thức di chuyển tránh va chạm với các phương tiện khác; tuân thủ quy định về tuyến và hành lang, luồng chạy của các phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của cảng hàng không.

6. Tuân thủ quy trình vận hành tiêu chuẩn của nhà sản xuất, người khai thác phương tiện; các quy tắc về an toàn lao động và quy định về phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường; mặc trang phục làm việc đúng quy định của đơn vị.

7. Khi điều khiển phương tiện di chuyển trên đường công vụ, tại các giao điểm giữa đường công vụ và đường lăn, người điều khiển phương tiện phải quan sát và dừng lại để tàu bay lăn. Khi điều khiển phương tiện di chuyển trên đường công vụ, tại các giao điểm giữa đường công vụ và vệt dẫn từ tìm đường lăn đến vị trí đỗ tàu bay, người điều khiển phải giảm tốc độ, quan sát hoạt động của tàu bay, dừng phương tiện tại vị trí theo quy định để bảo đảm khoảng cách an toàn đối với tàu bay khi thấy tàu bay di chuyển, chỉ được phép di chuyển khi tàu bay đã lăn qua khỏi điểm giao cắt bảo đảm khoảng cách an toàn đối với tàu bay.

8. Người điều khiển phương tiện phải quan sát, giảm tốc độ hoặc dừng

phương tiện để không gây mất an toàn trong những trường hợp sau đây:

- a) Khi có yêu cầu của người có thẩm quyền theo quy định tại cảng hàng không;
- b) Khi có tàu bay đang lăn; khi đi ngang qua khu vực đỗ tàu bay, khu vực có hoạt động phục vụ mặt đất tại sân đỗ tàu bay, khu vực chất xếp, bốc dỡ hành lý, hàng hóa, khu vực di chuyển của hành khách, khu vực đang thi công;
- c) Khi tầm nhìn hạn chế;
- d) Khi tránh xe ngược chiều hoặc cho xe sau vượt lên;
- đ) Khi đến điểm đen trên đường công vụ;
- e) Khi vào góc cua trên đường công vụ.

9. Người điều khiển phương tiện không được dừng, đỗ phương tiện trên đường công vụ (trừ các trường hợp gồm: phương tiện đang phục vụ nhân viên làm việc trong sân bay, hành khách, hành lý, hàng hóa trên đường công vụ tiếp giáp nhà ga hành khách, nhà ga hàng hóa; phương tiện phục vụ công tác khẩn nguy cứu nạn, phòng cháy, chữa cháy đang làm nhiệm vụ và các trường hợp quy định trong khoản 7, 8 của Điều này; phương tiện dừng, đỗ trên đường công vụ tại các vị trí có kẻ vạch cho phép dừng đỗ và trong các trường hợp dừng, đỗ khi có hiệu lệnh của người có thẩm quyền) hoặc đỗ sai vị trí quy định, gây ách tắc cho các loại phương tiện khác.

10. Người điều khiển phương tiện không điều khiển phương tiện chạy cắt ngang qua khoảng cách giữa:

- a) Xe dẫn tàu bay và tàu bay đang lăn;
- b) Tàu bay và nhân viên đánh tín hiệu mặt đất;
- c) Phạm vi ảnh hưởng của hệ thống VDGS khi hệ thống này đang hoạt động và tàu bay đang lăn vào vị trí đỗ tàu bay. Người khai thác cảng phải có trách nhiệm xác định phạm vi ảnh hưởng của hệ thống VDGS và phải được nêu trong quy định an toàn của cảng;
- d) Luồng hành khách đang đi bộ từ tàu bay ra xe chở khách, nhà ga hành khách và ngược lại.

11. Người điều khiển phương tiện không điều khiển phương tiện di chuyển dưới thân, cánh, động cơ tàu bay, trừ các phương tiện có chức năng phục vụ phải di chuyển một phần phía dưới tàu bay trong quá trình phục vụ.

12. Người điều khiển phương tiện, vận hành thiết bị khi di chuyển trên đường công vụ dưới cầu hành khách phải tuân thủ biển báo giới hạn chiều cao phương tiện. Người khai thác công trình nhà ga hành khách phải công bố giới hạn chiều cao của cầu hành khách và gắn biển giới hạn chiều cao tại các vị trí yêu cầu giới hạn chiều cao của phương tiện, thiết bị khi di chuyển dưới cầu hành khách.

13. Người điều khiển phương tiện, vận hành thiết bị khi di chuyển từ đường

công vụ vào các khu vực có giới hạn chiều cao của phương tiện, thiết bị và ngược lại phải tuân thủ quy định về giới hạn chiều cao của phương tiện, thiết bị do người khai thác công trình công bố. Người khai thác công trình phải gắn biển giới hạn chiều cao tại các vị trí yêu cầu giới hạn chiều cao đối với phương tiện, thiết bị tại các khu vực cần giới hạn chiều cao của phương tiện, thiết bị.

14. Người điều khiển phương tiện không được rời khỏi vị trí điều khiển khi động cơ đang hoạt động, ngoại trừ các trường hợp:

- a) Xe tra nạp nhiên liệu khi đã thiết lập hoạt động hệ thống khóa liên động;
- b) Phương tiện, thiết bị khi đã hạ hệ thống chân chống ở chế độ an toàn;
- c) Phương tiện, thiết bị có vị trí vận hành phục vụ khác với vị trí vận hành di chuyển hoặc xe đầu kéo móc nối đồ-ly, móc hàng hóa, xe băng chuyền tự hành và không tự hành khi hệ thống phanh tay của phương tiện, thiết bị đã được kích hoạt hoàn toàn và phương tiện, thiết bị đã được chèn bánh.

15. Khi tiếp cận tàu bay, người điều khiển phương tiện phải tuân theo các quy tắc sau đây:

- a) Chỉ được phép tiếp cận khi tàu bay đã dừng hẳn, đã chèn bánh, động cơ chính đã tắt, đèn cảnh báo chống va chạm đã tắt, trừ trường hợp tàu bay phải có phương tiện hỗ trợ mới tắt được động cơ và phải có tín hiệu xác nhận bảo đảm từ nhân viên thông thoại với tổ lái;
- b) Tiếp cận tàu bay theo đúng thứ tự quy định tại Điều 21 của Thông tư này;
- c) Đỗ đúng vị trí theo sơ đồ phục vụ của từng loại tàu bay và không được ảnh hưởng đến hoạt động của các phương tiện khác hoạt động trên sân bay;
- d) Bảo đảm có người hướng dẫn đối với các phương tiện tiếp cận tàu bay, trừ các phương tiện có hệ thống tự động tiếp cận tàu bay.

16. Người điều khiển phương tiện phải nắm rõ sơ đồ mặt bằng vị trí khai thác, các luồng tuyến dành cho phương tiện di chuyển hoạt động, các tín hiệu đèn, biển báo, biển chỉ dẫn, tín hiệu sơn kẻ, quy định vận hành phương tiện, thiết bị trên sân đỗ.

17. Người làm việc trên sân đỗ tàu bay không được đi lại trên đường công vụ dành cho phương tiện, chỉ được phép đi cắt ngang qua đường công vụ tại các vị trí dành cho người đi bộ, trừ người làm nhiệm vụ kiểm tra, vệ sinh sân đường; chú ý quan sát, giữ khoảng cách an toàn khi di chuyển ngang qua khu vực có hoạt động phục vụ, khai thác mặt đất và khi có tàu bay đang hoạt động. Người khai thác cảng hàng không có trách nhiệm xác định vị trí cho phép người làm việc trên sân đỗ tàu bay được cắt ngang đường công vụ trong sân bay.

18. Người làm việc trên sân đỗ tàu bay không được tạm nghỉ, tránh nắng, mưa bên dưới, sát cạnh, xung quanh phương tiện, thiết bị mặt đất đang chờ phục vụ hoặc đang phục vụ tàu bay.

19. Khi phương tiện đang di chuyển trên đường công vụ trong sân bay,

người điều khiển phương tiện và người ngồi trên phương tiện phải thắt dây an toàn tại vị trí có trang bị dây an toàn.

20. Không mang chất dễ cháy, chất nổ, chất độc hại, chất ăn mòn hoặc bất kỳ chất nào khác có khả năng gây ảnh hưởng đến công trình, trang thiết bị khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.

21. Không hút thuốc trong sân bay; không được đốt lửa, tạo ra nguồn lửa hở trong sân bay khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền.

22. Không vứt rác và chất thải trong sân bay.

23. Không sử dụng điện thoại di động khi đang điều khiển phương tiện, vận hành thiết bị mặt đất, trừ trường hợp khẩn cấp phải liên lạc hoặc bộ đàm liên lạc hỏng.

24. Khi không có nhiệm vụ, người, phương tiện không được phép tiếp cận tàu bay, tiếp cận trang thiết bị tại sân bay và di chuyển trên khu vực hoạt động của sân bay.

Điều 24. Sử dụng phương tiện, thiết bị hoạt động trong sân bay

1. Các phương tiện, thiết bị hoạt động trong sân bay thuộc danh mục được quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này phải được cấp biển kiểm soát, đánh dấu nhận biết đơn vị quản lý bằng tên đầy đủ của đơn vị hoặc viết tắt (tiếng Anh hoặc tiếng Việt). Quy cách của biển kiểm soát tuân thủ theo quy định sau:

a) Phần chữ gồm các ký tự thể hiện tên hoặc ký hiệu của cảng hàng không hoặc doanh nghiệp quản lý phương tiện, thiết bị.

b) Hai chữ số tiếp theo chỉ loại phương tiện, thiết bị theo phụ lục IV được ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Ba chữ số tiếp theo chỉ loại phương tiện là những chữ số chỉ số thứ tự của từng loại phương tiện, thiết bị bắt đầu từ 001;

d) Chất liệu của biển số: biển số xe được sản xuất bằng kim loại, có màng phản quang, nền màu xanh, chữ và số màu trắng;

đ) Tùy thuộc thiết kế của phương tiện chuyên dùng, đơn vị quản lý, khai thác phương tiện, thiết bị chuyên dùng đề xuất sử dụng loại biển phù hợp như sau:

đ1) Biển số ngắn, kích thước: chiều cao 165 mm, chiều dài 330 mm;

đ2) Biển số dài, kích thước: chiều cao 110 mm, chiều dài 520 mm;

đ3) Biển số kích thước trung bình: chiều cao 140 mm, chiều dài 190 mm.

e) Kích thước chữ và số trên biển số:

e1) Chiều cao của chữ và số: 63 mm;

e2) Chiều rộng của chữ và số: 38 mm;

e3) Nét đậm của chữ và số: 10 mm;

e4) Kích thước gạch ngang (-): chiều dài 14 mm; chiều rộng 10 mm.

2. Các đối tượng được phép sử dụng xe đạp, xe máy trên sân đỗ tàu bay và đường công vụ trong sân bay, tuyến đường di chuyển, các yêu cầu về kỹ thuật gồm đèn cảnh báo, sơn phản quang, phương án bảo đảm an toàn khai thác trong điều kiện thời tiết nguy hiểm hoặc tầm nhìn hạn chế phải được xác định trong tài liệu khai thác sân bay, phù hợp với thực trạng khai thác tại cảng hàng không, bao gồm:

a) Lực lượng an ninh hàng không;

b) Nhân viên hàng không lĩnh vực đảm bảo hoạt động bay chuyên ngành cung cấp dịch vụ thông tin, dẫn đường, giám sát và đánh tín hiệu trong sân bay;

c) Nhân viên bảo trì công trình, thiết bị trong sân bay;

d) Nhân viên kiểm soát chim, động vật hoang dã hoặc ngăn chặn các trường hợp xâm nhập trái phép vào sân bay;

đ) Nhân viên làm nhiệm vụ vệ sinh, kiểm soát sân đỗ tàu bay.

3. Các đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không, dịch vụ phục vụ kỹ thuật mặt đất phải xây dựng:

a) Quy trình tiếp cận, phục vụ tàu bay cho phương tiện, thiết bị nhằm bảo đảm an toàn khai thác sân bay, bảo đảm phù hợp với tài liệu khai thác tàu bay;

b) Phương án di dời phương tiện mất khả năng di chuyển; thống nhất phương án với người khai thác cảng hàng không để phù hợp với tài liệu khai thác sân bay và các quy định về an toàn khai thác tại khu vực hạn chế cảng hàng không;

c) Các phương án xử lý tình huống bất thường khác trong phạm vi trách nhiệm dịch vụ do đơn vị cung cấp.

4. Trên phương tiện phải được trang bị các thiết bị phòng cháy, chữa cháy phù hợp theo quy định của pháp luật phòng cháy, chữa cháy. Các thiết bị chữa cháy phải được kiểm tra định kỳ, còn trong thời hạn sử dụng theo quy định.

5. Phương tiện phải được bật đèn chiếu gần (đèn cốt), đèn xoay hoặc đèn nháy (đèn cảnh báo) và không dùng đèn pha (đèn chiếu xa) khi điều khiển phương tiện, thiết bị vào ban đêm hoặc khi trời mù, trời mưa, tầm nhìn hạn chế, ngoại trừ xe kéo đẩy tàu bay đang kéo, đẩy tàu bay.

6. Phương tiện, thiết bị không có chân chống (không bao gồm đô-ly, moóc chở hàng hóa, phương tiện tra nạp nhiên liệu cho tàu bay có trang bị hệ thống khóa liên động, cần đẩy tàu bay, thiết bị chống đuôi tàu bay) phải được trang bị vật chèn bánh; vật chèn bánh phải được kiểm tra thường xuyên và để ở vị trí không tự rời khỏi phương tiện tạo thành vật ngoại lai, đồng thời không được để vật chèn bánh trên sàn công tác.

7. Khi đang đỗ trong sân đỗ hoặc đang dừng, đỗ để phục vụ tàu bay,

phương tiện, thiết bị phải được cài phanh tay hoặc đóng chèn bánh hoặc hạ chân chống thủy lực (đối với thiết bị có trang bị chân chống thủy lực); trừ xe tra nạp nhiên liệu có hệ thống khóa liên động.

8. Phương tiện không được vận chuyển quá tải trọng, quá số người quy định đối với từng loại phương tiện.

9. Khi không hoạt động hoặc khi kết thúc phục vụ chuyển bay, các phương tiện, thiết bị phải được đỗ tập kết trong phạm vi giới hạn khu vực tập kết phương tiện, thiết bị theo quy định.

10. Phương tiện hoạt động tại sân bay bị dừng hoạt động trong các trường hợp sau:

a) Không được kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường hoặc không đáp ứng yêu cầu khai thác theo tài liệu kỹ thuật của phương tiện;

b) Gây sự cố, tai nạn.

11. Phương tiện chuyên ngành hàng không quy định tại khoản 10 Điều này được hoạt động trở lại trong các trường hợp sau:

a) Đã khắc phục các vi phạm quy định tại điểm a khoản 10 Điều này;

b) Đã xác định nguyên nhân sự cố, tai nạn liên quan đến phương tiện.

Điều 25. Tốc độ di chuyển của phương tiện hoạt động tại sân bay

1. Tốc độ tối đa cho phép:

a) 05 km/h trong khu vực an toàn vị trí đỗ tàu bay;

b) 35 km/h trên đường công vụ trên sân đỗ tàu bay;

c) 50 km/h trên đường công vụ ngoài sân đỗ tàu bay, đường phục vụ công tác tuần tra sân bay.

2. Tốc độ tối đa cho phép quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng trong trường hợp có tình huống khẩn nguy tại sân bay. Trong trường hợp này, các phương tiện thực hiện nhiệm vụ khẩn nguy theo kế hoạch khẩn nguy được duyệt và công bố.

3. Trong điều kiện đặc biệt của từng cảng hàng không và để bảo đảm an toàn khai thác tại sân bay, người khai thác cảng hàng không có thể quy định cụ thể tốc độ của phương tiện hoạt động tại khu vực hạn chế của sân bay trong tài liệu khai thác sân bay, phù hợp với tính năng hoạt động của phương tiện nhưng không được vượt quá tốc độ tối đa cho phép quy định tại khoản 1 Điều này, đồng thời nêu rõ lý do cụ thể và thông báo rộng rãi cho các cơ quan, đơn vị biết, tổ chức thực hiện.

4. Người khai thác cảng hàng không thực hiện việc sơn tín hiệu giới hạn tốc độ hoặc gắn biển giới hạn tốc độ trên đường công vụ trong sân bay.

Điều 26. Quyền ưu tiên hoạt động trong sân bay

1. Người, phương tiện, thiết bị phải dừng, đỗ, di chuyển về vị trí an toàn

theo quy định khi tàu bay đang hạ cánh, cất cánh và di chuyển.

2. Người, phương tiện, thiết bị hoạt động trên sân bay phải ưu tiên, nhường đường cho xe, phương tiện tham gia ứng phó tình huống khẩn cấp nguy hiểm sân bay, phục vụ chuyển bay chuyên cơ.

3. Người, phương tiện, thiết bị hoạt động trên sân bay phải ưu tiên nhường đường cho phương tiện, xe kéo đẩy đang kéo, đẩy tàu bay.

Điều 27. Hoạt động của người, phương tiện khi di chuyển trên đường cất hạ cánh, đường lăn

1. Người và phương tiện khi tham gia hoạt động trên đường cất hạ cánh, đường lăn phải được sự đồng ý và tuân thủ nghiêm hướng dẫn của kiểm soát viên không lưu; bảo đảm liên lạc được thông suốt và liên tục trong quá trình hoạt động.

2. Khi nhận được yêu cầu di chuyển ra khỏi đường cất hạ cánh, đường lăn từ Đài kiểm soát không lưu, người, phương tiện phải nhanh chóng di chuyển bảo đảm khoảng cách an toàn theo quy định so với tim đường cất hạ cánh, đường lăn.

3. Người và phương tiện đang di chuyển trên đường lăn phải dừng chờ tại vị trí chờ trên đường lăn trước khi lên đường cất hạ cánh hoặc tại các giao điểm của các đường lăn trừ khi được phép của Đài kiểm soát không lưu.

4. Trong trường hợp mất liên lạc, người điều khiển phương tiện phải:

a) Tìm mọi cách để thiết lập lại liên lạc với kiểm soát viên không lưu;

b) Chủ động quan sát hoạt động trên đường cất hạ cánh, đường lăn và thực hiện việc di dời khỏi đường cất hạ cánh, đường lăn, bảo đảm khoảng cách an toàn đối với tim đường cất hạ cánh, đường lăn và dừng chờ cho đến khi liên lạc hoặc nhận được chỉ dẫn của Đài kiểm soát không lưu bằng tín hiệu đèn theo quy định;

c) Sử dụng các thiết bị liên lạc cần thiết để liên lạc trực tiếp với người khai thác cảng hàng không và Đài kiểm soát không lưu để thông báo việc di chuyển ra khỏi đường cất hạ cánh, đường lăn và phối hợp xử lý.

Điều 28. Sử dụng bộ đàm trong sân bay

1. Người sử dụng bộ đàm phải điều chỉnh đúng tần số quy định, duy trì liên lạc hai chiều và không được phép chen ngang, làm gián đoạn liên lạc.

2. Việc trao đổi thông tin trên tần số với Đài kiểm soát không lưu phải ngắn gọn, nêu rõ người gọi, người nghe. Không được phép sử dụng bộ đàm vào mục đích riêng.

Điều 29. Sử dụng tín hiệu bằng tay

1. Các loại tín hiệu bằng tay để chỉ dẫn cho nhân viên vận hành các loại phương tiện, thiết bị mặt đất, người chỉ huy kéo đẩy đến nhân viên điều khiển xe kéo đẩy tàu bay, người cảnh giới đến người chỉ huy kéo đẩy và nhân viên điều khiển xe kéo đẩy tàu bay.

2. Việc sử dụng tín hiệu bằng tay được thực hiện theo tài liệu IGOM của IATA.

3. Các đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không phải có hướng dẫn về sử dụng tín hiệu bằng tay cho nhân viên làm việc tại sân bay.

Điều 30. Tập kết phương tiện, thiết bị khi không hoạt động

1. Phương tiện, thiết bị không hoạt động phải được đỗ đúng vị trí tập kết quy định trên sân đỗ tàu bay đã được sơn kẻ tín hiệu hoặc khu vực sân tập kết phương tiện, thiết bị.

2. Khi đỗ tại vị trí tập kết, phương tiện phải được kéo phanh tay, chèn bánh hoặc hạ chân chống.

3. Phương tiện, thiết bị phải sắp xếp có trật tự, bảo đảm dễ dàng thoát ly và không gây cản trở cho các phương tiện, trang thiết bị khác.

4. Trong trường hợp có gió lớn, các phương tiện, thiết bị khi không hoạt động phải được chằng néo, cố định chắc chắn để không bị cuốn ra khỏi khu vực tập kết.

Điều 31. Xử lý ban đầu đối với các sự cố, vụ việc liên quan đến người và phương tiện hoạt động tại sân bay

1. Phương tiện, thiết bị khi hoạt động trên đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay gặp sự cố hoặc hư hỏng, người điều khiển phương tiện, thiết bị phải thông báo ngay cho Đài kiểm soát không lưu, người khai thác cảng hàng không.

2. Đơn vị quản lý, khai thác phương tiện, thiết bị hoạt động trong sân bay phải tổ chức di dời phương tiện, thiết bị gặp sự cố về kỹ thuật hoặc hư hỏng đến khu vực an toàn theo yêu cầu của người khai thác cảng hàng không; không được phép sửa chữa phương tiện, thiết bị trên đường cất hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay.

3. Trường hợp đơn vị quản lý, khai thác phương tiện, thiết bị không có khả năng di dời hoặc triển khai chậm phương án di dời phương tiện, thiết bị, làm ảnh hưởng đến hoạt động bay, người khai thác cảng hàng không tổ chức di dời phương tiện, thiết bị đang gặp sự cố hoặc hư hỏng. Đơn vị quản lý, khai thác phương tiện, thiết bị có trách nhiệm hiệp đồng, thỏa thuận với người khai thác cảng hàng không để tổ chức di dời phương tiện, thiết bị đang gặp sự cố hoặc hư hỏng.

4. Người làm việc tại sân bay khi thấy sự cố, vụ việc cháy nổ phải:

a) Nhanh chóng dập tắt đám cháy bằng các phương tiện, trang thiết bị chữa cháy tại chỗ, đồng thời tìm mọi biện pháp để cách ly đám cháy với tàu bay và các phương tiện khác;

b) Thông báo ngay cho Đài kiểm soát không lưu để điều hành hoạt động của tàu bay, đồng thời thông báo cho người khai thác cảng hàng không để xử lý

tình huống.

5. Người làm việc tại sân bay khi thấy sự cố, vụ việc va chạm phải:

a) Giữ nguyên hiện trường đến khi cơ quan chức năng có mặt;

b) Thông báo cho Đài kiểm soát không lưu, người khai thác cảng hàng không, Cảng vụ hàng không và các cơ quan chức năng để xử lý.

6. Tổ chức, cá nhân trực tiếp gây ra sự cố tràn, đổ nhiên liệu, dầu máy phải

a) Kịp thời thực hiện các biện pháp cảnh báo, cô lập khu vực và xử lý ban đầu theo quy trình an toàn; việc thu gom, xử lý phải bảo đảm không để lan rộng và không gây ảnh hưởng đến môi trường.

b) Thông báo ngay cho người khai thác cảng hàng không và các đơn vị liên quan để phối hợp xử lý trong trường hợp sự cố tràn, đổ có phạm vi lan rộng (ước tính từ 4 m² trở lên) hoặc vượt khả năng xử lý ban đầu.

7. Đài kiểm soát không lưu và người khai thác cảng hàng không phải thông báo cho người và phương tiện không được di chuyển qua khu vực nhiên liệu tràn; yêu cầu các phương tiện đang hoạt động gần khu vực nhiên liệu tràn phải di chuyển ra xa hoặc tắt động cơ.

Mục 4. AN TOÀN TỐI THIỂU KHI CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG

Điều 32. Cung cấp dịch vụ xe dẫn tàu bay

1. Khi dẫn tàu bay, xe dẫn tàu bay và tàu bay phải bảo đảm khoảng cách từ khoảng 150 m đến 200 m. Khi có tàu bay chuyên cơ, chuyên khoang, xe dẫn phải bảo đảm khoảng cách an toàn theo quy định về công tác bảo đảm chuyển bay chuyên cơ, chuyên khoang.

2. Người điều khiển xe dẫn tàu bay phải tuyệt đối chấp hành huấn lệnh của Đài kiểm soát không lưu trong quá trình dẫn tàu bay.

3. Dịch vụ xe dẫn được cung cấp cho tàu bay đi, đến hoặc cho các phương tiện hoạt động không thường xuyên trong sân bay khi có yêu cầu.

Điều 33. Cung cấp dịch vụ kéo, đẩy tàu bay

1. Khi cung cấp dịch vụ kéo, đẩy tàu bay, phải sử dụng xe kéo đẩy và cần kéo đẩy phù hợp với từng loại tàu bay.

2. Người điều khiển xe kéo đẩy tàu bay phải thực hiện đúng quy trình vận hành khai thác.

3. Khi điều khiển xe kéo đẩy tàu bay, người điều khiển tuân thủ các giới hạn về tốc độ như sau:

a) Không vượt quá 10 km/h khi đang kéo, đẩy tàu bay;

b) Không vượt quá 25 km/h khi chạy không tải.

4. Trong quá trình kéo, đẩy tàu bay không được:

- a) Tăng tốc hoặc dừng đột ngột;
- b) Để người đu, bám bên ngoài buồng lái của xe kéo đẩy tàu bay;
- c) Để chèn bánh hoặc vật khác trên cần kéo đẩy tàu bay;
- d) Để người đứng, ngồi trên cần kéo đẩy tàu bay;
- đ) Cài số lùi để kéo tàu bay.

5. Khi kéo, đẩy tàu bay trong điều kiện ban đêm hoặc sương mù, phải bảo đảm đèn chống va chạm, đèn đầu mút cánh tàu bay đã được bật sáng và đèn pha, đèn tín hiệu trên nóc xe kéo đẩy phải bật sáng.

6. Phải có nhân viên cảnh giới trong quá trình kéo, đẩy tàu bay trong các trường hợp sau:

- a) Tàu bay không thể bật đèn chống va chạm, đèn đầu mút cánh tàu bay, phải có nhân viên cảnh giới ở hai bên đầu mút cánh tàu bay;
- b) Có hoạt động xây dựng, sửa chữa trên đường lăn hoặc lân cận vị trí đỗ làm hạn chế khoảng cách an toàn đối với tàu bay;
- c) Điều kiện thời tiết làm hạn chế tầm nhìn khi hoạt động;
- d) Tàu bay khi được đẩy ra hoặc kéo vào; lăn ra hoặc lăn vào vị trí đỗ mà bên cạnh có tàu bay, phương tiện, thiết bị khác đỗ thì phải có người cảnh giới ở hai bên đầu mút cánh tàu bay.

7. Trước khi kéo, đẩy tàu bay, nhân viên điều khiển xe kéo đẩy tàu bay và người chỉ huy kéo đẩy tàu bay phải kiểm tra, quan sát các phương tiện, thiết bị khác bảo đảm đã rút ra khỏi khu vực an toàn tại vị trí đỗ tàu bay; tiến hành việc kéo, đẩy tàu bay theo huấn lệnh của người chỉ huy kéo đẩy và phải giữ liên lạc hai chiều với kiểm soát viên không lưu.

8. Trong quá trình kéo, đẩy tàu bay từ vị trí đỗ vào vị trí đỗ tàu bay và ngược lại, nhân viên điều khiển xe kéo đẩy tàu bay phải chấp hành lệnh của người chỉ huy kéo đẩy, người chỉ huy kéo đẩy phải ở trong tầm nhìn thấy của nhân viên điều khiển xe kéo đẩy tàu bay và nhân viên kỹ thuật tàu bay, đồng thời giữ khoảng cách di chuyển an toàn tối thiểu là 03 m so với xe kéo đẩy tàu bay, cần kéo đẩy và mũi tàu bay; nhân viên cảnh giới phải quan sát hai bên mút cánh tàu bay và phía sau tàu bay để bảo đảm an toàn trong quá trình kéo đẩy.

9. Chỉ được phép kéo, đẩy tàu bay theo đúng các vệt lăn, vệt dẫn lăn quy định. Khi kéo, đẩy tàu bay không được vượt quá góc giới hạn quy định được đánh dấu tại vị trí càng bánh mũi.

Điều 34. Vận hành cầu hành khách

1. Trong trường hợp tốc độ gió dự báo vượt quá 46 km/h, cầu hành khách sau khi cập vào tàu bay phải được chèn bánh.

2. Khi tốc độ gió dự báo vượt quá 73 km/h, phải quay cầu hành khách để tránh hướng gió, hạn chế bề mặt tiếp xúc với gió. Cầu hành khách phải được xếp

rút, hạ thấp hoàn toàn và phải được chèn bánh. Không được quay đầu với một góc lớn hơn $87,5^\circ$ tính từ đường tâm trục trường hợp thông số kỹ thuật của nhà sản xuất cầu hành khách cho phép.

3. Khi tốc độ gió dự báo vượt quá 111 km/h:

a) Phải thu các nhánh cầu hành khách về vị trí không khai thác; đỗ cầu hành khách sao cho tâm của cầu được định vị trên các điểm chằng néo trên bề mặt sân đỗ. Cầu hành khách được định vị để các đai dây chằng vuông góc với đường tâm của cầu khi được thu lại hoàn toàn;

b) Các gờ mấu dây chằng được đặt sát với đầu cuối của cabin cầu hành khách, được hàn vào thanh dầm chữ I để nâng chống cho buồng điều khiển;

c) Trường hợp cơ sở hạ tầng không thiết kế có các vị trí để chằng néo cầu hành khách trên mặt sân đỗ tàu bay như yêu cầu tại điểm a, b khoản này, cầu hành khách phải được chèn chặt bánh và thực hiện các quy trình như khi tốc độ gió vượt quá 73 km/h;

d) Dừng khai thác cầu hành khách.

4. Một số cầu hành khách có giới hạn thiết kế hoạt động trong các giai đoạn có gió mạnh, người khai thác cầu hành khách phải tuân thủ giới hạn này và thiết lập các quy trình khai thác liên quan đến hoạt động của cầu hành khách bảo đảm phù hợp với giới hạn thiết kế.

5. Trong trường hợp khi vận hành cầu hành khách gặp khó khăn hay không thể điều khiển được hoặc mất cân bằng trọng tâm, nhân viên vận hành cầu hành khách phải giữ nguyên trạng, ngừng khai thác và báo cáo ngay cho bộ phận kỹ thuật đến sửa chữa.

6. Trên các cầu hành khách phải có biển báo ghi rõ độ cao giới hạn đối với phương tiện, thiết bị vận hành dưới cầu hành khách; sơn kẻ bổ sung độ cao giới hạn đối với phương tiện, thiết bị vận hành dưới cầu hành khách trên đường công vụ, dưới cầu hành khách khi cần thiết tăng cường giải pháp an toàn khai thác. Đối với các loại cầu hành khách không thiết kế hệ thống neo chống bão thì phải thu các nhánh cầu hành khách về vị trí không khai thác; hạ thấp độ cao cầu ở mức thấp nhất, chèn bánh và xoay cabin cầu về vị trí ngược với hướng gió.

7. Nhân viên vận hành cầu hành khách không được rời khỏi vị trí cầu hành khách cho đến khi hành khách đã xuống hết tàu bay hoặc lên hết tàu bay, trừ trường hợp nhân viên chỉ vận hành các tính năng cung cấp dịch vụ phụ trợ khác của cầu hành khách như cấp điện, khí lạnh, nước sạch nhưng phải bảo đảm bàn điều khiển cầu hành khách đã được khóa vận hành và không thể tác động vào hệ thống điều khiển.

8. Cầu hành khách được sử dụng cùng các dịch vụ kỹ thuật đồng bộ kèm theo tại cầu hành khách. Trong trường hợp có sự cố kỹ thuật đối với cầu hành khách, việc sử dụng dịch vụ kỹ thuật được thực hiện theo thỏa thuận giữa người sử dụng và đơn vị được phép cung ứng dịch vụ tại sân bay.

Điều 35. Cung cấp dịch vụ cấp điện cho tàu bay

1. Nhân viên điều khiển xe cấp điện và nhân viên vận hành hệ thống cấp điện tại cầu hành khách chỉ thực hiện tiếp cận và nối cấp điện sau khi đã đặt chèn bánh mũi tàu bay.
2. Xe cấp điện hoặc xe vận chuyển thiết bị cấp điện phải đỗ ở vị trí tương ứng với vị trí cấp điện cho tàu bay theo tài liệu của nhà chế tạo tàu bay công bố và cách các lỗ thông hơi nhiên liệu tàu bay, phương tiện tra nạp tối thiểu 03 m, được kéo phanh và chèn bánh.
3. Nhân viên điều khiển xe cấp điện phải kiểm tra các tham số trên bảng điều khiển của xe, bảo đảm phù hợp với nguồn điện của tàu bay theo quy định của nhà chế tạo trước khi cấp điện.
4. Nhân viên điều khiển xe cấp điện, nhân viên vận hành hệ thống cấp điện tại cầu hành khách phải kiểm tra các cấp điện bảo đảm độ cách điện, không bị mòn, rách lớp vỏ bọc. Các đầu cắm điện với tàu bay phải sạch, khô, không hỏng và bảo đảm tiếp xúc tốt với ổ cắm điện trên tàu bay.
5. Trong suốt thời gian cấp điện, thiết bị cấp điện phải duy trì được độ ổn định các tham số kỹ thuật của nguồn điện cung cấp.
6. Trong quá trình cấp điện, nhân viên kỹ thuật không được rời khỏi vị trí công tác, phối hợp với nhân viên thợ máy và nhân viên thông thoại trong quá trình cấp điện cho tàu bay để bảo đảm an toàn trong quá trình cung cấp dịch vụ.
7. Nhân viên điều khiển xe cấp điện, nhân viên vận hành hệ thống cấp điện tại cầu hành khách không được sửa chữa, lau chùi các bộ phận của thiết bị trong quá trình cấp điện.

Điều 36. Cung cấp dịch vụ cấp khí cho tàu bay

1. Nhân viên điều khiển phương tiện cấp khí và nhân viên vận hành thiết bị cấp khí phải tiến hành theo quy trình kỹ thuật và hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất thiết bị cho từng loại thiết bị cấp khí.
2. Các chất khí qua các thiết bị cấp khí lên tàu bay phải bảo đảm các tiêu chuẩn kỹ thuật, y tế theo quy định trong tài liệu hướng dẫn sử dụng của từng loại thiết bị cấp khí; không được nạp những chất khí không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật, y tế hoặc hết hạn sử dụng lên tàu bay.
3. Nhân viên điều khiển phương tiện cấp khí và nhân viên vận hành thiết bị cấp khí không được sử dụng các bình tích áp đã hết niên hạn sử dụng theo quy định.
4. Nhân viên điều khiển phương tiện cấp khí và nhân viên vận hành thiết bị cấp khí không được dùng giẻ lau hoặc dụng cụ có dính dầu mỡ đối với thiết bị cấp khí ô xy.
5. Khi làm việc với các thiết bị cấp khí, nhân viên kỹ thuật cần phải biết chắc chắn biểu đồ quan hệ giữa nhiệt độ và áp suất các chất khí có trong các tài

liệu hướng dẫn sử dụng để bảo đảm an toàn khi vận hành.

6. Nhân viên điều khiển phương tiện cấp khí và nhân viên vận hành thiết bị cấp khí không được mở van cấp khí một cách đột ngột khi cấp khí cho tàu bay.

7. Nhân viên điều khiển phương tiện cấp khí và nhân viên vận hành thiết bị cấp khí không được tháo, lắp các đầu nối ống dẫn khí khi trong hệ thống chưa xả hết áp suất dư.

8. Nhân viên điều khiển phương tiện cấp khí và nhân viên vận hành thiết bị cấp khí phải xả hết áp suất dư trong hệ thống đường ống khi chưa cấp khí; các đầu nối ống dẫn khí cần đậy nắp cẩn thận và giữ gìn sạch sẽ, khô ráo khi chưa cấp khí.

9. Khí ô xy cấp cho tàu bay phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn. Khi tiến hành cấp khí ô xy cho tàu bay phải bố trí các thiết bị cứu hỏa thích hợp đầy đủ và nếu cần chiếu sáng thì phải dùng các đèn chống nổ.

Điều 37. Cung cấp dịch vụ tra nạp nhiên liệu tàu bay

Việc tra nạp nhiên liệu lên tàu bay phải bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo đảm kỹ thuật nhiên liệu hàng không.

Điều 38. Cung cấp chất lỏng khác lên tàu bay

1. Đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không phải sử dụng phương tiện chuyên dùng khi nạp các chất lỏng khác nhau. Việc nối nạp các chất lỏng với các hệ thống tàu bay phải được thực hiện bằng đầu nối phù hợp.

2. Các chất lỏng nạp lên tàu bay phải phù hợp về chủng loại với chất lỏng trên tàu bay và bảo đảm tiêu chuẩn kỹ thuật; không được nạp cho tàu bay những chất lỏng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật.

3. Các thiết bị nạp chất lỏng được kiểm tra thường xuyên về độ sạch của các hệ thống ống dẫn; sau khi sử dụng, đầu các ống dẫn phải được đậy kín để chống cát bụi, hơi nước và nước lọt vào.

4. Khi nạp chất lỏng với yêu cầu có áp suất lên tàu bay phải bảo đảm chắc chắn đã xả hết áp suất dư trong hệ thống thủy lực của thiết bị; chất lỏng cho hệ thống thủy lực đã đầy đủ mới bật bơm thủy lực để cấp chất lỏng cho tàu bay.

5. Không được tháo, lắp các đầu nối ống dẫn chất lỏng khi trong hệ thống thủy lực chưa xả hết áp suất dư.

6. Một số chất lỏng như dầu thủy lực của hệ thống thủy lực tàu bay có tính độc hại đối với con người và môi trường, khi làm việc với những chất lỏng này phải nghiêm chỉnh chấp hành những quy định ghi trong tài liệu hướng dẫn sử dụng.

7. Những chất lỏng có ảnh hưởng đến bề mặt sơn phủ, tính dính kết, độ kín hay hạn chế việc chống ô xy hóa phải đặc biệt chú ý trong quá trình nạp, không được làm đổ chất lỏng ra ngoài, khi chất lỏng bị đổ thì phải làm sạch ngay.

Điều 39. Chất xếp hoặc bốc dỡ hàng hóa, hành lý lên hoặc xuống tàu bay

1. Nhân viên điều khiển phương tiện chất xếp hoặc bốc dỡ hàng phải bảo đảm khoảng cách từ phương tiện chất xếp hoặc bốc dỡ hàng đến buồng hàng hóa luôn phù hợp trong quá trình chất xếp hoặc bốc dỡ hàng hóa, hành lý; đóng, mở buồng hàng phải thận trọng.
2. Việc sử dụng đòn bẩy khoang hàng hóa của tàu bay phải tuân thủ tài liệu khai thác tàu bay và có sự đồng ý của người khai thác tàu bay.
3. Phải kiểm soát chặt chẽ việc điều khiển, kiểm tra khi công-ten-nơ và pa-let được kéo đẩy bằng tay.
4. Không chất hàng quá quy định vào công-ten-nơ và mâm hàng; không kéo quá mạnh tránh cho mâm hàng khỏi cong, vênh khi kéo lưới mâm hàng.
5. Phải chú ý đến các chốt và thanh chắn cạnh khi đẩy pa-let và công-ten-nơ trên các phương tiện có con lăn hoặc bánh xe; không được đi lại trên các con lăn và bánh xe.
6. Người phục vụ không được đứng trên sàn xe nâng khi xe đang di chuyển; thanh dẫn phải đặt đúng vị trí khi xếp dỡ hàng.
7. Khi tiếp cận tàu bay, phải giữ khoảng cách giữa cao su giảm chấn đầu bằng tải của xe băng chuyền, xe nâng hàng, xe suất ăn, xe thang với cửa tàu bay phù hợp với sự thay đổi vị trí của tàu bay theo phương thẳng đứng do tải trọng thay đổi.
8. Xe băng chuyền chỉ được hoạt động khi xe đã tiếp cận đúng vị trí; trong khi chất xếp hoặc bốc dỡ hàng hóa, hành lý các nhân viên phục vụ không được đi lại trên mặt bằng tải của xe băng chuyền đang hoạt động.
9. Nhân viên chỉ được bước từ cửa buồng hàng tàu bay sang phương tiện hoặc ngược lại khi phương tiện đã dừng hẳn và ở trạng thái ổn định.

Điều 40. Cung cấp dịch vụ vệ sinh tàu bay

Quy trình phối hợp với người khai thác tàu bay hoặc tổ chức bảo dưỡng tàu bay được phê chuẩn đối với các dịch vụ hàng không có người, phương tiện tiếp cận trực tiếp với tàu bay.

Điều 41. Cung cấp một số dịch vụ khác tại sân bay

1. Xe thang, cầu hành khách, xe suất ăn, xe phục vụ hành khách hạn chế khả năng di chuyển khi tiếp cận tàu bay cần bảo đảm tấm cao su đệm đầu trên đạt khoảng cách an toàn với thân tàu bay theo khuyến cáo của IATA hoặc các tài liệu khai thác của hãng hàng không.
2. Xe suất ăn khi tiếp cận và rời khỏi tàu bay phải bảo đảm sàn trên của xe suất ăn đặt tại vị trí không ảnh hưởng đến việc mở cửa tàu bay; phải có bộ phận bảo vệ ngưỡng cửa tàu bay khi kéo xe suất ăn từ thiết bị thùng nâng xe suất ăn lên tàu bay.

3. Xe vệ sinh, xe cấp nước sạch phải bảo đảm vị trí của sàn làm việc theo quy định của tài liệu hướng dẫn vận hành. Nhân viên vận hành không được làm việc trên sàn khi xe còn đang chuyển động; các ống hút, cấp dẫn phải được thu gọn trước khi xe di chuyển.

4. Xe đầu kéo không được quá 4 đô-ly và tổng chiều dài các đô-ly không được vượt quá 12,2 m, không kể chiều dài cần kéo. Trước khi kéo phải bảo đảm thùng đựng hàng đã được đậy nắp, chốt của cần kéo đã được lắp chắc chắn, an toàn; chỉ được tháo các đô-ly ra khỏi đầu kéo khi xe đầu kéo đã dừng lại hẳn; không được vừa chạy vừa xả các đô-ly.

Điều 42. Kiểm soát các thiết bị chiếu sáng ảnh hưởng đến hoạt động bay

1. Người khai thác cảng hàng không chủ trì, phối hợp với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay tại cảng hàng không để thiết lập sơ đồ các vùng ảnh hưởng đến hoạt động bay của đèn laze, đèn công suất lớn trong tài liệu khai thác sân bay; gửi sơ đồ các vùng ảnh hưởng đến các cơ quan, đơn vị hoạt động tại cảng hàng không và chính quyền địa phương để phối hợp kiểm soát.

2. Cảng vụ hàng không chủ trì, phối hợp với người khai thác cảng hàng không, chính quyền địa phương để thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến các quy định và tổ chức kiểm soát việc sử dụng đèn laze, đèn công suất lớn tại khu vực lân cận cảng hàng không.

Điều 43. Thông tin liên lạc bằng vô tuyến điện

1. Việc thông tin liên lạc bằng các thiết bị vô tuyến điện tại cảng hàng không phải tuân thủ các quy định của pháp luật về quản lý tần số vô tuyến điện, pháp luật về hàng không dân dụng.

2. Sau khi được các cơ quan có thẩm quyền cấp phép sử dụng các thiết bị vô tuyến điện tại cảng hàng không, tổ chức, cá nhân sử dụng các thiết bị vô tuyến điện có trách nhiệm phối hợp với Cảng vụ hàng không, người khai thác cảng hàng không, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay để bảo đảm an toàn trong hoạt động khai thác, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát hiện nhanh chóng, chính xác nguồn nhiễu và phối hợp xử lý nhiễu có hiệu quả.

Điều 44. Khai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế

1. Người, phương tiện không được di chuyển vào khu vực nhạy cảm, khu vực hạn chế của thiết bị ILS khi có hoạt động bay, chỉ được chờ tại những vị trí dừng chờ theo quy định.

2. Người khai thác cảng hàng không chủ trì, phối hợp với đài kiểm soát không lưu, lực lượng an ninh hàng không kiểm soát không cho người, phương tiện hoạt động trong các khu vực nhạy cảm, khu vực hạn chế của thiết bị ILS, đường cất hạ cánh trong suốt thời gian áp dụng phương thức khai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế.

Điều 45. Khai thác trong điều kiện thời tiết nguy hiểm

1. Các điều kiện thời tiết nguy hiểm cần được thông báo bao gồm các hiện tượng:

- a) Đông, sét;
- b) Gió mạnh với tốc độ lớn hơn hoặc bằng 25 knots (46 km/h).

2. Khai thác trong trường hợp tốc độ gió lớn hơn hoặc bằng 40 knots (73 km/h).

a) Tàu bay phải được chèn bánh, cài phanh, chằng néo theo phương án chống bão của người khai thác tàu bay.

b) Đối với phương tiện, trang thiết bị mặt đất:

- b1) Phải được di chuyển về vị trí đỗ quy định;
- b2) Hạn chế việc kéo, đẩy tàu bay ra hoặc vào vị trí đỗ;
- b3) Ngừng tra nạp nhiên liệu cho tàu bay.

3. Cơ sở cung cấp dịch vụ khí tượng hàng không thực hiện cung cấp cho người khai thác cảng thông tin tối thiểu về các hiện tượng thời tiết nguy hiểm. Phạm vi, chi tiết nội dung và phương thức cung cấp thông tin được quy định cụ thể trong văn bản hiệp đồng hoặc quy chế phối hợp giữa hai bên. Các thông tin tối thiểu về hiện tượng thời tiết nguy hiểm được cung cấp bao gồm:

- a) Hiện tượng thời tiết nguy hiểm;
- b) Thời gian bắt đầu và thời gian dự kiến kết thúc hiện tượng thời tiết nguy hiểm;
- c) Phạm vi hoặc khu vực ảnh hưởng của hiện tượng thời tiết nguy hiểm

4. Người khai thác cảng hàng không xây dựng quy trình cảnh báo về thời tiết nguy hiểm tới cơ quan, đơn vị hoạt động tại cảng hàng không, trong đó thông báo rõ yêu cầu tạm dừng hoạt động khai thác trên sân đỗ tàu bay (nếu có).

5. Các đơn vị khi nhận được thông tin về thời tiết nguy hiểm hoặc quan sát thấy hiện tượng sấm, chớp, sét phải thông báo ngay cho nhân viên hoạt động trên sân đỗ tàu bay và tạm dừng hoạt động khai thác trên sân đỗ tàu bay theo yêu cầu của người khai thác cảng hàng không.

6. Cục Hàng không Việt Nam ban hành hướng dẫn xác định điều kiện thời tiết nguy hiểm; xác định các yêu cầu về hoạt động trên sân đỗ tàu bay tương ứng với từng điều kiện thời tiết nguy hiểm.

Điều 46. Di dời tàu bay mất khả năng di chuyển

1. Tàu bay mất khả năng di chuyển cần phải được di dời để không ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của cảng hàng không. Việc di dời tàu bay mất khả năng di chuyển thuộc trách nhiệm của người khai thác tàu bay. Người khai thác tàu bay phối hợp với người khai thác cảng hàng không để di dời tàu bay đến vị trí đỗ tàu bay đã được xác định trong phương án di chuyển tàu bay hư

hỏng.

2. Người khai thác cảng hàng không phải xây dựng phương án di dời tàu bay mất khả năng tự di chuyển, trong đó xác định và thông báo số điện thoại và số fax của cơ quan được giao xử lý các tình huống di chuyển tàu bay hỏng trên sân bay hoặc khu vực lân cận. Phương án di dời tàu bay mất khả năng di chuyển phải được quy định trong tài liệu khai thác sân bay.

3. Người khai thác cảng hàng không thông báo phạm vi, khả năng di dời tàu bay mất khả năng di chuyển trên sân bay hoặc khu vực lân cận của người khai thác cảng hàng không cho người khai thác tàu bay.

4. Tàu bay bị hỏng hóc, mất khả năng di chuyển nằm trong khu vực có hoạt động bay phải được di dời để không ảnh hưởng đến hoạt động hàng không bình thường. Người khai thác tàu bay phải tổ chức di dời tàu bay bị sự cố theo yêu cầu của người khai thác cảng hàng không.

5. Việc tổ chức di dời tàu bay mất khả năng di chuyển tại sân bay bao gồm các hoạt động sau:

a) Xác định điều kiện mức độ hư hại của tàu bay vào thời điểm sớm nhất để thông báo yêu cầu tới đơn vị cung cấp dịch vụ di dời nhanh chóng có mặt phục vụ theo hợp đồng đã được thỏa thuận và dự kiến trước các phương án để phối hợp thực hiện di dời;

b) Thiết lập đường để cho các loại xe đặc chủng ra, vào phục vụ việc di dời tàu bay;

c) Tháo nguồn ắc quy hoặc tháo dây tiếp mát, tháo nguồn ra khỏi thanh dẫn điện; tổ chức thông gió phần bên trong tàu bay, kiểm tra dập tắt lửa những chỗ còn cháy khói, tẩy rửa các chất lỏng, nhiên liệu cả bên trong khoang tàu bay và trên mặt đất trước khi di dời tàu bay đi. Tiến hành giảm trọng lượng tàu bay nếu cần thiết như rút dầu, giải tỏa hàng hóa hoặc tháo bớt những bộ phận có thể tháo của tàu bay để giảm trọng lượng, tạo điều kiện cho việc nâng nhấc tàu bay;

d) Vận chuyển chuyên gia và các thiết bị phục vụ di dời của đơn vị dịch vụ đã thuê ra hiện trường; chuẩn bị sẵn sàng các lực lượng, phương tiện cùng phối hợp với công ty dịch vụ thực hiện các bước di dời;

đ) Tổ chức nâng nhấc, sửa chữa phục hồi theo phương án đã được phê duyệt trong tài liệu khai thác sân bay;

e) Sau khi đã di dời tàu bay mất khả năng di chuyển ra khỏi khu vực, tổ chức san gạt, thu dọn mặt bằng và kiểm tra tổng hợp.

6. Các yêu cầu trong thời gian tổ chức di dời:

a) Xe chữa cháy và xe cứu thương phải trực tại địa điểm sẵn sàng làm nhiệm vụ;

b) Phải bảo đảm thông tin liên lạc với đài kiểm soát không lưu và với các cơ quan liên quan trong toàn bộ thời gian tổ chức di dời để không ảnh hưởng

đến hoạt động bay của các đường cất hạ cánh khác của sân bay (nếu có);

c) Tổ chức di dời không làm tàu bay hư hỏng thêm trừ trường hợp có ý kiến của chủ tàu bay hay người khai thác tàu bay trong trường hợp tàu bay bị hư hại nhiều không còn khả năng phục hồi sửa chữa;

d) Chọn địa điểm di dời tàu bay đến nơi thuận lợi và có khả năng phải lưu lại một thời gian dài;

đ) Không hút thuốc trong quá trình thực hiện việc di dời;

e) Tuân thủ các yêu cầu của cơ quan điều tra tai nạn, sự cố.

7. Người khai thác tàu bay hiệp đồng với lực lượng an ninh hàng không để canh giữ, bảo vệ tàu bay sau khi được di dời đến vị trí đỗ tàu bay được xác định trong phương án di chuyển tàu bay hư hỏng để phục vụ công tác điều tra theo quy định.

8. Khi tổ chức, xử lý tình huống tàu bay mất khả năng di chuyển xảy ra tại cảng hàng không cần phải xác định và thông báo rõ địa điểm của ban chỉ huy hiện trường, các số điện thoại quan trọng và chỉ dẫn các đường ra, vào của các phương tiện phục vụ di dời tàu bay.

9. Người khai thác cảng hàng không phải thực hiện đầy đủ các quy trình liên quan đến thông báo tin tức hàng không trong trường hợp ảnh hưởng đến hoạt động khai thác cảng hàng không theo quy định.

10. Trường hợp tàu bay mất khả năng di chuyển nằm trong khu vực có hoạt động bay nhưng không xác định được người khai thác tàu bay, người khai thác cảng hàng không có trách nhiệm di dời tàu bay đến vị trí không ảnh hưởng đến hoạt động hàng không bình thường của cảng hàng không.

Điều 47. Công tác vệ sinh môi trường sân bay

1. Các cơ quan, đơn vị, nhân viên hoạt động tại sân bay không được đổ xăng, dầu, xả rác, chất thải trên sân bay.

2. Rác thải, chất thải phát sinh trong sân bay phải được thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy trình.

3. Phương tiện, thiết bị mặt đất phải bảo đảm vệ sinh sạch sẽ, nhằm ngăn ngừa phát sinh vật ngoại lai và bảo đảm vệ sinh môi trường.

4. Các cơ quan, đơn vị hoạt động tại sân bay có trách nhiệm kiểm soát không để phát sinh vật ngoại lai tại khu vực tập kết do đơn vị quản lý, khai thác.

Điều 48. Kiểm soát vật ngoại lai

1. Phương tiện, trang thiết bị hoạt động trong sân bay phải được kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ, đột xuất nhằm bảo đảm các chi tiết gắn trên phương tiện, trang thiết bị không bị rơi ra sân bay trong quá trình hoạt động.

2. Phương tiện, trang thiết bị hoạt động trong sân bay phải được kiểm tra, bảo đảm các đồ vật, dụng cụ mang theo không được rơi, văng ra ngoài; phải có

ký hiệu nhận diện của đơn vị quản lý, sử dụng.

3. Các đơn vị có nhân viên làm việc thường xuyên trong sân bay khi sử dụng công cụ, dụng cụ làm việc trong sân bay phải có quy trình quản lý công cụ, dụng cụ, không để quên, thất lạc công cụ, dụng cụ trên sân bay.

4. Các đơn vị hoạt động, khai thác thường xuyên trong sân bay phải có quy trình kiểm soát, phối hợp với người khai thác cảng hàng không kiểm soát việc phát sinh vật ngoại lai tại khu vực tập kết phương tiện, trang thiết bị do đơn vị quản lý và các khu vực hoạt động khác trong sân bay, trong đó xác định rõ tần suất kiểm tra, phương án phối hợp, phương án giảm thiểu phát sinh vật ngoại lai tại sân đỗ tàu bay.

5. Nhân viên trực tiếp phục vụ tàu bay trước và sau khi phục vụ có trách nhiệm kiểm tra vị trí đỗ tàu bay, thu dọn vật ngoại lai phát sinh trong quá trình phục vụ tàu bay tại vị trí đỗ tàu bay.

6. Người khai thác cảng hàng không phải bố trí các vị trí đặt thùng đựng vật ngoại lai trong sân bay. Thùng đựng vật ngoại lai phải được đặt những nơi dễ thấy, phải luôn được đầy nắp, bảo đảm chắc chắn không bị dịch chuyển khi có mưa bão và thường xuyên được dọn sạch để ngăn ngừa rác, vật ngoại lai bị tràn hoặc đổ ra ngoài. Người khai thác cảng hàng không có trách nhiệm thông báo các vị trí đặt thùng đựng vật ngoại lai trong sân bay cho các cơ quan, đơn vị hoạt động tại sân bay.

7. Người làm việc trong sân bay nếu phát hiện vật ngoại lai phải thu gom và để đúng nơi quy định, trong trường hợp không có điều kiện để thu gom vật ngoại lai, phải thông báo cho Đài kiểm soát không lưu và người khai thác cảng hàng không.

8. Các cơ quan, đơn vị hoạt động tại sân bay có trách nhiệm tuyên truyền, thông báo cho người lao động làm việc trên sân bay thu gom và để vật ngoại lai vào thùng đựng vật ngoại lai theo đúng quy định; không bỏ rác sinh hoạt thu gom từ văn phòng làm việc, trên tàu bay, vật tư còn lại sau khi phục vụ tàu bay vào các thùng đựng vật ngoại lai bố trí tại sân bay.

Mục 5. KIỂM SOÁT CHIM, ĐỘNG VẬT HOANG DÃ, VẬT NUÔI

Điều 49. Yêu cầu về kiểm soát và giảm thiểu tác hại của chim, động vật hoang dã, vật nuôi

1. Việc kiểm soát và giảm thiểu tác hại của chim, động vật hoang dã, vật nuôi được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam, tiêu chuẩn và hướng dẫn của ICAO.

2. Người khai thác cảng hàng không có trách nhiệm:

a) Xây dựng, điều chỉnh, cập nhật bổ sung chương trình kiểm soát chim, động vật hoang dã, vật nuôi tại cảng hàng không và thông báo cho các cơ quan, đơn vị có liên quan để phối hợp thực hiện. Chương trình này phải thích ứng và phù hợp với quy mô, cấp độ, mức độ phức tạp của từng cảng hàng không; có

tính đến mức độ rủi ro của từng loài với các điều kiện từng khu vực; tần suất hoạt động bay;

b) Tổ chức thực hiện chương trình kiểm soát chim, động vật hoang dã, vật nuôi hiệu quả tại cảng hàng không; quyết định và chịu trách nhiệm về cách thức, phương pháp xua đuổi, kiểm soát chim, động vật hoang dã, vật nuôi tại cảng hàng không. Trường hợp sử dụng các loại súng và đạn nổ phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép;

c) Tổng hợp, báo cáo theo quy định về báo cáo an toàn hoặc báo cáo đột xuất trong trường hợp được Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không yêu cầu;

d) Thông báo tin tức cho cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay về việc di cư của chim kèm theo biểu đồ (nếu có), các số liệu liên quan đến hoạt động của chim và động vật hoang dã ảnh hưởng đến an toàn bay để thực hiện thông báo tin tức hàng không theo quy định.

3. Đài kiểm soát không lưu có trách nhiệm:

a) Cung cấp thông tin kịp thời cho người khai thác cảng hàng không và tổ lái khi phát hiện chim, động vật hoang dã, vật nuôi trong khu vực cảng hàng không và khu vực lân cận cảng hàng không;

b) Tiếp nhận thông tin phản ánh từ tổ lái về việc phát hiện chim, động vật hoang dã, vật nuôi trong khu vực cảng hàng không và khu vực lân cận cảng hàng không; cung cấp cho người khai thác cảng hàng không;

c) Tham gia chương trình kiểm soát chim, động vật hoang dã, vật nuôi tại cảng hàng không của người khai thác cảng hàng không.

4. Người khai thác tàu bay có trách nhiệm báo cáo các vụ tàu bay va chạm với chim, động vật hoang dã, vật nuôi hoặc các mối nguy hiểm từ chim, động vật hoang dã, vật nuôi mà người khai thác tàu bay quan sát được cả trên không và trên mặt đất cho người khai thác cảng hàng không và Cục hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không theo quy định về báo cáo an toàn hàng không.

5. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm:

a) Triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát để bảo đảm chương trình kiểm soát chim, động vật hoang dã, vật nuôi được xây dựng và thực hiện như một phần của hệ thống quản lý an toàn;

b) Tổng hợp và thông báo cho ICAO số liệu các sự vụ tàu bay va chạm với chim, động vật hoang dã, vật nuôi theo yêu cầu của ICAO;

c) Đánh giá và xây dựng giải pháp kiểm soát môi trường để giảm các mối nguy từ chim, động vật hoang dã, vật nuôi tại cảng hàng không trong bước quy hoạch vị trí, quy mô cảng hàng không theo quy định của pháp luật về quy hoạch cảng hàng không.

6. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm:

a) Tham gia phối hợp với người khai thác cảng hàng không và các đơn vị có liên quan trong việc xây dựng và phối hợp thực hiện chương trình kiểm soát chim, động vật hoang dã, vật nuôi tại mỗi cảng hàng không;

b) Chủ trì cùng người khai thác cảng hàng không làm việc với chính quyền địa phương trong công tác kiểm soát môi nguy về chim, động vật hoang dã, vật nuôi khu vực lân cận cảng hàng không khi có đề nghị của người khai thác cảng hàng không hoặc của chính quyền địa phương;

c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình kiểm soát chim, động vật hoang dã, vật nuôi của người khai thác cảng hàng không; quy định về môi trường và các quy định pháp luật về bảo tồn chim và động vật hoang dã quý hiếm để người khai thác cảng hàng không điều chỉnh kịp thời.

Điều 50. Chương trình kiểm soát chim, động vật hoang dã, vật nuôi tại cảng hàng không

Chương trình kiểm soát chim, động vật hoang dã, vật nuôi tại cảng hàng không tối thiểu gồm các nội dung sau:

1. Mô tả về cơ cấu tổ chức của bộ phận được giao triển khai chương trình kiểm soát chim, động vật hoang dã, vật nuôi.
2. Mô tả về vai trò và nhiệm vụ của nhân sự liên quan đến chương trình kiểm soát chim, động vật hoang dã, vật nuôi.
3. Mô tả hoạt động của sân bay.
4. Các quy trình để thực hiện thu thập, báo cáo và ghi lại dữ liệu về các vụ va chạm với chim, động vật hoang dã, vật nuôi và động vật hoang dã quan sát được.
5. Phương pháp và quy trình đánh giá rủi ro về an toàn đối với chim, động vật hoang dã, vật nuôi.
6. Các quy trình, biện pháp và nhân sự để quản lý môi trường sống đối với chim, động vật hoang dã, vật nuôi.
7. Các quy trình, biện pháp và nhân sự để xua đuổi, ngăn chặn và loại bỏ chim, động vật hoang dã, vật nuôi.
8. Quy trình phối hợp với các bên liên quan trong và ngoài đơn vị.
9. Các quy trình, biện pháp và quy định để đào tạo nhân sự.
10. Các quy trình giám sát các biện pháp giảm thiểu được áp dụng và đánh giá hiệu quả của các biện pháp đã áp dụng cũng như hiệu quả của chính chương trình kiểm soát chim, động vật hoang dã, vật nuôi.

Điều 51. Quy định báo cáo của người khai thác tàu bay

Người khai thác tàu bay thực hiện báo cáo cho Cục Hàng không Việt Nam và người khai thác cảng hàng không khi có sự cố va chạm chim, động vật hoang dã, vật nuôi với tàu bay theo mẫu số 1.1 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông

tư này; báo cáo bổ sung thông tin về chi phí khai thác và hư hại động cơ do sự cố chim, động vật hoang dã, vật nuôi va chạm với tàu bay trong trường hợp xác định được chi phí thiệt hại theo theo mẫu số 1.2 của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Mục 6. QUY ĐỊNH VỀ A-CDM

Điều 52. Quy định về thiết lập, triển khai A-CDM

1. A-CDM bao gồm các quy tắc và quy trình cho các bên liên quan hoạt động tại sân bay để chia sẻ thông tin và phối hợp ra quyết định với mục tiêu tối ưu hóa việc sử dụng nguồn lực tại sân bay để:

- a) Tăng khả năng dự báo trong khai thác;
- b) Tối ưu công tác phối hợp, ra quyết định trong quá trình khai thác, phục vụ chuyến bay;
- c) Giảm chi phí hoạt động trên sân bay;
- d) Tối ưu hóa việc khai thác hạ tầng và giảm ùn tắc;
- đ) Giảm thiểu lãng phí sử dụng slot và quản lý luồng không lưu;
- e) Linh hoạt trong việc lập kế hoạch trước chuyến bay;
- g) Giảm thiểu ùn tắc trên sân đỗ và đường lăn.

2. Các cảng hàng không có tần suất bay từ 100.000 lượt chuyến trong 01 năm phải xây dựng và thiết lập A-CDM. Trong thời hạn tối đa 36 tháng kể từ thời điểm đạt được 100.000 lượt chuyến trong 01 năm, doanh nghiệp cảng hàng không phải hoàn thành việc xây dựng và thiết lập A-CDM.

3. Các cảng hàng không có tần suất bay dưới 100.000 lượt chuyến trong 01 năm xây dựng và thiết lập A-CDM khi có nhu cầu.

4. Thành phần tối thiểu các cơ quan, đơn vị tham gia vào quá trình phối hợp ra quyết định tại cảng hàng không gồm:

- a) Người khai thác cảng hàng không;
- b) Người khai thác tàu bay;
- c) Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay;
- d) Cơ sở quản lý luồng không lưu;
- đ) Đơn vị cung cấp dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất.

5. Các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm chia sẻ thông tin, thực hiện các quy trình, quá trình đã được thống nhất trong A-CDM. Các thành viên của A-CDM phải bảo đảm nguồn lực, cơ sở vật chất kỹ thuật để đáp ứng các phương thức chia sẻ thông tin trên cơ sở hệ thống A-CDM mà người khai thác cảng hàng không xây dựng. Các bên chịu trách nhiệm đối với hành động ra quyết định của mình.

Điều 53. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Người khai thác cảng hàng không có trách nhiệm:

- a) Thiết lập, triển khai A-CDM; điều phối chung về quá trình triển khai và vận hành hệ thống A-CDM;
- b) Phối hợp cung cấp kế hoạch, phương án liên quan đến hoạt động khai thác tại cảng hàng không, thông tin liên quan đến thay đổi năng lực khai thác cảng hàng không;
- c) Phân bổ việc sử dụng hạ tầng tại cảng hàng không như vị trí đỗ tàu bay, cửa ra tàu bay, khu vực soi chiếu an ninh, vị trí làm thủ tục;
- d) Báo cáo Cục Hàng không Việt Nam, Cảng vụ hàng không kết quả triển khai A-CDM khi có yêu cầu hoặc khi có trường hợp không phối hợp, tuân thủ quy định pháp luật, quy trình A-CDM đã ban hành của các tổ chức, đơn vị liên quan.

2. Người khai thác tàu bay có trách nhiệm:

- a) Cung cấp kế hoạch bay, thông tin liên quan đến chuyến bay, thời gian quay đầu dự kiến và thực tế, các thay đổi nếu có;
- b) Ban hành, quản lý và cập nhật giờ TOBT của chuyến bay hoặc thông qua các công ty cung cấp dịch vụ được ủy quyền;
- c) Bảo đảm các thành viên tổ bay nhận được thông tin về TOBT và TSAT theo quy trình; tuân thủ các quy trình khởi động động cơ và kéo đẩy tàu bay;
- d) Cập nhật các thay đổi thông tin chuyến bay vào hệ thống A-CDM;
- đ) Bảo đảm công ty cung cấp dịch vụ được ủy quyền có trách nhiệm cung cấp thông tin liên quan của người khai thác tàu bay theo yêu cầu.

3. Cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay có trách nhiệm:

- a) Cung cấp các thông tin về việc sử dụng đường cất hạ cánh;
- b) Cung cấp các thông tin về năng lực khai thác của đường cất hạ cánh và phân cách tối thiểu của tàu bay đi và đến khi có sự thay đổi giá trị phân cách này;
- c) Kiểm soát và cấp huấn lệnh nổ máy động cơ phù hợp với giờ TSAT;
- d) Triển khai các biện pháp quản lý luồng không lưu (ATFM) trong các tình huống mất cân bằng giữa nhu cầu hoạt động bay và năng lực sân bay;
- đ) Phối hợp xử lý dữ liệu về A-CDM nhận được từ người khai thác cảng hàng không;
- e) Cung cấp thông tin về giờ CTOT cho các chuyến bay khởi hành tại cảng hàng không để phối hợp thực hiện A-CDM;
- g) Cung cấp các thông tin liên quan đến hạn chế luồng không lưu.

4. Cảng vụ hàng không có trách nhiệm:

a) Kiểm tra, giám sát việc thiết lập và triển khai A-CDM;

b) Báo cáo Cục Hàng không Việt Nam kết quả kiểm tra, giám sát khi có yêu cầu hoặc khi có trường hợp không phù hợp, không tuân thủ thực hiện A-CDM của các tổ chức, đơn vị liên quan.

5. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo và yêu cầu người khai thác cảng hàng không thiết lập và triển khai A-CDM tại các cảng hàng không theo quy định tại Thông tư này;

b) Yêu cầu các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với người khai thác cảng hàng không để thiết lập, tuân thủ và triển khai A-CDM tại các cảng hàng không;

c) Tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai A-CDM theo quy định của nhà chức trách hàng không.

6. Các đơn vị có liên quan có trách nhiệm cử nhân sự tham gia trực điều phối khai thác theo A-CDM tại cảng hàng không.

Mục 7. PHÒNG, CHỐNG, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ SỰ CỐ, THẢM HỌA DO THIÊN TAI; KHẨN NGUY SÂN BAY

Điều 54. Quy định chung

1. Công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa do thiên tai; khẩn nguy sân bay được thực hiện theo quy định pháp luật về phòng thủ dân sự, quy định pháp luật về phòng chống thiên tai, quy định của Thông tư này, tiêu chuẩn áp dụng và hướng dẫn của ICAO.

2. Người khai thác cảng hàng không chủ trì, phối hợp các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn cảng hàng không trong công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa do thiên tai.

3. Người khai thác cảng hàng không có trách nhiệm thiết lập trung tâm khẩn nguy sân bay và quy định cụ thể, phân định rõ trách nhiệm của trung tâm khẩn nguy sân bay trong từng lĩnh vực phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa do thiên tai và khẩn nguy sân bay tại cảng hàng không.

4. Người khai thác cảng hàng không bảo đảm các thiết bị, phương tiện phục vụ công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa do thiên tai và khẩn nguy sân bay theo kế hoạch khẩn nguy sân bay; người khai thác cảng hàng không được phép huy động thiết bị, phương tiện của các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn cảng hàng không.

5. Cục Hàng không Việt Nam chỉ đạo người khai thác cảng hàng không và các doanh nghiệp khác hoạt động tại cảng hàng không thiết lập hệ thống cơ sở, lực lượng phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa do thiên tai và khẩn nguy sân bay; công tác diễn tập, ký kết văn bản hiệp đồng liên quan đến công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa do thiên tai và khẩn nguy sân bay tại cảng hàng không.

Điều 55. Phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa do thiên tai tại cảng hàng không

1. Trách nhiệm của người khai thác cảng hàng không:

a) Ban hành và tổ chức thực hiện phương án phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa do thiên tai tại cảng hàng không theo quy định;

b) Xây dựng, ký kết các văn bản hiệp đồng về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa do thiên tai với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn cảng hàng không theo quy định;

c) Kiểm tra, rà soát, bổ sung, bảo dưỡng phương tiện, thiết bị phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa do thiên tai;

d) Kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống chằng néo, neo đỗ tàu bay tại các sân đỗ tàu bay; kiểm tra, tổ chức gia cố các cơ sở, công trình, nhà xưởng, đài trạm;

đ) Kiểm tra thường xuyên, định kỳ hệ thống thoát nước tại cảng hàng không và việc kết nối giữa hệ thống thoát nước nội bộ cảng hàng không với hệ thống thoát nước bên ngoài bảo đảm không bị úng ngập trong mùa mưa bão;

e) Kiểm tra hệ thống chống sét tại các công trình, nhà ga, đài, trạm tại khu vực cảng hàng không.

2. Trách nhiệm của các doanh nghiệp khác hoạt động tại cảng hàng không:

a) Xây dựng phương án phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa do thiên tai cụ thể của đơn vị;

b) Kiểm tra, rà soát, bổ sung, bảo dưỡng hệ thống thiết bị phục vụ công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa do thiên tai tại các cơ sở, công trình, đài, trạm của đơn vị;

c) Phối hợp với người khai thác cảng hàng không trong phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa do thiên tai.

3. Trách nhiệm của cảng vụ hàng không:

Chủ trì, phối hợp người khai thác cảng hàng không làm việc với chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác bảo đảm việc thoát nước từ hệ thống thoát nước hiện trạng của cảng hàng không với hệ thống thoát nước bên ngoài của địa phương.

Điều 56. Công tác khẩn nguy sân bay

1. Công tác khẩn nguy sân bay bao gồm các tình huống sau:

a) Ứng phó tình huống tàu bay lâm nạn ngoài cảng hàng không, trong phạm vi vùng trách nhiệm tìm kiếm, cứu nạn;

b) Khẩn nguy sân bay đối với tàu bay gặp sự cố, tai nạn trong cảng hàng không;

c) Khẩn nguy sân bay liên quan đến tình huống các công trình, nhà xưởng, đài trạm tại cảng hàng không bị cháy, nổ, bị sập đổ vì bão lốc, ngập úng, khẩn

nguy y tế (bao gồm cả trường hợp tàu bay chở khách về từ vùng có dịch bệnh);

d) Khẩn nguy sân bay trong điều kiện môi trường khắc nghiệt, địa hình khu vực lân cận cảng hàng không phức tạp, gần biển;

đ) Khẩn nguy đối với hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng theo quy định của pháp luật về an ninh hàng không.

2. Người khai thác cảng hàng không xây dựng kế hoạch khẩn nguy sân bay; xây dựng lực lượng khẩn nguy cảng hàng không theo quy định của ICAO, trừ kế hoạch khẩn nguy ứng phó hành vi can thiệp bất hợp pháp vào hoạt động hàng không dân dụng; hợp đồng phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan trong công tác khẩn nguy sân bay.

3. Các đơn vị cung cấp dịch vụ hàng không trên địa bàn cảng hàng không có trách nhiệm bảo đảm đầy đủ lực lượng, phương tiện theo kế hoạch khẩn nguy sân bay của người khai thác cảng hàng không.

4. Kế hoạch khẩn nguy sân bay bao gồm các nội dung sau:

a) Quy định chung: mục đích, đối tượng áp dụng, phạm vi trách nhiệm, căn cứ pháp lý để xây dựng, phân loại các tình huống khẩn nguy và quy trình sửa đổi, bổ sung tài liệu;

b) Tổ chức công tác khẩn nguy gồm: trung tâm khẩn nguy sân bay, trạm báo động khẩn nguy, ban chỉ huy hiện trường; thiết lập các khu vực, sơ đồ luồng tuyến, cổng cửa ra vào cho lực lượng, phương tiện tham gia vào công tác ứng phó khẩn nguy;

c) Phân định trách nhiệm cho các đơn vị trong việc tổ chức, phối hợp và thực hiện công tác khẩn nguy;

d) Hệ thống thông tin liên lạc phục vụ trong công tác khẩn nguy;

đ) Lực lượng, phương tiện, trang thiết bị sử dụng trong công tác khẩn nguy;

e) Điều tra và khôi phục: trách nhiệm của các đơn vị trong công tác điều tra và khôi phục sự cố, tai nạn;

g) Chế độ trực khẩn nguy và công tác huấn luyện, kiểm tra, diễn tập;

h) Quy chế báo cáo;

i) Quy chế phối hợp với ban chỉ huy khẩn nguy địa phương;

k) Các phụ lục gồm: vùng trách nhiệm tìm kiếm, cứu nạn của cảng hàng không; sơ đồ thông báo khi có tình huống khẩn nguy; sơ đồ thông báo, báo động khi có hành vi can thiệp bất hợp pháp theo quy định của pháp luật về an ninh hàng không; sơ đồ chỉ huy, chỉ đạo khi có tình huống khẩn nguy; sơ đồ thông tin liên lạc, tần số quy định cho công tác khẩn nguy; danh bạ điện thoại của các cá nhân, tổ chức có liên quan trong công tác khẩn nguy; sơ đồ kẻ lưới ô vuông cảng hàng không và khu vực lân cận cảng hàng không; sơ đồ cổng, cửa, luồng tuyến ra vào của lực lượng, phương tiện tham gia ứng phó với tình huống khẩn nguy; các tình huống khẩn nguy giả định.

5. Kế hoạch khẩn nguy sân bay bao gồm khẩn nguy tại chỗ, khẩn nguy hoàn toàn và được chia thành các giai đoạn:

- a) Giai đoạn thu thập thông tin và đánh giá tình huống;
- b) Giai đoạn báo động;
- c) Giai đoạn khẩn nguy.

6. Người khai thác cảng hàng không chỉ huy, điều hành các lực lượng hàng không để ứng phó ban đầu với các tình huống khẩn nguy sân bay, ứng phó tai nạn tàu bay trong khu vực thuộc phạm vi trách nhiệm được giao.

7. Người khai thác cảng hàng không triển khai thực hiện kế hoạch khẩn nguy trong cảng hàng không, cụ thể:

- a) Triển khai các lực lượng khẩn nguy cứu nạn sẵn sàng ứng phó, tiếp cận khu vực sự cố, tai nạn;
- b) Kích hoạt trung tâm khẩn nguy sân bay;
- c) Thông báo cho các đơn vị hiệp đồng liên quan;
- d) Dịch vụ y tế và cứu thương sẵn sàng ứng phó, tiếp cận khu vực sự cố, tai nạn;

đ) Thông báo cho người khai thác tàu bay lâm nguy, lâm nạn; thu thập thông tin liên quan đến các hàng hóa nguy hiểm trên tàu bay, thông báo cho những đơn vị liên quan;

e) Báo cáo Cảng vụ hàng không; thiết lập liên lạc với cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay liên quan đến việc đóng cảng hàng không, chỉ định hành lang bay khẩn nguy, phát hành NOTAM;

g) Thông báo cho các cơ quan điều tra sự cố, tai nạn tàu bay theo quy định;

h) Thông báo cho bộ phận khí tượng để đưa ra thông báo khí tượng đặc biệt theo văn bản hiệp động hoặc quy chế phối hợp;

i) Bố trí để thực hiện khảo sát và chụp ảnh ngay lập tức đường cất hạ cánh bị ảnh hưởng để có các giải pháp xử lý kịp thời;

k) Thông báo cho bộ phận khám nghiệm tử thi trong trường hợp có tử vong và thiết lập cơ sở nhà xác tạm thời.

8. Diễn tập khẩn nguy sân bay phải được tổ chức định kỳ tại từng cảng hàng không theo các cấp độ như sau:

a) Tổng diễn tập khẩn nguy sân bay được thực hiện với tần suất không quá 02 năm một lần;

b) Diễn tập khẩn nguy sân bay cơ sở được thực hiện với tần suất một lần 01 năm, khi tổng diễn tập khẩn nguy không được tổ chức định kỳ hoặc khi có những thiếu sót được phát hiện cần người khai thác cảng hàng không khắc phục sớm hoặc khi có yêu cầu của Cục Hàng không Việt Nam.

Chương III

NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG LĨNH VỰC KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG

Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 57. Chức danh và nhiệm vụ nhân viên hàng không

Nhân viên hàng không lĩnh vực khai thác cảng hàng không (sau đây gọi tắt là nhân viên hàng không) bao gồm các chức danh và nhiệm vụ sau:

1. Nhân viên điều khiển phương tiện hoạt động tại sân bay thực hiện nhiệm vụ điều khiển một hoặc nhiều phương tiện hoạt động tại sân bay.
2. Nhân viên vận hành thiết bị hàng không hoạt động tại sân bay thực hiện nhiệm vụ vận hành một hoặc nhiều thiết bị hoạt động tại sân bay.
3. Nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay tại cảng hàng không thực hiện một hoặc nhiều nghiệp vụ phục vụ chuyến bay.
4. Nhân viên cứu nạn, chữa cháy tại cảng hàng không, thực hiện nhiệm vụ cứu nạn, chữa cháy trong trường hợp xảy ra sự cố, tai nạn tại cảng hàng không.

Điều 58. Tiêu chuẩn nhân viên hàng không

1. Yêu cầu chung
 - a) Là công dân Việt Nam hoặc nước ngoài đủ 18 tuổi trở lên có lý lịch rõ ràng, đủ sức khỏe, tốt nghiệp trung học phổ thông trở lên;
 - b) Không có tiền án, tiền sự theo quy định của pháp luật; không sử dụng ma túy, chất kích thích;
 - c) Có chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ nhân viên hàng không quy định tại Điều 59 của Thông tư này;
 - d) Có chứng nhận hoàn thành kiến thức chung về hàng không dân dụng;
 - đ) Có chứng nhận hoàn thành kiến thức an ninh hàng không theo quy định pháp luật về an ninh hàng không dân dụng;
 - e) Có chứng nhận hoàn thành kiến thức hàng nguy hiểm theo quy định pháp luật về an toàn hàng không và IATA;
 - g) Được đào tạo, huấn luyện định kỳ hoặc phục hồi theo quy định tại Thông tư này.

Phương án 1:

2. Nhân viên điều khiển phương tiện hoạt động tại sân bay phải có giấy phép lái xe theo quy định của Luật giao thông đường bộ.

Phương án 2:

2. Nhân viên điều khiển phương tiện hoạt động tại sân bay phải có giấy phép lái xe theo quy định của Luật giao thông đường bộ, phù hợp với nghiệp vụ

chuyên môn, cụ thể:

a) Nghiệp vụ điều khiển xe ô tô (xe tải, xe bán tải, xe chở khách tại sân bay, xe cứu thương, xe dẫn tàu bay); xe chở người 4 bánh có gắn động cơ; xe chữa cháy: yêu cầu có giấy phép lái xe phù hợp với quy định của Luật giao thông đường bộ;

b) Nghiệp vụ điều khiển xe kéo đẩy tàu bay: yêu cầu có giấy phép lái xe E;

c) Nghiệp vụ điều khiển xe tra nạp nhiên liệu cho tàu bay: yêu cầu có giấy phép lái xe hạng D;

d) Nghiệp vụ điều khiển các phương tiện còn lại: yêu cầu có giấy phép lái xe hạng B.

Điều 59. Chứng chỉ chuyên môn

1. Chứng chỉ chuyên môn quy định tại Thông tư này, bao gồm một trong các loại sau:

a) Chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo, huấn luyện ban đầu theo mẫu 02 tại Phụ lục I ban hành kèm Thông tư này của cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không;

b) Chứng nhận hoàn thành khóa đào tạo nghiệp vụ nhân viên hàng không được cấp bởi cơ sở đào tạo do ICAO, IATA, ACI công nhận;

c) Chứng nhận điều khiển, vận hành thiết bị hàng không, phương tiện chuyên ngành hàng không do cơ sở sản xuất, chế tạo phương tiện, thiết bị cấp.

d) Văn bằng, chứng chỉ hoàn thành chương trình đào tạo cơ bản chuyên ngành hàng không của cơ sở đào tạo tại Việt Nam theo pháp luật về giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp.

2. Chứng chỉ chuyên môn quy định tại điểm b, c, d khoản 1 Điều này chỉ được công nhận tại Việt Nam với điều kiện người có văn bằng, chứng chỉ được đào tạo bổ sung các nội dung kiến thức chung về hàng không dân dụng tại chương trình đào tạo, huấn luyện ban đầu của cơ sở đào tạo được Cục Hàng không Việt Nam cấp phép.

Điều 60. Danh mục nghiệp vụ chuyên môn nhân viên hàng không và thời hạn đào tạo, huấn luyện định kỳ, phục hồi để duy trì hiệu lực của chứng chỉ chuyên môn

1. Danh mục nghiệp vụ chuyên môn nhân viên hàng không tại cảng hàng không được quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.

2. Nhân viên hàng không tại cảng hàng không phải được đào tạo, huấn luyện định kỳ như sau:

a) Kiến thức an ninh hàng không theo quy định pháp luật về an ninh hàng không dân dụng;

b) Kiến thức hàng nguy hiểm theo quy định pháp luật về an toàn hàng

không và IATA;

c) Kiến thức chung về hàng không dân dụng và nghiệp vụ chuyên môn được đào tạo, huấn luyện định kỳ 36 tháng một lần kể từ ngày được đào tạo, huấn luyện gần nhất. Chương trình đào tạo, huấn luyện định kỳ nhân viên hàng không được thực hiện theo quy định tại Phần II Phụ lục III của Thông tư này.

3. Nhân viên hàng không tại cảng hàng không phải được đào tạo, huấn luyện phục hồi như sau:

a) Kiến thức an ninh hàng không theo quy định pháp luật về an ninh hàng không dân dụng;

b) Kiến thức hàng nguy hiểm theo quy định pháp luật về an toàn hàng không và IATA;

c) Kiến thức chung về hàng không dân dụng và nghiệp vụ chuyên môn đối với các trường hợp sau:

c1) Nhân viên hàng không không tham dự đào tạo, huấn luyện định kỳ đúng thời hạn;

c2) Nhân viên điều khiển phương tiện, nhân viên vận hành thiết bị hàng không và nhân viên cứu nạn, chữa cháy có thời gian nghỉ liên tục từ 03 tháng đến dưới 24 tháng;

c3) Nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay có thời gian nghỉ liên tục từ 06 tháng đến dưới 24 tháng;

c4) Nhân viên hàng không vi phạm an toàn gây ra sự cố.

4. Chương trình đào tạo, huấn luyện phục hồi nhân viên hàng không được thực hiện theo quy định tại phần III Phụ lục III của Thông tư này.

5. Nhân viên hàng không vi phạm an toàn gây ra sự cố nghiêm trọng hoặc có thời gian nghỉ liên tục từ 24 tháng trở lên phải được đào tạo ban đầu theo quy định tại phần I phụ lục III của Thông tư này.

Mục 2. KỶ LUẬT LAO ĐỘNG ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG

Điều 61. Hình thức xử lý kỷ luật lao động đặc thù

1. Tạm đình chỉ ngay công việc.

2. Hình thức xử lý kỷ luật lao động quy định tại khoản 1 Điều này không thay thế hình thức xử lý kỷ luật lao động đối với nhân viên hàng không theo quy định của Bộ luật Lao động.

Điều 62. Xử lý kỷ luật lao động đặc thù đối với nhân viên hàng không

1. Người sử dụng lao động hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật xử lý, tạm đình chỉ ngay công việc đối với nhân viên hàng không quy định tại khoản 1 Điều này trừ nhân viên quy định tại điểm i khoản 1 Điều này trong các trường hợp sau:

- a) Vi phạm các quy định, nội quy lao động gây sự cố, tai nạn, uy hiếp an toàn, an ninh hàng không;
- b) Bị điều tra, khởi tố trong các vụ án hình sự;
- c) Tự ý bỏ vị trí làm việc;
- d) Uống rượu, bia trong giờ làm việc hoặc có nồng độ cồn trong máu, hơi thở trong khi thực hiện nhiệm vụ;
- đ) Trộm cắp, chiếm đoạt trái phép tài sản của tổ chức, cá nhân;
- e) Lợi dụng vị trí làm việc để buôn lậu, vận chuyển trái phép người, tài sản, hàng hóa;
- g) Sử dụng hoặc có kết quả dương tính đối với các chất ma túy hoặc chất kích thích không được phép sử dụng khác theo quy định;
- h) Đánh bạc, gây rối, làm mất an ninh, trật tự tại nơi làm việc;
- i) Theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 85 của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam và Điều 11 của Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Hàng không dân dụng Việt Nam về Nhà chức trách hàng không Việt Nam và quản lý an toàn hàng không.

2. Việc tạm đình chỉ ngay được người sử dụng lao động hoặc người được ủy quyền thực hiện bằng lời nói tại thời điểm phát hiện hành vi vi phạm nêu tại khoản 1 Điều này. Trong thời hạn 48 giờ kể từ khi tạm đình chỉ bằng lời nói, người sử dụng lao động hoặc người được ủy quyền phải ban hành quyết định tạm đình chỉ, trong đó xác định rõ thời hạn tạm đình chỉ. Thời hạn tạm đình chỉ theo quy định tại khoản 2 Điều 128 Bộ luật Lao động và được tính kể từ thời điểm thực hiện bằng lời nói.

3. Người sử dụng lao động thông báo cho Cảnh vụ hàng không khi có nhân viên hàng không vi phạm kỷ luật lao động đặc thù để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

Điều 63. Chế độ lao động đối với nhân viên hàng không

Người sử dụng lao động không được bố trí người lao động là nhân viên hàng không vi phạm kỷ luật lao động hoặc chấp hành xong các hình phạt trong vụ án hình sự vào làm việc tại các chức danh nhân viên hàng không trong thời hạn 05 năm kể từ các thời điểm sau đây:

- 1. Kể từ khi có quyết định xử lý kỷ luật lao động có hiệu lực đối với các trường hợp vi phạm quy định tại điểm đ, e, g khoản 1 Điều 62 của Thông tư này;
- 2. Kể từ khi được xóa án tích trong vụ án hình sự.

Mục 3. CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Điều 64. Điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật

- 1. Phòng sử dụng đào tạo lý thuyết bảo đảm các yêu cầu tối thiểu sau:

a) Diện tích $1\text{m}^2/\text{chỗ}$ ngồi;

b) Có các trang thiết bị gồm: 01 bộ máy tính cho giáo viên; 01 bộ máy chiếu (projector hoặc thiết bị trình chiếu, màn hình trình chiếu; bàn ghế cho học viên và giáo viên;

c) Có hệ thống chiếu sáng, thông gió.

2. Hạ tầng, thiết bị phục vụ đào tạo, huấn luyện thực hành nghiệp vụ chuyên môn phải đáp ứng các yêu cầu tối thiểu sau đây:

a) Đối với đào tạo, huấn luyện thực hành nghiệp vụ nhân viên điều khiển phương tiện, vận hành thiết bị hàng không tại sân bay:

a1) Có sân tập thực hành bảo đảm sơn tín hiệu, biển báo theo quy định về sơn tín hiệu, biển báo trên sân đỗ tàu bay phù hợp với việc thực hành nghiệp vụ chuyên môn;

a2) Có thiết bị, phương tiện thực hành phù hợp với nghiệp vụ chuyên môn;

a3) Có mô hình giả định bộ phận của tàu bay tương ứng với loại thiết bị, phương tiện thực hành phù hợp với việc thực hành nghiệp vụ chuyên môn.

b) Đối với đào tạo, huấn luyện thực hành nghiệp vụ nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay:

b1) Có sân tập thực hành phù hợp với việc thực hành nghiệp vụ chuyên môn;

b2) Có hệ thống thiết bị, phần mềm giả định hướng dẫn thực hành phù hợp với việc thực hành nghiệp vụ chuyên môn;

b3) Có mô hình giả định bộ phận của tàu bay phù hợp với việc thực hành nghiệp vụ chuyên môn.

c) Đối với đào tạo, huấn luyện thực hành nghiệp vụ nhân viên cứu nạn, chữa cháy: có các thiết bị và cơ sở vật chất cho nghiệp vụ cứu nạn, chữa cháy, bảo đảm sự mô phỏng thực tế về lửa cháy, nhiệt độ và áp suất cao, tầm nhìn bị suy giảm, cụ thể như sau:

c1) Khu vực cháy (Burn Area) để tạo môi trường cháy, phục vụ hoạt động thực hành cứu nạn, chữa cháy, sử dụng các thiết bị, hóa chất dùng để chữa cháy tàu bay đối với tình huống cháy tàu bay;

c2) Khu vực vận hành xe chữa cháy (Vehicle maneuvering area) bao quanh khu vực cháy, có kích thước đủ rộng và bảo đảm kết cấu để xe chữa cháy tiếp cận và nhân viên cứu nạn, chữa cháy thực hiện hoạt động cứu nạn chữa cháy;

c3) Mô hình tàu bay (Aircraft mock-up) có kết cấu, hình dạng, kích thước tương tự loại tàu bay điển hình đang khai thác thương mại tại sân bay; mô hình có thể được lắp đặt cố định hoặc di động và bao gồm các bộ phận bên ngoài (cánh, càng bánh và lốp, động cơ...) và bên trong (khu vực hành khách, ghế hành khách...);

c4) Khu vực điều khiển (Control station) để người vận hành điều khiển và kiểm soát các tình huống cháy giả định trong khu vực cháy. Việc điều khiển có thể được lập trình tự động hoặc do người vận hành thực hiện để tạo lập tình huống;

c5) Các hệ thống hỗ trợ (Support systems) bao gồm: hệ thống cung cấp và thu hồi nhiên liệu, hệ thống cung cấp và thu hồi nước, hệ thống điện.

3. Cơ sở đào tạo được sử dụng công trình, hạ tầng, phương tiện, thiết bị của người khai thác cảng hàng không, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng không để phục vụ cho đào tạo, huấn luyện lý thuyết và thực hành nhân viên hàng không trên cơ sở thống nhất với người khai thác cảng hàng không, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng không.

Điều 65. Số lượng, kinh nghiệm, duy trì năng lực đội ngũ giáo viên của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải có đủ giáo viên lý thuyết, giáo viên thực hành để bảo đảm mỗi môn học chuyên ngành hàng không phải có ít nhất 01 giáo viên giảng dạy. Cơ sở đào tạo, huấn luyện có thể duy trì các hình thức giáo viên chuyên nghiệp, giáo viên kiêm nhiệm, giáo viên thỉnh giảng chuyên ngành hàng không, số lượng giáo viên thỉnh giảng chuyên ngành hàng không của cơ sở đào tạo, huấn luyện không được lớn hơn 50% số lượng giáo viên chuyên ngành hàng không của cơ sở đào tạo.

2. Giáo viên dạy nghiệp vụ chuyên môn phải có tối thiểu 05 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn liên quan đến môn giảng dạy.

3. Giáo viên đào tạo, huấn luyện thực hành phải duy trì là nhân viên hàng không tương ứng với môn giảng dạy.

Điều 66. Chương trình, giáo trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không tại cảng hàng không

1. Chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không bao gồm:

- a) Chương trình đào tạo, huấn luyện ban đầu để cấp chứng chỉ chuyên môn;
- b) Chương trình đào tạo, huấn luyện định kỳ để cập nhật các quy định, quy trình, tình huống phát sinh trong thực tế khai thác và các yếu tố ảnh hưởng đến an toàn khai thác;
- c) Chương trình đào tạo, huấn luyện phục hồi để phục hồi các kiến thức và kỹ năng cho nhân viên hàng không.

2. Thời lượng giảng dạy, kiểm tra trong chương trình đào tạo, huấn luyện được tính bằng tiết học, cụ thể: 01 (một) tiết lý thuyết là 45 phút; 01 (một) tiết thực hành là 60 phút.

3. Thời lượng, môn học giảng dạy được quy định trong chương trình đào tạo, huấn luyện là thời lượng, môn học tối thiểu.

4. Thời lượng thực hành, kiểm tra thực hành quy định tại chương trình đào tạo, huấn luyện được áp dụng cho từng học viên tham gia khoá đào tạo, huấn luyện chuyên môn nghiệp vụ nhân viên hàng không trừ đối với chức danh nhân viên cứu nạn chữa cháy thì thời lượng thực hành, kiểm tra thực hành được tính theo một nhóm không quá 10 học viên.

5. Chương trình đào tạo, huấn luyện đối với chức danh nhân viên hàng không tại cảng hàng không quy định tại Điều này được thực hiện theo Phụ lục III, ban hành kèm Thông tư này.

6. Cơ sở đào tạo, huấn luyện ban hành giáo trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không phải phù hợp với chương trình đào tạo, huấn luyện. Giáo trình đào tạo, huấn luyện phải đảm bảo thể hiện đầy đủ các nội dung giảng dạy lý thuyết; nội dung giảng dạy thực hành (nếu có); thời lượng giảng dạy; thời lượng kiểm tra phù hợp theo khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này.

Điều 67. Đào tạo, huấn luyện trực tuyến nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Nội dung đào tạo, huấn luyện trực tuyến phải tuân thủ các nội dung của chương trình đào tạo, huấn luyện theo quy định tại Điều 66 của Thông tư này.

2. Giáo trình đào tạo, huấn luyện trực tuyến được xây dựng theo Chương trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không tại Phụ lục III của Thông tư này.

3. Phần mềm đào tạo, huấn luyện trực tuyến tổ chức lớp học trên không gian mạng thông qua kênh hình, kênh tiếng, kênh chữ (chia sẻ màn hình máy tính, thiết bị điện tử) và có chức năng sau:

a) Giúp giáo viên giảng dạy, tổ chức lưu trữ, chuyển tải nội dung đào tạo, huấn luyện trực tuyến tới học viên; theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học viên; theo dõi và hỗ trợ học viên khai thác nội dung học tập từ giáo trình đào tạo, huấn luyện trực tuyến; tư vấn, hỗ trợ, trả lời câu hỏi và giải đáp thắc mắc của học viên trong quá trình học tập;

b) Giúp học viên truy cập, khai thác nội dung học tập từ giáo trình đào tạo, huấn luyện trực tuyến; thực hiện các hoạt động học tập và kiểm tra, đánh giá theo yêu cầu của giáo viên; đặt câu hỏi và trả lời câu hỏi đối với giáo viên và các học viên khác trong không gian học tập;

c) Cho phép cơ sở đào tạo, huấn luyện quản lý hồ sơ, tiến trình học tập, kết quả học tập của học viên và các hoạt động giảng dạy của giáo viên; hỗ trợ quản lý các thông tin khác theo yêu cầu của cơ sở đào tạo, huấn luyện và cơ quan quản lý nhà nước về đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.

4. Hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ quản lý và tổ chức đào tạo, huấn luyện trực tuyến phải bảo đảm:

a) Đường truyền Internet phải đáp ứng nhu cầu truy cập của người dùng, không để xảy ra hiện tượng nghẽn mạng hay quá tải;

b) Thiết bị kết nối, máy tính, thiết bị đầu cuối có cấu hình phù hợp để cài đặt phần mềm đào tạo, huấn luyện trực tuyến;

c) An toàn thông tin, bảo mật đối với chương trình, tài liệu giảng dạy thuộc tài liệu hạn chế theo quy định của pháp luật.

5. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập trực tuyến của học viên để cấp chứng chỉ chuyên môn được thực hiện trực tiếp theo quy định tại khoản 4 Điều 54 Nghị định quy định về Nhà chức trách hàng không Việt Nam và quản lý an toàn hàng không

6. Hồ sơ đào tạo, huấn luyện trực tuyến được quản lý và lưu trữ tại cơ sở đào tạo, huấn luyện gồm có:

a) Hồ sơ có liên quan đến các nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 5 của Điều này;

b) Dữ liệu về quá trình đào tạo, huấn luyện trực tuyến trên hệ thống đào tạo, huấn luyện trực tuyến;

c) Kế hoạch đào tạo, huấn luyện trực tuyến tại cơ sở đào tạo, huấn luyện theo các lớp học, môn học;

d) Hồ sơ kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập của học viên.”.

Điều 68. Duy trì điều kiện giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không có trách nhiệm:

a) Duy trì giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không;

b) Báo cáo Cục Hàng không Việt Nam trong các trường hợp sau:

b1) Khi có sự thay đổi về giáo viên giảng dạy và kèm theo tài liệu chứng minh bảo đảm quy định tại Điều 65 của Thông tư này theo mẫu số 03 Phụ lục I;

b2) Khi có sự thay đổi về cơ sở vật chất kỹ thuật và kèm theo tài liệu chứng minh bảo đảm quy định tại Điều 64 của Thông tư này theo mẫu số 03 Phụ lục I.

c) Lưu giữ hồ sơ đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định của pháp luật về thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

d) Xây dựng và duy trì hệ thống đánh giá chất lượng đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không;

đ) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Bộ Xây dựng, Cục Hàng không Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định hiện hành.

2. Cục Hàng không Việt Nam có trách nhiệm:

a) Kiểm tra các nội dung trong báo cáo của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Trường hợp cần làm rõ, xác minh nội dung thay đổi, Cục Hàng không Việt Nam yêu cầu cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không báo cáo bổ sung, làm rõ nội dung thay đổi và tiến hành kiểm tra thực tế đánh giá duy trì điều kiện giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không;

b) Kiểm tra duy trì điều kiện cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không tối thiểu 01 lần trong vòng 05 năm;

c) Kiểm tra, đánh giá đột xuất theo yêu cầu.

Mục 4. QUẢN LÝ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Điều 69. Thẻ nghiệp vụ nhân viên hàng không

1. Nhân viên điều khiển phương tiện và nhân viên vận hành thiết bị hàng không hoạt động tại sân bay được cấp thẻ nghiệp vụ nhân viên hàng không. Khi thực hiện nhiệm vụ, nhân viên điều khiển phương tiện và nhân viên vận hành thiết bị hàng không phải mang theo thẻ nghiệp vụ nhân viên hàng không.

2. Thẻ nghiệp vụ nhân viên hàng không được quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục I của Thông tư này, được làm bằng vật liệu nhựa hoặc bằng hình thức thẻ điện tử.

3. Người khai thác cảng hàng không cấp, cấp lại, thu hồi thẻ nghiệp vụ nhân viên hàng không cho nhân viên hàng không thuộc người khai thác cảng và cho người điều khiển phương tiện của các cơ quan quản lý nhà nước hoạt động thường xuyên tại cảng hàng không.

4. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng không, cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay cấp, cấp lại, thu hồi thẻ nghiệp vụ nhân viên hàng không cho nhân viên hàng không thuộc doanh nghiệp.

5. Điều kiện để cấp thẻ nghiệp vụ nhân viên hàng không:

a) Người điều khiển phương tiện phải có chứng chỉ chuyên môn và được đào tạo, huấn luyện định kỳ, phục hồi theo quy định;

b) Nhân viên hàng không thuộc người khai thác cảng, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng không, cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay phải có chứng chỉ chuyên môn, được đào tạo, huấn luyện định kỳ, phục hồi theo quy định và được đào tạo, huấn luyện tại chỗ phù hợp với vị trí việc làm.

6. Nội dung đào tạo, huấn luyện tại chỗ bao gồm:

a) Làm quen với sơ đồ sân bay; nhận diện các điểm giao giao cắt giữa vệt lăn, đường lăn với đường công vụ; nhận diện được các điểm hotspot, các vị trí hạn chế tầm nhìn của người điều khiển phương tiện, các vị trí hạn chế tốc độ, hạn chế chiều cao, các yêu cầu khác (nếu có);

b) Đào tạo, huấn luyện sử dụng bộ đàm với kiểm soát viên không lưu (áp dụng đối với nhân viên điều khiển phương tiện);

c) Đào tạo, huấn luyện ứng phó các tình huống khẩn nguy, trong điều kiện thời tiết nguy hiểm;

d) Các đầu mối liên hệ trong trường hợp khẩn nguy;

e) Các yêu cầu khác về an toàn theo quy định an toàn do người khai thác cảng hàng không ban hành (nếu có).

7. Người khai thác cảng hàng không và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng không, cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay ban hành tài liệu đào tạo, huấn luyện; phê duyệt danh sách nhân viên được đào tạo, huấn luyện tại chỗ; tổ chức đào tạo, huấn luyện tại chỗ nhân viên theo các nội dung được quy định tại khoản 5 Điều này; lưu trữ hồ sơ huấn luyện.

8. Thẻ nghiệp vụ nhân viên hàng không được cấp lại trong trường hợp sau:

a) Mất, hỏng;

b) Khi điều chỉnh, bổ sung nghiệp vụ chuyên môn.

9. Thẻ nghiệp vụ nhân viên hàng không bị thu hồi trong trường hợp nhân viên bị tạm đình chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều 62 của Thông tư này. Người khai thác cảng hàng không và doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng không, cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay có trách nhiệm thu hồi thẻ nghiệp vụ nhân viên hàng không.

Điều 70. Cơ sở dữ liệu về nhân viên hàng không

Người khai thác cảng, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng không, cơ sở sửa chữa, bảo dưỡng tàu bay, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo đảm hoạt động bay có trách nhiệm xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân viên hàng không, đào tạo, huấn luyện nhân viên hàng không và chia sẻ dữ liệu cho các cơ quan quản lý Nhà nước theo yêu cầu.

Chương IV

CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ HÀNH KHÁCH TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG

Mục 1. YÊU CẦU VỀ HẠ TẦNG, QUY TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐỂ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ HÀNH KHÁCH

Điều 71. Khu vực chức năng tại nhà ga hành khách

1. Khu vực chức năng cơ bản tại nhà ga hành khách bao gồm:

a) Khu vực làm thủ tục cần thiết theo quy trình phục vụ hành khách, hành lý;

b) Khu làm việc của các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo chức năng khai thác của nhà ga tại cảng hàng không;

- c) Khu vực dành cho hành khách không đủ điều kiện nhập cảnh đối với cảng hàng không quốc tế;
- d) Khu vực hành lý thất lạc;
- đ) Khu vực đặt quầy, thiết bị hướng dẫn thông tin chung cho hành khách;
- e) Khu vực trợ giúp y tế, sơ cứu ban đầu;
- g) Khu thương mại, dịch vụ;
- h) Khu vực dành cho đại diện hãng hàng không tại nhà ga;
- i) Phòng chờ thương gia;
- k) Khu sạc điện, hệ thống wifi.

2. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ nhà ga hành khách có trách nhiệm bảo đảm các khu vực chức năng cơ bản tại nhà ga hành khách quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 72. Bảo đảm năng lực hạ tầng của nhà ga hành khách theo dây chuyền phục vụ hành khách

1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ nhà ga hành khách có trách nhiệm bảo đảm đủ năng lực tối thiểu về sơ đồ hạ tầng, thiết bị của nhà ga hành khách đáp ứng dây chuyền phục vụ hành khách, phù hợp với công suất của nhà ga hành khách tính theo lượng hành khách trong giờ cao điểm gồm:

a) Diện tích sân đỗ ô tô trước nhà ga hành khách phù hợp với công suất của nhà ga hành khách, phân luồng giao thông ra, vào nhà ga hành khách thuận lợi; bảo đảm đủ số lượng làn thu phí;

b) Đủ chỉ tiêu năng lực cơ sở hạ tầng nhà ga hành khách để phục vụ hành khách tại điểm đi, bao gồm:

b1) Diện tích khu vực sảnh chờ làm thủ tục hành khách, hành lý không bao gồm diện tích mặt bằng kinh doanh dịch vụ khác tại cảng hàng không phải bảo đảm không gian lưu thông tối thiểu 2 m² cho 01 hành khách;

b2) Số lượng ghế được bố trí tại khu vực làm thủ tục hành khách, hành lý bảo đảm đáp ứng tối thiểu cho 15% tổng số hành khách giờ cao điểm; có bố trí ghế ngồi có dấu hiệu nhận biết ưu tiên dành cho người cao tuổi, phụ nữ có thai, người khuyết tật và người cần sự trợ giúp đặc biệt khác;

b3) Quầy làm thủ tục hành khách, hành lý bảo đảm: số lượng quầy làm thủ tục phù hợp với công suất của nhà ga hành khách; có đủ số quầy làm thủ tục sử dụng công nghệ nghệ sinh trắc học theo quy định; tỷ lệ số quầy tự làm thủ tục chiếm tối thiểu 10% tổng số quầy; khoảng cách giữa các hàng hành khách chờ làm thủ tục cánh nhau tối thiểu 1,4m; không gian tối thiểu 1,3 m² cho 01 hành khách xếp hàng chờ làm thủ tục; thời gian xếp hàng và làm thủ tục hành khách không quá 20 phút cho 01 hành khách;

b4) Khu vực làm thủ tục kiểm tra an ninh hàng không bảo đảm: số lượng làn kiểm tra an ninh phù hợp với công suất của nhà ga hành khách; có đủ số làn kiểm tra an ninh sử dụng công nghệ sinh trắc học theo quy định; khoảng cách giữa các hàng hành khách chờ làm thủ tục kiểm tra an ninh cánh nhau tối thiểu 1,2m; không gian tối thiểu 01 m² cho 01 hành khách xếp hàng chờ kiểm tra an ninh; thời gian xếp hàng và kiểm tra an ninh không quá 10 phút cho 01 hành khách; Số làn kiểm tra an ninh;

b5) Khu vực xuất cảnh (đối với nhà ga hành khách quốc tế) bảo đảm: Số quầy làm thủ tục xuất cảnh phù hợp với công suất của nhà ga hành khách; có đủ số quầy làm thủ tục xuất cảnh sử dụng công nghệ sinh trắc học theo quy định; khoảng cách giữa các hàng hành khách chờ làm thủ tục xuất cảnh cách nhau tối thiểu 1,2m; không gian tối thiểu 01 m² cho 01 hành khách xếp hàng chờ làm thủ tục xuất cảnh; thời gian xếp hàng và làm thủ tục xuất cảnh không quá 10 phút cho 01 hành khách;

b6) Diện tích khu vực sảnh chờ ra tàu bay không bao gồm diện tích mặt bằng kinh doanh dịch vụ khác tại cảng hàng không phải bảo đảm và không gian lưu thông tối thiểu 1,2 m² cho 01 hành khách;

b7) Số lượng ghế được bố trí tại sảnh chờ ra tàu bay phải bảo đảm đáp ứng tối thiểu cho 70% tổng số hành khách giờ cao điểm; có bố trí ghế ngồi có dấu hiệu nhận biết ưu tiên dành cho người cao tuổi, phụ nữ có thai, người khuyết tật và người cần sự trợ giúp đặc biệt khác;

b8) Số lượng cửa ra tàu bay phù hợp với công suất của nhà ga hành khách; Số lượng cửa ra tàu bay; có cửa ra tàu bay có sử dụng công nghệ sinh trắc học theo quy định;

c) Cung cấp đủ thiết bị phục vụ hành khách khởi hành đi tàu bay gồm:

c1) Cung cấp đầy đủ bảng hiệu với ngôn ngữ bằng tiếng Việt và tiếng Anh (sử dụng bảng điện tử, màn hình hoặc bảng treo) để hiển thị thông tin về chuyến bay, thời gian đóng quầy dự kiến; bảng thông báo hướng dẫn hành khách về hàng hóa và vật dụng nguy hiểm không được mang theo người, hành lý lên tàu bay, hướng dẫn về các loại giấy tờ cần thiết khi đi tàu bay theo quy định về an ninh hàng không tại quầy làm thủ tục;

c2) Bố trí camera giám sát an ninh tại các khu vực làm thủ tục, khu vực soi chiếu hành lý, khu vực băng chuyền hành lý, khu vực kiểm tra an ninh hành khách tại cảng hàng không;

d) Đủ chỉ tiêu năng lực cơ sở hạ tầng nhà ga hành khách để phục vụ hành khách đến, bao gồm:

d1) Khu vực nhập cảnh (đối với nhà ga hành khách quốc tế) bảo đảm: Số quầy làm thủ tục nhập cảnh phù hợp với công suất của nhà ga hành khách; có đủ số quầy làm thủ tục nhập cảnh sử dụng công nghệ sinh trắc học theo quy định; khoảng cách giữa các hàng hành khách chờ làm thủ tục nhập cảnh cách nhau tối thiểu 1,2m; không gian tối thiểu 01 m² cho 01 hành khách xếp hàng chờ làm thủ tục nhập cảnh; thời gian xếp hàng và làm thủ tục nhập cảnh không quá 10 phút cho 01 hành khách;

d2) Khu vực băng chuyền trả hành lý đến bảo đảm: diện tích khu vực khu vực băng chuyền trả hành lý đến không bao gồm diện tích mặt bằng kinh doanh dịch vụ khác tại cảng hàng không phải bảo đảm không gian lưu thông tối thiểu 1,5 m² cho 01 hành khách; số lượng băng chuyền trả hành lý đến phù hợp với công suất của nhà ga hành khách; thời gian chờ nhận hành lý không quá 15 phút cho 01 hành khách đối với tàu bay thân hẹp, 25 phút cho 01 hành khách đối với tàu bay thân rộng;

d3) Khu vực kiểm tra hải quan bảo đảm: Số lượng quầy kiểm tra hải quan phù hợp với công suất của nhà ga hành khách; không gian tối thiểu 1,3 m² cho 01 hành khách xếp hàng chờ làm thủ tục kiểm tra hải quan.

d4) Diện tích sảnh đến phải bảo đảm không gian lưu thông tối thiểu 02 m² cho 01 hành khách;

d5) Số lượng ghế được bố trí tại khu vực sảnh đến bảo đảm đáp ứng tối thiểu cho 15% tổng số hành khách giờ cao điểm.

2. Cục Hàng không Việt Nam hướng dẫn tính toán năng lực cơ sở hạ tầng, thiết bị của nhà ga hành khách; xây dựng các mức năng lực cơ sở hạ tầng, thiết bị của nhà ga hành khách trên mức tối thiểu được quy định tại khoản 1 Điều này tương ứng với chất lượng dịch vụ hàng không.

3. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ nhà ga hành khách đăng ký, duy trì mức năng lực cơ sở hạ tầng, thiết bị của nhà ga hành khách.

Điều 73. Xây dựng Quy trình phục vụ hành khách tại cảng hàng không

1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ nhà ga hành khách, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất có trách nhiệm xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện và tuyên truyền, phổ biến quy trình phục vụ hành khách tại cảng hàng không và ban hành quy trình phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác phục vụ hành khách.

2. Quy trình phục vụ hành khách tại cảng hàng không bao gồm các nội dung cơ bản sau:

- a) Phục vụ làm thủ tục hành khách, hành lý đi;
- b) Phục vụ hành khách ra tàu bay;
- c) Phục vụ hành khách của chuyến bay bị chậm, hủy chuyến, chuyển bay chuyển hướng;
- d) Phục vụ hành khách sử dụng các loại dịch vụ đặc biệt;
- đ) Phục vụ hành khách, hành lý đến, nối chuyến;
- e) Phục vụ hành khách bị trục xuất, hạn chế nhập cảnh.

3. Quy trình phục vụ hành khách tại cảng hàng không, hướng dẫn công việc phục vụ hành khách, quy trình phối hợp với các đơn vị liên quan trong công tác phục vụ hành khách và các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải được gửi cho Cảng vụ hàng không khu vực, doanh nghiệp cảng hàng không để giám sát thực hiện.

Điều 74. Dịch vụ cơ bản tại nhà ga

1. Doanh nghiệp cảng hàng không, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ nhà ga hành khách có trách nhiệm:

a) Đáp ứng đầy đủ trang thiết bị, hệ thống biển báo, hệ thống thông tin nhà ga hành khách bao gồm website, thiết bị hỗ trợ tra cứu thông tin, biển chỉ dẫn; bố trí một hoặc nhiều quầy thông tin với nhân viên trợ giúp hành khách tùy vào điều kiện thực tế của cảng hàng không.

b) Ứng dụng công nghệ trong quản lý, vận hành khai thác nhà ga (thủ tục hành khách và kiểm tra giấy tờ tùy thân sử dụng VNeID, Auto gate...).

c) Bố trí xe đẩy hành lý đáp ứng đầy đủ và thuận tiện cho nhu cầu sử dụng của hành khách;

d) Tổ chức hệ thống giao thông, khu vực nhà vệ sinh phục vụ người khuyết tật;

đ) Đảm bảo vệ sinh, môi trường văn minh, sạch đẹp trong nhà ga đi, đến; hệ thống nhà vệ sinh đáp ứng tiêu chuẩn theo công suất thiết kế của nhà ga;

e) Bố trí quầy nước miễn phí tại khu vực cách ly trong nhà ga đi, đến;

g) Bố trí hệ thống wifi miễn phí tại nhà ga hành khách có chất lượng, đảm bảo liên tục truy cập, kết nối;

h) Tiếp nhận, giải quyết kịp thời các khiếu nại liên quan đến chất lượng dịch vụ tại cảng hàng không và báo cáo kết quả bằng văn bản cho Cảng vụ hàng không nơi phát sinh khiếu nại.

2. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kỹ thuật thương mại mặt đất tại các cảng hàng không phải đảm bảo trang thiết bị phục vụ đáp ứng nhu cầu sử dụng xe lăn tại khu vực nhà ga đi, đến; có xe nâng hành khách sử dụng xe lăn lên tàu bay; tùy vào điều kiện và tình hình khai thác tại cảng hàng không để trang bị xe nâng hành khách sử dụng xe lăn lên, xuống tàu bay hoặc có phương án hỗ trợ hành khách sử dụng xe lăn lên, xuống tàu bay.

Điều 75. Kinh doanh dịch vụ khác tại cảng hàng không

1. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ khác tại cảng hàng không có trách nhiệm:

a) Niêm yết giá, công khai nguồn gốc xuất xứ, giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm ở vị trí dễ nhận biết và tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan;

b) Đảm bảo cung cấp các hàng hóa thiết yếu và đồ uống không cồn trong khu vực cách ly với mức giá hợp lý, phù hợp với mặt bằng giá chung của từng cảng hàng không.

2. Doanh nghiệp cảng hàng không, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ nhà ga hành khách có trách nhiệm phải đảm bảo mặt bằng khai thác dịch vụ khác tuân thủ tài liệu khai thác công trình; thông báo cho Cảng vụ hàng không thông tin nhượng quyền, tạm ngừng hoặc dừng cung cấp dịch vụ của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ khác tại nhà ga hành khách.

Mục 2. ĐÁNH GIÁ, CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ PHỤC VỤ HÀNH KHÁCH

Điều 76. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng hàng không

1. Chịu trách nhiệm tổ chức và điều phối chung chất lượng dịch vụ tại cảng hàng không.

2. Ban hành quy định quản lý chất lượng dịch vụ tại cảng hàng không bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

a) Mục tiêu chất lượng dịch vụ;

b) Danh mục chỉ tiêu, chỉ số giám sát;

c) Chất lượng dịch vụ công bố áp dụng;

d) Phân công trách nhiệm giữa các chủ thể tham gia dây chuyền phục vụ;

đ) Quy trình đo lường, thu thập, lưu trữ, phân tích và báo cáo dữ liệu;

- e) Quy trình tiếp nhận, xử lý, phản hồi phản ánh, kiến nghị, khiếu nại;
- g) Kế hoạch cải tiến chất lượng dịch vụ hàng năm;
- h) Nguồn lực thực hiện

3. Duy trì chất lượng dịch vụ tối thiểu đối với hạ tầng, công trình, hệ thống, thiết bị do doanh nghiệp cảng hàng không quản lý, khai thác.

4. Bảo đảm các tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ hàng không, dịch vụ khác tại cảng hàng không tuân thủ quy định quản lý chất lượng dịch vụ tại cảng hàng không do người khai thác cảng hàng không ban hành. Việc tuân thủ quy định quản lý chất lượng dịch vụ tại cảng hàng không phải được thể hiện trong hợp đồng.

5. Thiết lập các vị trí, công bố thông tin đầu mối tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, khiếu nại chất lượng dịch vụ trong nhà ga, trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp cảng hàng không; tiếp nhận, chủ trì xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của người sử dụng dịch vụ thuộc thẩm quyền; chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định đối với các nội dung không thuộc thẩm quyền của doanh nghiệp cảng hàng không; thông báo kết quả xử lý cho người phản ánh, kiến nghị, khiếu nại và thông báo trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp cảng hàng không.

6. Thiết lập hệ thống đo lường, giám sát, lưu trữ dữ liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu chất lượng dịch vụ bảo đảm trung thực, đầy đủ, liên tục, truy xuất được.

7. Tổ chức khảo sát mức độ hài lòng của hành khách.

8. Bảo đảm bố trí nhân lực, kinh phí, phương tiện, thiết bị phục vụ công tác quản lý chất lượng dịch vụ.

9. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ, đột xuất theo quy định.

10. Thực hiện biện pháp nâng cao chất lượng dịch vụ theo yêu cầu của Nhà chức trách hàng không Việt Nam hoặc Cảng vụ hàng không.

Điều 77. Công bố chất lượng dịch vụ

Doanh nghiệp cảng hàng không, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ nhà ga hành khách có trách nhiệm công bố công khai trên trang thông tin điện tử của doanh nghiệp và tại khu vực nhà ga hành khách các nội dung sau đây:

- 1. Mức chất lượng dịch vụ công bố áp dụng;
- 2. Đầu mối tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, khiếu nại;
- 3. Kết quả đánh giá mức chất lượng dịch vụ gần nhất.

Điều 78. Kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ

1. Cảng vụ hàng không thực hiện kiểm tra định kỳ tối thiểu 01 lần trong năm hoặc đột xuất đối với việc chấp hành quy định về chất lượng dịch vụ tại cảng hàng không.

2. Nội dung kiểm tra bao gồm:

- a) Việc duy trì chất lượng dịch vụ công bố áp dụng;
- b) Việc đo lường, lưu trữ, báo cáo dữ liệu;
- c) Việc thực hiện thỏa thuận chất lượng dịch vụ;
- d) Việc công bố thông tin;
- đ) Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại;

e) Việc thực hiện yêu cầu khắc phục của cơ quan có thẩm quyền.

3. Tổ chức, cá nhân được kiểm tra có trách nhiệm cung cấp đầy đủ hồ sơ, tài liệu, dữ liệu, giải trình theo yêu cầu của Cảng vụ hàng không.

Điều 79. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng không

1. Kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về chất lượng dịch vụ tại cảng hàng không.

2. Thiết lập đường dây nóng để tiếp nhận phản ánh, kiến nghị, khiếu nại từ tổ chức, cá nhân về chất lượng dịch vụ; kiểm tra, xác minh và xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định.

3. Yêu cầu doanh nghiệp cảng hàng không, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ nhà ga hành khách khắc phục ngay hành vi vi phạm hoặc nguy cơ làm suy giảm chất lượng dịch vụ.

4. Thông báo kết quả giám sát chất lượng dịch vụ tại cảng hàng không.

Điều 80. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng không và dịch vụ khác tại cảng hàng không

1. Duy trì chất lượng dịch vụ theo thỏa thuận chất lượng dịch vụ với doanh nghiệp cảng hàng không.

2. Công bố công khai đường dây nóng trên trang thông tin điện tử và tại vị trí kinh doanh của đơn vị mình tại cảng hàng không; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại thuộc trách nhiệm của doanh nghiệp.

3. Khắc phục ngay vi phạm hoặc nguy cơ vi phạm làm ảnh hưởng đến mức chất lượng dịch vụ công bố áp dụng.

Chương V

DUY TRÌ ĐIỀU KIỆN KHAI THÁC KHAI THÁC BÃI CÁT, HẠ CÁNH

Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 81. Phân loại bãi cát, hạ cánh

Theo đặc tính cấu trúc và vị trí, bãi cát, hạ cánh được phân thành các loại sau:

1. Bãi cát, hạ cánh trên mặt đất.

2. Bãi cát, hạ cánh trên mặt nước.

3. Bãi cát, hạ cánh trên các công trình nhân tạo, bao gồm: Toà nhà, boong tàu, nhà giàn, giàn khoan dầu khí.

Điều 82. Hoạt động khai thác của bãi cát, hạ cánh

Bãi cát, hạ cánh phục vụ hoạt động vận tải hàng không thương mại thường lệ phải được cấp giấy chứng nhận bãi cát hạ cánh và được mở theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng.

MỤC 2. QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THỦY PHI CƠ VÀ BÃI CÁT, HẠ CÁNH TRÊN MẶT NƯỚC

Điều 83. Quy định chung về hoạt động thủy phi cơ trên mặt nước

1. Hoạt động của thủy phi cơ trên mặt nước chịu sự quản lý tương ứng của Cảng vụ hàng hải và Cảng vụ đường thủy nội địa, Sở Xây dựng nơi có bãi cát, hạ cánh trên mặt nước được mở và cấp phép khai thác.

2. Thủy phi cơ, hoạt động khai thác của thủy phi cơ trên mặt nước phải tuân thủ các quy định về luồng, tuyến, bảo đảm an ninh, an toàn và phòng ngừa ô nhiễm môi trường trong lĩnh vực hàng không dân dụng, hàng hải và đường thủy nội địa.

Điều 84. Quy định về việc vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa của thủy phi cơ

1. Thủy phi cơ được xác định là tàu thuyền, phương tiện thủy nội địa khi hoạt động trên mặt nước; được vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa và phải tuân thủ các quy định có liên quan về việc quản lý phương tiện vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa.

2. Thủy phi cơ khi vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa phải làm thủ tục theo quy định của pháp luật về hàng hải, đường thủy nội địa.

Điều 85. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động khai thác bãi cát, hạ cánh trên mặt nước

1. Trách nhiệm của Cục Hàng không Việt Nam:

a) Giám sát công tác bảo đảm an toàn khai thác bãi cát, hạ cánh trên mặt nước theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng;

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, lực lượng có liên quan triển khai công tác tìm kiếm cứu nạn, ứng phó khẩn nguy trong trường hợp thủy phi cơ lâm nguy, lâm nạn tại bãi cát, hạ cánh trên mặt nước;

c) Tổ chức kiểm tra định kỳ 05 năm/lần đối với các bãi cát, hạ cánh được cấp Giấy chứng nhận theo quy định; tổ chức kiểm tra đột xuất khi có sự cố, vụ việc hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trách nhiệm của Cục Hàng hải và đường thủy nội địa Việt Nam:

a) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc quản lý hoạt động khai thác thủy phi cơ trên mặt nước bảo đảm các điều kiện an toàn hàng hải theo quy định của pháp luật về hàng hải và đường thủy nội địa;

b) Phối hợp với Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra, giám sát hoạt động của bãi cát, hạ cánh trên mặt nước trong vùng nước cảng biển, cảng, bến thủy nội địa và khu vực quản lý của Cảng vụ hàng hải và Cảng vụ đường thủy nội địa;

c) Điều phối các hoạt động tìm kiếm, cứu nạn thủy phi cơ trên biển, trong vùng nước cảng biển, cảng, bến thủy nội địa theo quy định.

3. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng hải và Cảng vụ đường thủy nội địa, Sở Xây dựng nơi có bãi cát, hạ cánh thủy phi cơ trên mặt nước thuộc thẩm quyền quản lý:

a) Quản lý các hoạt động vào, rời cảng biển hoặc cảng, bến thủy nội địa của thủy phi cơ trong trường hợp bãi cát, hạ cánh trên mặt nước nằm trong vùng nước cảng biển hoặc cảng, bến thủy nội địa;

b) Quản lý các hoạt động của tàu thuyền quanh khu vực bãi cát, hạ cánh trên mặt nước để bảo đảm an ninh, an toàn;

c) Làm thủ tục cấp phép, thu phí, lệ phí cho thủy phi cơ vào, rời cảng biển, cảng bến thủy nội địa theo quy định của pháp luật về hàng hải và đường thủy nội địa;

d) Giám sát hoạt động di chuyển của thủy phi cơ trên mặt nước trong phạm vi quản lý;

đ) Ngăn ngừa, xử lý các vi phạm về an ninh, an toàn hàng hải, đường thủy nội địa và phòng ngừa ô nhiễm môi trường của thủy phi cơ trên mặt nước thuộc phạm vi, trách nhiệm quản lý.

4. Trách nhiệm của người khai thác thủy phi cơ, người khai thác bãi cát, hạ cánh trên mặt nước:

a) Gửi kế hoạch bay đối với từng chuyến bay cho Cảng vụ hàng hải và Cảng vụ đường thủy nội địa, Sở Xây dựng nơi có bãi cát, hạ cánh trên mặt nước thuộc thẩm quyền quản lý;

b) Tuân thủ các quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, hàng hải, đường thủy nội địa đối với thủy phi cơ khi cất cánh, hạ cánh, di chuyển trên mặt nước;

c) Bảo đảm không làm ảnh hưởng đến luồng, hướng di chuyển của tàu thuyền khi thủy phi cơ cất cánh, hạ cánh trên mặt nước;

d) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính liên quan đến việc thuê mặt nước, cầu, bến cảng biển, cầu, bến thủy nội địa, cấp phép vào, rời cảng biển hoặc cảng, bến thủy nội địa theo quy định của pháp luật về hàng hải, đường thủy nội địa;

đ) Bảo đảm an ninh, an toàn cho các hoạt động của thủy phi cơ và bãi cát, hạ cánh trên mặt nước theo quy định của pháp luật về hàng không dân dụng, hàng hải và đường thủy nội địa;

e) Duy trì điều kiện khai thác theo Giấy chứng nhận bãi cát, hạ cánh được cơ quan có thẩm quyền cấp.

Điều 86. Kế hoạch ứng phó khẩn nguy

1. Người khai thác bãi cát, hạ cánh phải đảm bảo nguồn lực thực hiện công tác ứng phó khẩn nguy, cứu nạn, chữa cháy, đáp ứng với các hoạt động của tàu bay và các hoạt động khác tại bãi cát, hạ cánh và phải xác định trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong công tác xử lý các tình huống khẩn nguy tại bãi cát hạ

cánh và trong vùng lân cận của bãi cát hạ cánh.

2. Người khai thác bãi cát, hạ cánh phải xây dựng kế hoạch ứng phó khẩn nguy để sẵn sàng ứng phó với các tình huống khẩn nguy xảy ra tại bãi cát, hạ cánh. Kế hoạch ứng phó khẩn nguy là một phần của Tài liệu khai thác bãi cát, hạ cánh.

3. Kế hoạch ứng phó khẩn nguy bãi cát, hạ cánh bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

- a) Các tình huống khẩn nguy tại bãi cát, hạ cánh;
- b) Các phương án xử lý đối với các tình huống khẩn nguy tại bãi cát, hạ cánh, bao gồm công tác công tác ứng phó khi xảy ra tình huống khẩn nguy và sau khi xảy ra tình huống khẩn nguy;
- c) Tổ chức công tác ứng phó khẩn nguy tại bãi cát, hạ cánh;
- d) Vai trò, trách nhiệm, thông tin liên hệ của các cơ quan, đơn vị trong công tác ứng phó khẩn nguy tại bãi cát, hạ cánh;
- đ) Hệ thống thông tin liên lạc;
- e) Cơ sở hạ tầng, lực lượng, phương tiện, trang thiết bị sử dụng trong công tác ứng phó khẩn nguy tại bãi cát, hạ cánh; các văn bản hiệp đồng, thỏa thuận với các cơ quan, đơn vị liên quan hỗ trợ và cung cấp dịch vụ ứng phó khẩn nguy;
- g) Chế độ trực khẩn nguy;
- h) Công tác huấn luyện, đào tạo và tổ chức thực hành diễn tập các tình huống khẩn nguy tại bãi cát, hạ cánh;
- i) Các sơ đồ, bản đồ phục vụ công tác ứng phó khẩn nguy tại bãi cát, hạ cánh.

4. Kế hoạch ứng phó khẩn nguy tại bãi cát, hạ cánh cần rà soát, bổ sung, cập nhật các thông tin liên quan tối thiểu là 01 năm/lần hoặc khi có sự thay đổi nội dung trong kế hoạch ứng phó khẩn nguy tại bãi cát, hạ cánh để phù hợp với thực tế tại bãi cát, hạ cánh.

5. Thực hành diễn tập kế hoạch ứng phó khẩn nguy được tổ chức tối thiểu 03 năm/lần.

Chương VI

GIÁM SÁT VIÊN AN TOÀN HÀNG KHÔNG LĨNH VỰC CẢNG HÀNG KHÔNG VÀ BÃI CÁT, HẠ CÁNH

Điều 87. Yêu cầu năng lực giám sát viên an toàn hàng không lĩnh vực cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh

- 1. Tốt nghiệp đại học trở lên.
- 2. Có tối thiểu 05 năm làm việc trong lĩnh vực quản lý, khai thác cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh đối với người tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành, chuyên ngành có liên quan đến kỹ thuật; 07 năm làm việc trong lĩnh vực quản lý,

khai thác cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh đối với người tốt nghiệp đại học trở lên thuộc ngành, chuyên ngành khác.

3. Có khả năng thành thạo tiếng Anh trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương trở lên theo quy định của pháp luật về giáo dục, đào tạo.

4. Có chứng chỉ, chứng nhận hoặc quyết định công nhận đã hoàn thành các khóa đào tạo cho giám sát viên an toàn hàng không lĩnh vực cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh được cấp bởi Cục Hàng không Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo được ICAO, ACI, IATA công nhận.

Điều 88. Xác định số lượng, tổ chức đào tạo và phê chuẩn giám sát viên an toàn hàng không lĩnh vực cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh

1. Cục Hàng không Việt Nam:

a) Xác định số lượng giám sát viên an toàn hàng không lĩnh vực cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh để đáp ứng nhu cầu giám sát an toàn khai thác cảng hàng không trên toàn bộ hệ thống cảng hàng không toàn quốc;

b) Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện giám sát viên an toàn hàng không lĩnh vực cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh. Chỉ định người có chứng chỉ hoặc chứng nhận hoàn thành các khóa học tương đương tham gia quá trình giảng dạy hoặc mời các chuyên gia trong và ngoài nước, các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước tham gia giảng dạy, đào tạo giám sát viên an toàn hàng không lĩnh vực cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

c) Hướng dẫn công tác kiểm tra, giám sát của giám sát viên an toàn hàng không lĩnh vực cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh;

d) Thiết lập hồ sơ và lưu trữ hồ sơ giám sát viên an toàn hàng không lĩnh vực cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh.

2. Cục Hàng không Việt Nam phê chuẩn và cấp thẻ giám sát viên an toàn hàng không lĩnh vực cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh sau khi người được đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện hoàn thành các chương trình sau:

a) Đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện cơ bản (Baseline Training);

b) Đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên ngành (Specialized Training);

c) Huấn luyện thực hành (On-the-Job Training).

3. Cục Hàng không Việt Nam hủy phê chuẩn và thu hồi thẻ giám sát viên an toàn hàng không lĩnh vực cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh trong các trường hợp sau:

a) Người được phê chuẩn giám sát viên chuyển đổi vị trí công tác và không còn làm việc trong lĩnh vực giám sát an toàn cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh.

b) Không hoàn thành chương trình huấn luyện định kỳ (Recurrent Training).

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 89. Điều khoản chuyển tiếp

Các cơ sở đào tạo đã được Cục Hàng không Việt Nam cấp giấy chứng nhận có trách nhiệm hoàn thiện đầy đủ chương trình, giáo trình đào tạo, huấn luyện quy định tại Thông tư này trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày Thông tư có hiệu lực.

Chuyển tiếp trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày thông tư này có hiệu lực các cơ sở đào tạo phải đáp ứng các yêu cầu về cơ sở vật chất tại Điều 64 của Thông tư này và đáp ứng duy trì điều kiện của giáo viên đào tạo, huấn luyện thực hành theo quy định tại Điều 65 của thông tư này.

Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày thông tư này có hiệu lực các doanh nghiệp sử dụng nhân viên hàng không phải cấp thẻ nghiệp vụ nhân viên hàng không.

Trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày thông tư này có hiệu lực người khai thác cảng hàng không hoàn thành việc ban hành quy định quản lý chất lượng dịch vụ tại cảng hàng không.

Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày thông tư này có hiệu lực người quản lý phương tiện.....

Điều 90. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng 7 năm 2026.

2. Bãi bỏ Thông tư số 29/2021/TT-BGTVT ngày 30/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay, Thông tư số 52/2023/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 29/2021/TT-BGTVT ngày 30/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chi tiết về quản lý, khai thác cảng hàng không, sân bay; Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chất lượng dịch vụ hành khách tại cảng hàng không, Thông tư số 27/2017/TT-BGTVT ngày 25/8/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2014/TT-BGTVT ngày 29/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định chất lượng dịch vụ hành khách tại cảng hàng không và Thông tư số 14/2015/TT-BGTVT ngày 27/04/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về việc bồi thường ứng trước không hoàn lại trong vận chuyển hành khách bằng đường hàng không; Thông tư 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không, Thông tư 35/2021/TT-BGTVT ngày 17/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không, Thông tư 01/2025/TT-BXD ngày

28/03/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều và phụ lục ban hành kèm theo thông tư số 10/2018/TT-BGTVT ngày 14/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về nhân viên hàng không; đào tạo, huấn luyện và sát hạch nhân viên hàng không.

3. Các văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu của ICAO được dẫn chiếu trong Thông tư này khi được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 91. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Bộ XD;
- Lưu: VT, KCHT (10).

Lê Anh Tuấn

PHỤ LỤC I CÁC MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số .../2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Tên các mẫu
Mẫu số 01	Mẫu báo cáo sự cố va chạm chim, động vật hoang dã, vật nuôi với tàu bay và báo cáo bổ sung thông tin về chi phí khai thác và hư hại động cơ do sự cố chim, động vật hoang dã, vật nuôi va chạm với tàu bay
Mẫu số 1.1	Mẫu báo cáo sự cố va chạm chim, động vật hoang dã, vật nuôi với tàu bay
Mẫu số 1.2	Mẫu báo cáo bổ sung thông tin về chi phí khai thác và hư hại

	động cơ do sự cố chim, động vật hoang dã, vật nuôi va chạm với tàu bay
Mẫu số 02	Chứng chỉ chuyên môn
Mẫu số 03	Mẫu báo cáo khi có sự thay đổi của cơ sở đào tạo, huấn luyện
Mẫu số 04	Mẫu thẻ nghiệp vụ nhân viên hàng không

Mẫu số 01. Mẫu báo cáo sự cố va chạm chim, động vật hoang dã, vật nuôi với tàu bay và báo cáo bổ sung thông tin về chi phí khai thác và hư hại động cơ do sự cố chim, động vật hoang dã, vật nuôi va chạm với tàu bay

Mẫu số 1.1. Mẫu báo cáo sự cố va chạm chim, động vật hoang dã, vật nuôi với tàu bay

Send to:

Gửi tới:

Operator	01/02	Effect on Flight:	
<i>Người khai thác tàu bay</i>		<i>Ảnh hưởng tới chuyến bay</i>	
Aircraft Make/Model	03/04	None	32
<i>Nhà sản xuất tàu bay/Mẫu mã</i>		<i>Không</i>	
Engine Make/Model	05/06	Aborted take - off	33

<i>Nhà sản xuất động cơ/Mẫu mã</i>		<i>Hủy cất cánh</i>	
Aircraft Registration	07	Precautionary landing	34
<i>Số đăng ký tàu bay</i>		<i>Hạ cánh phòng bắt trắc</i>	
Flight number		Engines shut down	35
<i>Số hiệu chuyến bay</i>		<i>Động cơ bị tắt</i>	
Date day month year	08	Other (specify)	36
<i>Ngày tháng năm</i>		<i>Khác (nêu rõ)</i>	
Route to		Sky Condition	37
<i>Điểm đến</i>		<i>Điều kiện bầu trời</i>	
Local time	09	No cloud	A
<i>Giờ địa phương</i>		<i>Không mây</i>	
dawn A day B dusk C			
night	10	Some cloud	B
D			
<i>bình minh</i> ☐ A <i>ban ngày</i> ☐ B		<i>Có mây</i>	
<i>chạng vạng</i> ☐ C <i>đêm</i> ☐ D			
Aerodrome Name	11/12	Overcast	C
<i>Tên sân bay</i>		<i>U ám</i>	
Runway used.....	13	Precipitation	
<i>Đường CHC sử dụng</i>		<i>Lượng giáng thủy</i>	
Location if Enroute	14	Fog ☐	38
<i>Vị trí trên đường bay</i>		<i>Sương mù</i>	
Height AGL.....	15	Rain ☐	39
<i>Độ cao (AGL)</i>		<i>Mưa</i>	
Speed IAS	16	Snow ☐	40
<i>Tốc độ (IAS)</i>		<i>Tuyết</i>	
Phase of Flight	17	bird Species*.....	41
<i>Giai đoạn của chuyến bay</i>		<i>Loài chim</i>	
Parked ☐ A En route	☐ E	Number of Birds.....	
<i>đỗ</i> <i>trên đường bay</i>		<i>Số lượng chim</i>	
Taxi ☐ B Descent	☐ F	<i>Seen</i> 42	<i>Struck</i>
<i>lăn</i> <i>hạ độ cao</i>		<i>Nhìn thấy</i>	<i>Va chạm</i>
Take-off ☐ C Approach	☐ G	1 ☐ A	☐ A
<i>chạy đà cất cánh</i> <i>tiếp cận</i>		2-10 ☐ B	☐ B
Climb ☐ D Landing roll	☐ H	11-100 ☐ C	☐ C

<i>lấy độ cao</i>		<i>xả đà hạ cánh</i>		More	☐ D		☐ D
Part(s) of Aircraft				Nhiều hơn			
<i>Phần (các phần) của tàu bay</i>							
	Struck		Damaged	Size of Bird	44		
	<i>Va chạm</i>		<i>Hư hại</i>	<i>Kích thước của chim</i>			
Radome	☐	18	☐			Small	☐ S
<i>Chóp ra đa</i>						<i>Nhỏ</i>	
Windshield	☐	19	☐			Medium	☐ M
<i>Kính chắn gió</i>						<i>Trung bình</i>	
Nose							
(excluding above)	☐	20	☐			Large	☐ L
<i>Mũi (ngoại trừ phần trên)</i>						<i>To</i>	
Engine no.1	☐	21	☐	Pilot Warned of Birds	45		
<i>Động cơ số 1</i>				<i>Tổ lái có được cảnh báo về chim</i>			
2	☐	22	☐	Yes	☐ y	No	☐ x
3	☐	23	☐	<i>Có</i>		<i>Không</i>	
4	☐	24	☐	Remarks (describe damage, injuries and other pertinent information)	46/47		
Propeller	☐	25	☐	<i>Bình luận (mô tả mức độ hư hại, mức độ tổn thương và các thông tin thích hợp)</i>			
<i>Cánh quạt</i>							
Wing/rotor	☐	26	☐				
<i>Cánh tàu bay/cánh quay trực thăng</i>							
Fuselage	☐	27	☐				
<i>Thân</i>							
Landing gear	☐	28	☐				
<i>Càng</i>							
Tail	☐	29	☐				
<i>Đuôi</i>							
Lights	☐	30	☐				
<i>Đèn</i>							
Other (specify)	☐	31	☐				
<i>Khác (nêu rõ)</i>							

Reported

by

*Báo cáo**bởi*

(Name, Signature)

(Tên, Chữ ký)

* Send the pictures of the birdstrike

* *Gửi ảnh của sự cố chim va chạm vào tàu bay*

Mẫu số 1.2. Mẫu báo cáo bổ sung thông tin về chi phí khai thác và hư hại động cơ do sự cố chim, động vật hoang dã, vật nuôi va chạm với tàu bay

A. BASIC DATA**A. THÔNG TIN CƠ BẢN**

Operator 01/02

Người khai thác

Aircraft Make/Model 03/04

Nhà sản xuất tàu bay/Mẫu mã

Engine Make/Model: 05/06

Nhà sản xuất động cơ/Mẫu mã

Aircraft Registration: 07

Số đăng ký tàu bayDate of strike: day month 08
year*Ngày xảy ra sự cố va chạm:* ngày tháng*năm*Aerodrome/ Location if known 11/12/14
.....

Sân bay/ Vị trí nếu biết

B. COST INFORMATION:

B. THÔNG TIN CHI PHÍ:

Aircraft time out of service: 52
hours

Thời gian tàu bay không phục vụ bay
giờ

Estimated cost of repairs or replacement U.S. \$ 53

Chi phí ước tính cho việc sửa chữa hoặc thay thế:

Estimated other costs U.S. \$ 54

Chi phí ước tính khác:

**C. CÁC THÔNG TIN ĐẶC BIỆT VỀ HƯ HẠI ĐỘNG CƠ DO SỰ
CỔ VA CHẠM**

Engine position number	1	2	3	4
<i>Vị trí của động cơ</i>				
Reason for failure/ shutdown	55	56	57	58
<i>Lý do hỏng/tắt máy</i>				

Uncontained failure	☐ A	☐ A	☐ A	☐ A
<i>Bị văng ra không kiểm soát</i>				

Fire	☐ B	☐ B	☐ B	☐ B
<i>Cháy</i>				

Shutdown - Vibration	☐ C	☐ C	☐ C	☐ C
<i>Tắt - Rung</i>				

Shutdown - Temperature	☐ D	☐ D	☐ D	☐ D
<i>Tắt - Nhiệt độ</i>				

Shutdown - Fire warning	☐ E	☐ E	☐ E	☐ E
<i>Tắt - Cảnh báo cháy</i>				

Shutdown - Other (specify)	☐ Y	☐ Y	☐ Y	☐ Y
<i>Tắt - Khác (nêu rõ)</i>				

.....

Shutdown - unknown	☐ Z	☐ Z	☐ Z	☐ Z
<i>Tắt - không biết</i>				

Estimated percentage of thrust loss*	___59	___60	___61	___62
<i>Phần trăm ước tính giảm lực đẩy</i>				

Estimated number of birds ingested	___63	___64	___65	___66
<i>Số lượng chim ước tính bị cuốn vào động cơ</i>				

Bird species	41
<i>Loài chim</i>	

*These may be difficult to determine but even estimates are useful.

* Việc nhận diện được các loài chim có thể khó nhưng cần thiết ngay

cả khi chỉ là số ước lượng.

Send the pictures of the birdstrike

Gửi ảnh của sự cố chim va chạm vào tàu bay

Reported by

Được báo cáo bởi

(Name, Signature)

(Tên, Chữ ký)

Mẫu số 02: Chứng chỉ chuyên môn

CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN TRAINING ORGANIZATION -----	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM Independence - Freedom - Happiness -----
Biểu trưng của cơ sở đào tạo, huấn luyện Ảnh màu (Color photo) 3 x 4 cm	CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN PROFESSIONAL CERTIFICATE THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN HEAD OF TRAINING ORGANIZATION CHỨNG NHẬN CERTIFIES THAT
Ông/Bà (Mr/Ms): Ngày sinh (Date of birth): Nơi sinh (Place of birth): Đã hoàn thành khóa học Has successfully completed the course of: (Tên khóa học/Name of the course) Thời gian khóa học từ ngày (from): đến ngày (to): Tốt nghiệp loại (Grade):	
Số CCCM/Professional Certificate N ^o :	, day (ngày)... month (tháng)... year (năm)... THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN HEAD OF TRAINING ORGANIZATION (Ký tên, đóng dấu/Sign and Stamp)

Mẫu số 03: Mẫu báo cáo khi có sự thay đổi của cơ sở đào tạo

ĐƠN VỊ:

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO

Về việc thay đổi giáo viên/ cơ sở vật chất/ duy trì chất lượng đào tạo, huấn luyện của cơ sở đào tạo, huấn luyện...

Kính gửi: Cục Hàng không Việt Nam

Cơ sở đào tạo, huấn luyện..... báo cáo Cục Hàng không Việt Nam các nội dung thay đổi về giáo viên/ cơ sở vật chất/ duy trì chất lượng đào tạo, huấn luyện, cụ thể như sau:

1. Nội dung thay đổi:

.....

2. Báo cáo duy trì chất lượng đào tạo, huấn luyện

...

3. Tài liệu chứng minh bao gồm:

...

(Tài liệu chứng minh được đính kèm)

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...
- Lưu:...

....., ngày tháng năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 04: Mẫu thẻ nghiệp vụ nhân viên hàng không

Logo, ký hiệu tên doanh nghiệp	THẺ NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG Số thẻ: Họ và tên: Nguyễn Thiên A <u>Ngày sinh:</u> / /19... <u>Cơ quan công tác:</u> Công ty ABC <u>Đơn vị công:</u> <u>Phòng</u> ABC <u>Chức danh:</u> Nhân viên vận hành TTB - Cấp 3 Ngày cấp: ngày 09 tháng 08 năm 2026 TỔNG GIÁM ĐỐC Có giá trị đến: 09/08/2029 Nguyễn Văn A
---	--

NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN	
• Điều khiển xe nâng hàng • Điều khiển xe thang • Điều khiển xe hút vệ sinh • Điều khiển xe điều hòa không khí • Vận hành thang kéo đẩy tay • Vận hành thiết bị cấp điện cho tàu bay • Vận hành thiết bị điều hòa không khí • Vận hành băng chuyền kéo đẩy tay • Vận hành thiết bị cấp nước sạch	
QUY ĐỊNH SỬ DỤNG THẺ	
1. Chỉ thực hiện công việc trong phạm vi năng lực được cấp. 2. Phải mang theo thẻ trong suốt thời gian làm việc. 3. Xuất trình thẻ khi có yêu cầu. 4. Tuân thủ nghiêm các quy trình an toàn và quy định khai thác. 5. Báo mất thẻ ngay lập tức theo số:	

PHỤ LỤC II
DANH MỤC NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG
TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

STT	TÊN NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN
I	Nhân viên điều khiển phương tiện hoạt động tại sân bay

STT	TÊN NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN
1	Điều khiển xe/moóc băng chuyên
2	Điều khiển xe ô tô thông thường (xe tải, xe bán tải, xe chở khách tại sân bay từ 04 đến dưới 30 chỗ, xe cứu thương, xe dẫn tàu bay)
3	Điều khiển xe chở khách tại sân bay từ 30 chỗ trở lên
4	Điều khiển xe suất ăn
5	Điều khiển xe cấp nước sạch cho tàu bay
6	Điều khiển xe chữa cháy
7	Điều khiển xe đầu kéo
8	Điều khiển xe kéo đẩy tàu bay dùng cần kéo đẩy
9	Điều khiển xe kéo đẩy tàu bay không dùng cần kéo đẩy
10	Điều khiển xe nâng hàng
11	Điều khiển xe xúc nâng
12	Điều khiển xe phục vụ hành khách hạn chế khả năng di chuyển
13	Điều khiển xe/moóc phun sơn
14	Điều khiển xe thang
15	Điều khiển xe trung chuyển thùng hàng
16	Điều khiển xe hút vệ sinh cho tàu bay
17	Điều khiển xe tra nạp nhiên liệu cho các phương tiện hoạt động tại sân bay
18	Điều khiển xe tra nạp nhiên liệu cho tàu bay
19	Điều khiển xe truyền tiếp nhiên liệu cho tàu bay
20	Điều khiển xe cần cẩu
21	Điều khiển xe cắt cỏ
22	Điều khiển xe tẩy vệt cao su và vệt sơn
23	Điều khiển xe/moóc nâng phục vụ kỹ thuật tàu bay
24	Điều khiển xe nâng vật tư, hàng hóa rời
25	Điều khiển xe vệ sinh sân đường, sân bay (xe ép rác, xe quét đường, xe hút bùn, xe rửa đường, xe phun nước)
26	Điều khiển máy xúc đào
27	Điều khiển phương tiện phục vụ khai thác sân bay (Xe trám khe mastic, xe đo ma sát)
28	Điều khiển các loại cầu và thiết bị nâng
29	Điều khiển xe nâng tự hành, thang nâng người
30	Điều khiển xe bán tải kéo rơ moóc
31	Điều khiển xe cấp điện cho tàu bay
32	Điều khiển xe cấp khí khởi động tàu bay
33	Điều khiển xe điều hòa không khí cho tàu bay
II	Nhân viên vận hành thiết bị hoạt động tại sân bay
1	Vận hành thiết bị thùng nâng xe suất ăn

STT	TÊN NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN
2	Vận hành thang kéo đẩy tay
3	Vận hành cầu hành khách
4	Vận hành thiết bị cấp điện cho tàu bay
5	Vận hành thiết bị cấp khí khởi động tàu bay
6	Vận hành thiết bị tra nạp nhiên liệu cho tàu bay
7	Vận hành thiết bị thủy lực phục vụ công tác kỹ thuật tàu bay
8	Vận hành thiết bị điều hòa không khí cho tàu bay
9	Vận hành thiết bị chiếu sáng di động
10	Vận hành thiết bị cấp khí nén, khí ô xy, khí ni tơ
11	Vận hành băng chuyền kéo đẩy tay
12	Vận hành thiết bị cấp nước sạch
13	Vận hành thiết bị hút vệ sinh
14	Vận hành thiết bị nâng người
15	Điều khiển xe chở người 04 bánh có gắn động cơ (xe điện)
16	Vận hành thiết bị truyền tiếp nhiên liệu cho tàu bay
III	Nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay
1	Nghiệp vụ thông thoại
2	Nghiệp vụ phục vụ hành khách chuyến bay đến
3	Nghiệp vụ phục vụ hành khách ra tàu bay
4	Nghiệp vụ làm thủ tục hành khách quốc nội
5	Nghiệp vụ làm thủ tục hành khách quốc tế
6	Nghiệp vụ phục vụ hành lý
7	Nghiệp vụ phục vụ hành lý bất thường
8	Nghiệp vụ cân bằng trọng tải
9	Nghiệp vụ quản lý, khai thác thùng/mâm
10	Nghiệp vụ hướng dẫn chất xếp tại tàu bay
11	Nghiệp vụ chất xếp tại tàu bay
12	Nghiệp vụ tiếp nhận và vận chuyển hàng hóa ra tàu bay
13	Nghiệp vụ vệ sinh bên trong tàu bay
14	Nghiệp vụ điều phối chuyến bay
15	Nghiệp vụ thủ tục và tài liệu hàng nhập
16	Nghiệp vụ kiểm đếm hàng nhập
17	Nghiệp vụ trả hàng nhập
18	Nghiệp vụ thủ tục, tài liệu hàng xuất
19	Nghiệp vụ chấp nhận hàng
20	Nghiệp vụ xuất hàng
21	Nghiệp vụ chất xếp hàng hóa
22	Nghiệp vụ giao nhận hàng hóa, tài liệu

STT	TÊN NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN
23	Nghiệp vụ hướng dẫn và giám sát chất xếp hàng hóa trong nhà ga
24	Nghiệp vụ phục vụ hàng hóa đặc biệt
25	Nghiệp vụ giám sát phục vụ hàng hóa
IV	Nhân viên cứu nạn, chữa cháy tại cảng hàng không
1	Nghiệp vụ cứu nạn chữa cháy tại cảng hàng không

PHỤ LỤC III

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN
HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

PHẦN I

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN BAN ĐẦU

CHƯƠNG I. KIẾN THỨC CHUNG VỀ HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

Môn học, thời lượng

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện	Kiểm tra
			Lý thuyết	Lý thuyết
1	Khái quát chung về hàng không dân dụng	09	08	01
1.1	Lịch sử và sự phát triển của ngành hàng không dân dụng thế giới và Việt Nam			
1.2	Giới thiệu tổ chức về hàng không dân dụng: - Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế (ICAO); - Hiệp hội Vận tải Hàng không Quốc tế (IATA); - Các liên minh hàng không; - Tổ chức ngành Hàng không dân dụng Việt Nam; chức năng, nhiệm vụ chính của các cơ quan, đơn vị trong ngành Hàng không dân dụng Việt Nam. - Hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về Hàng không dân dụng Việt Nam (Chính phủ, Bộ Xây dựng, các Bộ, ngành liên quan, Cục Hàng không Việt Nam, các Cảng vụ hàng không); chức năng, nhiệm vụ chính và mối quan hệ trong hoạt động khai thác tại cảng hàng không; - Các nội dung khác: + Địa lý hàng không; + Giới thiệu tổng quan về ISO, IOSA, ISAGO.			
2	Pháp luật về hàng không dân dụng	09	08	01
	- Giới thiệu các công ước và Điều ước quốc tế về hàng không; - Thương quyền và hệ thống điều ước đa phương về hàng không dân dụng; - Một số Hiệp định tiêu biểu về vận tải hàng không giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ. - Luật hàng không dân dụng Việt Nam, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về hàng không dân dụng; - Giới thiệu các văn bản quy phạm pháp luật liên quan trực tiếp đến nhân viên làm việc tại cảng hàng không;			
3	An toàn hàng không	25	24	01
3.1	- Hệ thống quản lý an toàn và văn hóa an toàn	08	08	

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện	Kiểm tra
			Lý thuyết	Lý thuyết
	hàng không: + Khái quát chung về an toàn hàng không; + Hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn hàng không dân dụng; + Giới thiệu về chương trình an toàn quốc gia; + Hệ thống quản lý an toàn hàng không (SMS); + Các quy định về an toàn khai thác và cung cấp dịch vụ tại cảng hàng không; + Công tác phòng ngừa sự cố, tai nạn tàu bay; + Yếu tố con người đối với an toàn hàng không nói chung và an toàn trong khai thác, cung cấp dịch vụ hàng không tại cảng hàng không; + Văn hóa an toàn giao thông hàng không.			
3.2	- An toàn sân đỗ: + Khái quát chung về an toàn sân đỗ (khái niệm, mục đích, yêu cầu, nội dung an toàn sân đỗ); + Các hoạt động trên sân đỗ (quản lý, khai thác, kỹ thuật, dịch vụ, an ninh ...) và các trang thiết bị, phương tiện, người, tàu bay hoạt động trên sân đỗ; + Quy định về an toàn trong hoạt động khai thác trên sân đỗ; + Giới thiệu sơ đồ, tín hiệu sân đỗ (sơ đồ, ký hiệu, biển báo, tín hiệu); + Các yếu tố có nguy cơ gây mất an toàn trên sân đỗ; những nguyên tắc cơ bản đảm bảo an toàn trên sân đỗ; + Tai nạn, sự cố tại sân đỗ; + Quy định về thông tin, liên lạc tại sân bay; + Các quy định an toàn khác liên quan.	16	16	
4	Công tác khẩn nguy tại cảng hàng không	05	04	01
	- Công tác khẩn nguy tại cảng hàng không (các quy chế, chương trình, phương án khẩn nguy tại cảng hàng không); - Quy trình xử lý khẩn nguy sân bay.			

CHƯƠNG II. NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Mục 1. Nhân viên điều khiển phương tiện hoạt động tại sân bay và nhân viên vận hành thiết bị hoạt động tại sân bay

1. Yêu cầu về nội dung đào tạo, huấn luyện (áp dụng sau khi có chứng nhận hoàn thành “Kiến thức chung về hàng không dân dụng”)

1.1. Nội dung đào tạo, huấn luyện kiến thức chung về phương tiện, thiết bị chuyên ngành hàng không gồm:

- Tổng quát về hoạt động khai thác phương tiện hoạt động tại sân bay;
- Giới thiệu chung về cảng hàng không, sân đỗ tàu bay và các dịch vụ phục vụ chuyến bay;
- Giới thiệu các thiết bị hàng không phương tiện hoạt động tại sân bay và các tiêu chuẩn kỹ thuật hoạt động của phương tiện, thiết bị;
- Thông số của tàu bay liên quan đến khai thác dịch vụ mặt đất;

1.2. Nội dung đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn gồm:

- Lý thuyết (kiến thức về phương tiện/thiết bị):
 - + Cấu tạo, bảng điều khiển, đặc tính kỹ thuật của phương tiện/thiết bị;
 - + Thao tác điều khiển và vận hành (đối với phương tiện);
 - + Thao tác vận hành (đối với thiết bị);
 - + Thao tác kiểm tra;
 - + Thao tác xử lý khẩn cấp trong quá trình phục vụ;
 - + Yêu cầu về an toàn trong quá trình điều khiển phương tiện và vận hành thiết bị;
 - + Kiến thức cơ bản về xăng dầu và nhiên liệu hàng không (áp dụng đối với nghiệp vụ vận hành thiết bị tra nạp nhiên liệu cho tàu bay);
 - + Các quy định an toàn khi sử dụng thiết bị có áp suất cao; Quy trình sản xuất Ôxy, Nito (áp dụng đối với nghiệp vụ vận hành thiết bị cấp khí nén, khí ôxy, khí Nito).
- Thực hành: Điều khiển và vận hành phương tiện theo quy trình.

2. Môn học, thời lượng:

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
I	Kiến thức chung về phương tiện, thiết bị chuyên ngành hàng không	13	12		01	

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
II	Nghệp vụ chuyên môn (<i>áp dụng sau khi có chứng nhận hoàn thành “Kiến thức chung về phương tiện, thiết bị chuyên ngành hàng không”</i>)					
1	Điều khiển xe/mooc băng chuyền	34	16	16	01	01
2	Điều khiển xe ô tô thông thường (<i>xe tải, xe bán tải, xe chở khách tại sân bay từ 4 đến dưới 30 chỗ, xe cứu thương, xe dẫn tàu bay</i>)	18	08	08	01	01
3	Điều khiển xe chở khách tại sân bay từ 30 chỗ trở lên	18	08	08	01	01
4	Điều khiển xe suất ăn	50	16	32	01	01
5	Điều khiển xe cấp nước sạch cho tàu bay	22	08	12	01	01
6	Điều khiển xe chữa cháy	66	32	32	01	01
6.1	Nghệp vụ phòng cháy chữa cháy	40	24	16		
	- Kiến thức về phòng cháy chữa cháy; - Chiến thuật chữa cháy; - Chất cháy và phương tiện chữa cháy tại chỗ.		24			
	Hướng dẫn công việc phòng cháy chữa cháy			16		
6.2	Nghệp vụ điều khiển xe chữa cháy (<i>áp dụng cho từng loại xe chữa cháy</i>)	24	08	16		
7	Điều khiển xe đầu kéo	70	12	56	01	01
8	Điều khiển xe kéo đẩy tàu bay dùng cần kéo đẩy	130	16	112	01	01
9	Điều khiển xe kéo đẩy tàu bay không dùng cần kéo đẩy	130	16	112	01	01
10	Điều khiển xe nâng hàng	74	16	56	01	01
11	Điều khiển xe xúc nâng	26	8	16	01	01
12	Điều khiển xe phục vụ hành khách hạn chế khả năng di chuyển	50	16	32	01	01
13	Điều khiển xe/mooc phun sơn	38	12	24	01	01
14	Điều khiển xe thang	58	16	40	01	01
15	Điều khiển xe trung chuyển thùng hàng	22	04	16	01	01
16	Điều khiển xe hút vệ sinh cho tàu bay	22	08	12	01	01
17	Điều khiển xe tra nạp nhiên liệu cho các phương tiện hoạt động tại sân bay	26	08	16	01	01

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
18	Điều khiển xe tra nạp nhiên liệu cho tàu bay	60	24	34	01	01
19	Điều khiển xe truyền tiếp nhiên liệu cho tàu bay	42	16	24	01	01
20	Điều khiển xe cần cẩu	52	16	34	01	01
21	Điều khiển xe cắt cỏ	34	12	20	01	01
22	Điều khiển xe tẩy vệt cao su và vệt sơn	38	12	24	01	01
23	Điều khiển xe/mooc nâng phục vụ kỹ thuật tàu bay	52	17	33	01	01
24	Điều khiển xe nâng vật tư, hàng hóa rời	50	16	32	01	01
25	Điều khiển xe vệ sinh sân đường, sân bay (<i>xe ép rác, xe quét đường, xe hút bùn, xe rửa đường, xe phun nước</i>)	38	12	24	01	01
26	Điều khiển máy xúc đào	34	08	24	01	01
27	Điều khiển phương tiện phục vụ khai thác sân bay (<i>xe trám khe Mastic, xe đo ma sát</i>)	18	08	08	01	01
28	Điều khiển các loại cầu và thiết bị nâng	42	16	24	01	01
29	Điều khiển xe nâng tự hành, thang nâng người	34	08	24	01	01
30	Điều khiển xe bán tải kéo rơ mooc	18	08	08	01	01
31	Điều khiển xe cấp điện cho tàu bay	34	16	16	01	01
32	Điều khiển xe cấp khí khởi động tàu bay	34	16	16	01	01
33	Điều khiển xe điều hòa không khí cho tàu bay	34	16	16	01	01
34	Vận hành thiết bị thùng nâng xe suất ăn	26	8	16	01	01
35	Vận hành thang kéo đẩy tay	26	08	16	01	01
36	Vận hành cầu hành khách	118	68	48	01	01
37	Vận hành thiết bị cấp điện cho tàu bay	18	8	8	01	01
38	Vận hành thiết bị cấp khí khởi động tàu bay	18	8	8	01	01
39	Vận hành thiết bị tra nạp nhiên liệu cho tàu bay	70	34	34	01	01
40	Vận hành thiết bị thủy lực phục vụ công tác kỹ thuật tàu bay	58	17	39	01	01

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
41	Vận hành thiết bị điều hòa không khí cho tàu bay	18	8	8	01	01
42	Vận hành thiết bị chiếu sáng di động	26	06	18	01	01
43	Vận hành thiết bị cấp khí nén, khí ôxy, khí Nitơ	53	16	35	01	01
44	Vận hành băng chuyền kéo đẩy tay	26	08	16	01	01
45	Vận hành thiết bị cấp nước sạch cho tàu bay	12	4	6	01	01
46	Vận hành thiết bị hút vệ sinh cho tàu bay	12	4	6	01	01
47	Vận hành thiết bị nâng người	34	08	24	01	01
48	Điều khiển xe chở người 4 bánh có gắn động cơ	18	08	08	01	01
49	Vận hành thiết bị truyền tiếp nhiên liệu cho tàu bay	70	34	34	01	01

Mục 2. Nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay

1. Yêu cầu về nội dung đào tạo, huấn luyện (áp dụng sau khi có chứng nhận hoàn thành “Kiến thức chung về hàng không dân dụng”)

1.1. Kiến thức về hàng hoá cơ bản (áp dụng cho học viên được đào tạo, huấn luyện các nghiệp vụ mục 12 và từ mục 15 đến mục 25)

- Khái niệm và các thuật ngữ cơ bản;
- Tổ chức và các quy định của pháp luật áp dụng trong vận chuyển hàng hóa hàng không;
- Tự động hóa trong ngành Hàng không;
- Các loại phí;
- Hướng dẫn cách thức sử dụng và tra cứu TACT;
- Địa lý hàng không;
- Lịch bay;
- Tàu bay và thiết bị chát xếp tàu bay;
- Phương tiện, thiết bị phục vụ mặt đất;

- Chấp nhận hàng;
- Vận đơn hàng không.

2. Trường hợp cơ sở đào tạo, huấn luyện ban hành tài liệu đào tạo, huấn luyện cho các nghiệp vụ chuyên môn mà trong đó có môn học giống nhau về nội dung, thời lượng thì cơ sở đào tạo, huấn luyện được miễn cho học viên đã hoàn thành việc đào tạo môn học tại chính cơ sở đào tạo, huấn luyện đó.

2. Môn học, thời lượng

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
I	Kiến thức về hàng hoá cơ bản	25	24		01	
II	Nghệ vụ chuyên môn					
1	Nghệ vụ thông thạo (<i>áp dụng đối với nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyển bay</i>)	30	12	16	01	01
	- Khái quát công tác kéo đẩy tàu bay; - Một số hình thức thông thạo; - Quy trình thực hiện và phối hợp; - Các lưu ý về an toàn; - Tiếng Anh chuyên ngành.		12			
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			16		
2	Nghệ vụ phục vụ hành khách chuyển bay đến	94	52	40	01	01
	- Quy định phục vụ hành khách; - Quy định phục vụ hành lý; - Quy trình, hướng dẫn công việc; - Tiếng Anh chuyên ngành; - Kỹ năng chăm sóc khách hàng.		52			
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			40		
3	Nghệ vụ phục vụ hành khách ra tàu bay	106	56	48	01	01
	- Quy định Phục vụ hành khách; - Quy định Phục vụ hành lý; - Vé hành khách; - Giấy tờ du lịch; - Hệ thống kiểm soát khách tại cửa ra tàu bay; - Quy trình, hướng dẫn công việc; - Tiếng Anh chuyên ngành; - Kỹ năng chăm sóc khách hàng.		56			
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			48		
4	Nghệ vụ làm thủ tục hành khách quốc nội	180	98	80	01	01

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
	- Quy định Phục vụ hành khách; - Quy định Phục vụ hành lý; - Vé hành khách và chứng từ thanh toán; - Giấy tờ du lịch; - Hệ thống làm thủ tục; - Hướng dẫn làm thủ tục manual checkin; - Quy định vận chuyển động vật sống; - Quy trình, hướng dẫn công việc; - Tiếng Anh chuyên ngành; - Kỹ năng chăm sóc khách hàng.		98			
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			80		
5	Nghiệp vụ làm thủ tục hành khách quốc tế	198	116	80	01	01
	- Quy định Phục vụ hành khách; - Quy định Phục vụ hành lý; - Vé hành khách và chứng từ thanh toán; - Giấy tờ du lịch; - Hệ thống làm thủ tục; - Hướng dẫn làm thủ tục manual checkin; - Quy trình, hướng dẫn công việc; - Quy định vận chuyển động vật sống; - Tiếng Anh chuyên ngành; - Kỹ năng chăm sóc khách hàng.		116			
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			50		
6	Nghiệp vụ phục vụ hành lý	50	24	24	01	01
	- Hành lý, hàng hóa, bưu gửi: + Khái niệm về hành lý, hàng hóa, bưu gửi + Các loại thẻ hành lý, hàng hóa và cách sử dụng; + Các loại hành lý đặc biệt hạn chế chuyên chở, hành lý ưu tiên; - Kiến thức Cân bằng trọng tải và Hướng dẫn chất xếp; - Quy trình, hướng dẫn công việc.		24			
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			24		
7	Nghiệp vụ phục vụ hành lý bất thường <i>(áp dụng cho học viên đã học một trong các nghiệp vụ phục vụ hành khách chuyến bay đến, nghiệp vụ phục vụ hành khách ra tàu bay, nghiệp vụ làm thủ tục hành khách quốc nội, nghiệp vụ làm thủ</i>	90	48	40	01	01

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
	<i>tục hành khách quốc tế)</i>					
	- Hệ thống tìm kiếm hành lý thất lạc; - Phục vụ hành lý bất thường.		48			
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			40		
8	Nghiệp vụ cân bằng trọng tải (áp dụng cho từng loại tàu bay)	126	84	40	01	01
	- Hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi: + Khái niệm về hành lý, hàng hóa, bưu gửi + Các loại thẻ hành lý, hàng hóa và cách sử dụng; + Các loại hành lý đặc biệt hạn chế chuyên chở, hành lý ưu tiên + Quy định phục vụ hành khách, hành lý - Tiếng Anh chuyên ngành; - Cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp cơ bản: + Nguyên lý bay, nguyên lý cân bằng của tàu bay; + Các định nghĩa trọng lượng của tàu bay; + Cách tính tải thương mại chuyển bay; + Vị trí trên máy bay, khai thác thiết bị chất tải; + Các giới hạn chịu tải; + Các giới hạn khi chất xếp hàng lên máy bay; + Sự không chế dịch chuyển hàng; + Chất xếp các loại tải đặc biệt lên máy bay; + Các loại điện văn; + Các mã thường sử dụng trong điện văn; + Tài liệu chuyển bay; + Cách đọc bảng tải; + Hướng dẫn sử dụng gửi điện văn; + Hướng dẫn sử dụng biểu mẫu thông báo dầu. - Hệ thống kiểm soát tải của Hãng hàng không (nếu có); - Phần mềm ứng dụng - Cân bằng trọng tải theo loại tàu bay: + Các thông số kỹ thuật của tàu bay		84			

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
	+ Cấu hình các vị trí trên cabin + Cấu hình các vị trí chất xếp trên hầm hàng + Giới hạn chất xếp + Kích thước kiện hàng tối đa + Giới hạn chất xếp khi thiết bị chất xếp bị hỏng, mất + Yêu cầu về chằng buộc tải trên tàu bay + Điện văn, tài liệu (Loadsheets, trimsheet, L.I.R, ...), hồ sơ chuyến bay					
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			40		
9	Nghiệp vụ quản lý, khai thác thùng/mâm	90	44	44	01	01
	- Khai thác thùng/mâm: + Thu thập, thống kê, xử lý thông tin; + Kiểm tra ULD; + Phân loại ULD; + Lưu hồ sơ. - Quản lý thùng/mâm: + Sử dụng hệ thống quản lý ULD; + Kiểm soát các thiết bị chất tải; + Kiểm tra số lượng ULD tại các sân bay đến và đi; + Thống kê tình trạng ULD. - Quy trình, hướng dẫn công việc: + Hướng dẫn sử dụng hệ thống điện văn thông tin hàng không quốc tế; + Sử dụng hệ thống quản lý ULD trên hệ thống điện văn thông tin hàng không quốc tế.		44			
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			44		
10	Nghiệp vụ hướng dẫn chất xếp tại tàu bay (áp dụng cho từng loại tàu bay)	114	72	40	01	01
	- Tiếng Anh chuyên ngành; - Hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi: + Khái niệm về hành lý, hàng hóa, bưu gửi + Các loại thẻ hành lý, hàng hóa và cách sử dụng; + Các loại hành lý đặc biệt hạn chế chuyên chở, hành lý ưu tiên + Quy định phục vụ hành khách, hành lý		72			

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
	- Cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp cơ bản: + Nguyên lý bay, nguyên lý cân bằng; + Sơ đồ nguyên tắc tính tải; + Các định nghĩa trọng lượng máy bay; + Cách tính tải thương mại chuyển bay; + Vị trí trên máy bay, khai thác thiết bị chất tải; + Các giới hạn chịu tải; + Các giới hạn khi chất xếp hàng lên máy bay; + Sự không chế dịch chuyển hàng; + Chất xếp các loại tải đặc biệt lên máy bay; + Các loại điện văn; + Các mã thường sử dụng trong điện văn; + Tài liệu chuyển bay; + Cách đọc bảng tải; + Hướng dẫn sử dụng gửi điện văn; + Hướng dẫn sử dụng biểu mẫu thông báo dầu. - Quy trình, hướng dẫn công việc; - Phần mềm ứng dụng - Hướng dẫn chất xếp theo loại tàu bay + Các thông số kỹ thuật của tàu bay; + Thiết bị chất tải; + Vận hành cửa khoang hành khách và hầm hàng; + Hệ thống chất xếp tải; + Cấu hình chất xếp; + Giới hạn chất xếp.					
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			40		
11	Nghiệp vụ chất xếp tại tàu bay	74	40	32	01	01
	- Hành lý, hàng hóa, bưu gửi: + Khái niệm về hành lý, hàng hóa, bưu gửi; + Các loại thẻ hành lý, hàng hóa và cách sử dụng; + Các loại hành lý đặc biệt hạn chế chuyên chở, hành lý ưu tiên. - Kiến thức cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp: + Nguyên tắc chất xếp các loại hàng đặc		40			

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
	biệt; + Các loại điện văn; + Giới thiệu các loại hầm hàng: vị trí cửa hầm hàng, vị trí chất xếp, các loại khóa chốt; + Hướng dẫn đọc LIR; + Khoang chất xếp, lưới ngăn hàng; - Đóng mở cửa hầm hàng; - Hướng dẫn sử dụng bảng điều khiển chất xếp (<i>dành riêng cho nhân viên làm việc trên hầm hàng hoặc nhân viên điều khiển xe nâng hàng</i>); - Quy trình hướng dẫn công việc					
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			32		
12	Nghiệp vụ tiếp nhận và vận chuyển hàng hóa ra tàu bay	74	56	16	01	01
	- Quy trình, hướng dẫn khai thác hàng hóa; + Hàng hóa đủ điều kiện tiếp nhận vận chuyển; + Xuất hàng; + Hướng dẫn và giám sát chất xếp hàng hóa; + Tài liệu, thủ tục hàng hóa; + Lưu giữ hàng hóa trước và sau chuyển bay; + Quy trình giao nhận tài liệu và hàng hóa. - An toàn trong công tác hàng hóa; - Hướng dẫn sử dụng hệ thống hàng hóa	72	56			
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			16		
13	Nghiệp vụ vệ sinh bên trong tàu bay	50	16	32	01	01
	- Kiến thức về vệ sinh bên trong tàu bay; + Giới thiệu về công việc; + Sơ đồ các vị trí làm việc bên trong tàu bay; + Sử dụng các hóa chất tẩy rửa; + Yêu cầu về an toàn khi làm việc bên trong tàu bay. - Quy trình, hướng dẫn công việc.		16			
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			32		
14	Nghiệp vụ điều phối chuyến bay	90	64	24	01	01
	- Tiếng Anh chuyên ngành;		64			

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
	- Hành khách, hành lý, hàng hóa, bưu gửi; + Khái niệm về hành lý, hàng hóa, bưu gửi; + Các loại thẻ hành lý, hàng hóa và cách sử dụng; + Các loại hành lý đặc biệt hạn chế chuyên chở, hành lý ưu tiên; + Quy định phục vụ hành khách, hành lý. - Cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp cơ bản; - Hợp đồng phục vụ mặt đất và các thỏa thuận cung cấp dịch vụ mặt đất, dịch vụ trên không; - Kỹ năng kiểm soát, điều phối: + Giám sát sân đỗ; + Giám sát dịch vụ trên không; + Tiêu chuẩn phục vụ của các đơn vị; + Kiểm soát các dịch vụ không phù hợp.					
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			24		
15	Nghiệp vụ thủ tục và tài liệu hàng nhập	50	16	32	01	01
	- Quy trình, quy định thủ tục và tài liệu hàng nhập; - Xử lý điện đi, đến liên quan đến phục vụ hàng nhập; - Kế hoạch phục vụ hàng nhập; - Kế hoạch trả hàng nhập; - Quy trình tài liệu hàng nhập; - Thông báo hàng đến; - Quy trình làm tài liệu trả hàng; - Quy trình xử lý bất thường đối với hàng nhập		16			
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			32		
16	Nghiệp vụ kiểm đếm hàng nhập	42	16	24	01	01
	- Quy trình, quy định tổng quát kiểm đếm hàng nhập; - Kế hoạch phục vụ hàng nhập; - Kiểm đếm hàng đến; - Kiểm đếm hàng trong kho; - Quy trình xử lý bất thường đối với hàng nhập.		16			

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			24		
17	Nghiệp vụ trả hàng nhập	42	16	24	01	01
	- Quy trình, quy định trả hàng nhập; - Kế hoạch trả hàng; - Thủ tục trả hàng; - Quy trình xử lý bất thường đối với hàng nhập		16			
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			24		
18	Nghiệp vụ thủ tục, tài liệu hàng xuất	42	16	24	01	01
	- Quy trình, quy định thủ tục, tài liệu hàng xuất; - Xử lý điện đi, đến liên quan đến phục vụ hàng xuất; - Kế hoạch phục vụ hàng xuất; - Kế hoạch chất xếp hàng hóa /ULD; - Quy trình tài liệu hàng xuất; - Tài liệu vận chuyển với các hàng đặc biệt; - Thông báo tổ bay đối với các hàng hóa đặc biệt; - Quy trình xử lý bất thường đối với hàng xuất.		16			
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			24		
19	Nghiệp vụ chấp nhận hàng	42	16	24	01	01
	- Quy trình, quy định chấp nhận hàng; - Nguyên tắc chấp nhận hàng; - Hàng sẵn sàng vận chuyển; - Hướng dẫn gửi hàng của người gửi; - Trọng lượng tính cước; - Phí phục vụ hàng xuất; - Chấp nhận hàng đặc biệt.		16			
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			24		
20	Nghiệp vụ xuất hàng	42	16	24	01	01
	- Quy trình, quy định xuất hàng; - Kế hoạch chất xếp hàng xuất; - Tàu bay và giới hạn chất xếp tàu bay; - Thiết bị chất xếp tàu bay ULD; - Nguyên tắc chất xếp hàng hóa; - Quy định chất xếp đối với một số hàng đặc biệt; - Xử lý bất thường đối với hàng xuất.		16			
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			24		

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
21	Nghệp vụ chất xếp hàng hóa	42	16	24	01	01
	- Quy trình, quy định chất xếp hàng hóa; - Tàu bay và thiết bị, giới hạn chất xếp tàu bay; - Giới thiệu các thiết bị phục vụ mặt đất; - Không vận đơn và các loại thẻ/nhãn hàng hóa và cách sử dụng - Nguyên tắc chất xếp cơ bản; - Quy định chất xếp đối với một số hàng đặc biệt.		16			
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			24		
22	Nghệp vụ giao nhận hàng hóa, tài liệu	42	16	24	01	01
	- Quy trình, quy định giao nhận hàng hóa, tài liệu - Kế hoạch phục vụ hàng xuất, hàng nhập; - Xử lý bất thường trong giao nhận hàng hóa, tài liệu.		16			
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			24		
23	Nghệp vụ hướng dẫn và giám sát chất xếp hàng hóa trong nhà ga	42	16	24	01	01
	- Quy trình, quy định hướng dẫn và giám sát chất xếp hàng hóa trong nhà ga; - Tàu bay và giới hạn chất xếp tàu bay; - Thiết bị chất xếp tàu bay ULD; - Nguyên tắc chất xếp; - Tính dây chằng và ván kê trong chất xếp; - Quy định chất xếp đối với một số hàng đặc biệt; - Kế hoạch chất xếp hàng hóa; - Xử lý bất thường trong hướng dẫn và giám sát chất xếp hàng hóa.		16			
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			24		
24	Nghệp vụ phục vụ hàng hóa đặc biệt	17	16		01	
	- Quy trình chung phục vụ hàng hoá thông thường; - Quy trình chung phục vụ hàng hóa đặc biệt (hàng động vật sống, hàng ướt, hàng xác người, hàng giá trị cao, chất nổ, đạn, túi thư ngoại giao...) - Các quy định vận chuyển hàng hóa đặc		16			

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
	biệt của IATA - Các quy định chung của các quốc gia về vận chuyển hàng hóa đặc biệt.					
25	Nghiệp vụ giám sát phục vụ hàng hoá	82	56	24	01	01
	- Quy định chung phục vụ hàng hóa; - Hợp đồng phục vụ hàng hóa, phục vụ mặt đất; - Quy trình giám sát khai thác hàng hóa chuyển bay đi; - Quy trình giám sát khai thác hàng hóa chuyển bay đến; - Cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp cơ bản; - Quy trình giám sát khai thác hàng hóa đặc biệt. - Kỹ năng giám sát, đánh giá dịch vụ chuyển bay.		56			
	Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ			24		

Mục 3. Nhân viên cứu nạn, chữa cháy tại cảng hàng không (áp dụng sau khi có chứng nhận hoàn thành “Kiến thức chung về hàng không dân dụng”)

1. Môn học, thời lượng

Số TT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
I	Kiến thức chung về về công tác cứu nạn, chữa cháy	09	08		01	
1	Điều kiện, tiêu chuẩn, nhiệm vụ của nhân viên cứu nạn, chữa cháy					
2	Quy định, hướng dẫn công tác cứu nạn, chữa cháy của ICAO, Việt Nam					
3	Công tác tìm kiếm, cứu nạn					
4	Giới thiệu về sân bay, tàu bay					
II	Nghiệp vụ cứu nạn, chữa cháy tại Cảng hàng không	82	42	34	04	02
1	Nghiệp vụ cứu nạn, chữa cháy	36	34		02	

Số TT	Môn học	Thời lượng	Đào tạo, huấn luyện	Kiểm tra	
	tại Cảng hàng không				
1.1	Kiến thức An toàn		02		
1.1.1	<i>Các mối nguy liên quan đến cứu nạn và chữa cháy tàu bay</i>				
1.1.2	<i>Các mối nguy cho nhân viên liên quan đến tàu bay và hệ thống tàu bay</i>				
1.1.3	<i>Các tác động căng thẳng tiềm ẩn đối với nhân viên cứu nạn, cứu hỏa liên quan đến tình trạng thương vong hàng loạt</i>				
1.1.4	<i>Mục đích và giới hạn của quần áo bảo hộ cá nhân được sử dụng</i>				
1.1.5	<i>Quy trình kiểm tra và cách sử dụng quần áo bảo hộ cá nhân</i>				
1.1.6	<i>Cấu tạo, nguyên lý, quy trình kiểm tra và cách sử dụng thiết bị thở cá nhân (SCBA)</i>				
1.1.7	<i>Các kỹ thuật để bảo vệ khỏi các nguy cơ lây bệnh truyền nhiễm</i>				
1.1.8	<i>Biện pháp an toàn khi mang, mặc thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) khi vận hành thiết bị bằng điện và công cụ bằng tay</i>				
1.2	Hệ thống thông tin liên lạc khẩn nguy tại sân bay		01		
1.2.1	<i>Hệ thống thông tin liên lạc khẩn nguy tại sân bay, quy trình kiểm tra và cách sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc sẵn có ở sân bay</i>				
1.2.2	<i>Kiến thức về cách phát âm bảng chữ cái theo quy định của ICAO</i>				
1.2.3	<i>Các tần số và kênh liên lạc vô tuyến của các đơn vị phối hợp trong công tác khẩn nguy sân bay</i>				
1.2.4	<i>Quy trình xử lý khi có tình huống khẩn nguy tại sân bay</i>				
1.2.5	<i>Các phương pháp tại chỗ để thông tin liên lạc với thành viên tổ bay</i>				
1.2.6	<i>Báo cáo sơ bộ ban đầu khi một tàu bay bị tai nạn</i>				
1.3	Kiến thức về công cụ, thiết bị chữa cháy		02		
1.3.1	<i>Nguyên lý, cấu tạo, tính năng, tác dụng, vị trí lắp đặt, quy trình kiểm</i>				

Số TT	Môn học	Thời lượng	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
	<i>tra, bảo dưỡng và cách sử dụng công cụ và thiết bị cứu nạn chữa cháy</i>					
1.3.2	<i>Mục đích, vị trí lắp đặt, thông số kỹ thuật, quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và cách sử dụng hệ thống vòi chữa cháy</i>					
1.3.3	<i>Quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và vận hành các thiết bị đặt trên xe chữa cháy</i>					
1.3.4	<i>Vị trí, chủng loại, giới hạn, đặc điểm hoạt động của từng loại bình chữa cháy xách tay được trang bị trên xe chữa cháy</i>					
1.3.5	<i>Phương pháp sử dụng và tính năng của lăng vòi được trang bị trên xe chữa cháy</i>					
1.3.6	<i>Định mức về cấp cứu hỏa sân bay</i>					
1.4	Các chất chữa cháy, ứng dụng trong chữa cháy		01			
1.4.1	<i>Đặc tính của các chất chữa cháy, số lượng, kiểu loại chất chữa cháy được mang theo mỗi một xe chữa cháy, bao gồm cả những lợi thế và bất lợi khi sử dụng ở cảng hàng không</i>					
1.4.2	<i>Các chất chữa cháy được sử dụng bởi các tổ chức địa phương và tính tương thích của nó trong trường hợp cần sự trợ giúp chữa cháy tại CHKSB từ tổ chức địa phương</i>					
1.4.3	<i>Vị trí và số lượng của các chất chữa cháy được lưu trữ trong kho để cung cấp cho xe chữa cháy</i>					
1.4.4	<i>Các chất chữa cháy thích hợp để ngăn cản và dập tắt đối với các tình huống hỏa hoạn khác nhau</i>					
1.5	Kiến thức về hỗ trợ sơ tán trong các tình huống khẩn nguy tàu bay		02			
1.5.1	<i>Quy trình xử lý trong các tình huống khẩn nguy đối với tàu bay chở hành khách, tàu bay chở hàng và tàu bay hoạt động hàng không</i>					

Số TT	Môn học	Thời lượng	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
	<i>chung tại sân bay</i>					
1.5.2	<i>Các quy định để bảo vệ các điểm sơ tán</i>					
1.5.3	<i>Các vị trí quy định cắt, phá tàu bay từ bên ngoài để cứu nạn</i>					
1.5.4	<i>Các trang thiết bị, công cụ cần thiết để cắt phá, mở tàu bay từ bên ngoài</i>					
1.5.5	<i>Cách mở cửa ra vào và cửa thoát hiểm khẩn cấp từ bên ngoài và bên trong tàu bay</i>					
1.5.6	<i>Sơ đồ và cấu tạo của từng loại tàu bay</i>					
1.5.7	<i>Các mối nguy hiểm tiềm ẩn liên quan đến lối vào</i>					
1.5.8	<i>Các biện pháp được sử dụng để trợ giúp hành khách trong quá trình sơ tán khẩn cấp</i>					
1.6	Phương án, chiến thuật cứu nạn, chữa cháy		04			
1.6.1	<i>Quy trình thao tác tiêu chuẩn (SOP) cho các tình huống cháy khác nhau: a) Cháy tàu bay: - Cháy động cơ - Cháy bên trong - Cháy nhiên liệu b) Cháy công trình; c) Cháy khí nhiên liệu lỏng; và d) Cháy kho nhiên liệu lớn.</i>					
1.6.2	<i>Chiến thuật chữa cháy tàu bay và công trình cảng</i>					
1.6.3	<i>Thiết lập và duy trì đường dẫn cứu nạn, cứu hộ</i>					
1.6.4	<i>Phương pháp bảo vệ thân tàu bay không bị ngọn lửa bao trùm</i>					
1.6.5	<i>Phương pháp hướng dẫn thoát hiểm, bảo vệ hành khách</i>					
1.6.6	<i>Quy trình chữa cháy, kiểm soát và xử lý sự cố tràn nhiên liệu</i>					
1.6.7	<i>Cách để cố định các mảnh vỡ của tàu bay</i>					
1.6.8	<i>Quy trình thông gió, tản nhiệt</i>					
1.6.9	<i>Quy trình thao tác bên trong tàu bay</i>					

Số TT	Môn học	Thời lượng	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
1.6.10	<i>Quy trình tiếp cận tàu bay bằng thang mặt đất</i>					
1.7	Kiến thức về sử dụng thiết bị chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho tàu bay		02			
1.7.1	<i>Vận hành thiết bị thủy lực trên tàu bay (nếu có) và thiết bị được lắp trên xe chữa cháy</i>					
1.7.2	<i>Cách sử dụng máy cưa và các thiết bị khác để cứu nạn cứu hộ trên tàu bay.</i>					
1.7.3	<i>Việc cung cấp nước cho xe chữa cháy</i>					
1.8	Kiến thức về hàng hóa nguy hiểm		04			
1.8.1	<i>Kiến thức chung về hàng hóa nguy hiểm</i>					
1.8.2	<i>Thông tin về mối nguy liên quan đến hàng hóa nguy hiểm</i>					
1.8.3	<i>Nhận biết được mối nguy được chỉ ra trên nhãn theo quy định Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế (ICAO)</i>					
1.8.4	<i>Biết được giới hạn của hệ thống phân loại và ghi nhãn của ICAO</i>					
1.8.3	<i>Biết được các quy trình liên quan đến vận chuyển hóa chất và các loại vật liệu nguy hiểm</i>					
1.8.4	<i>Biết được các quy trình bao gồm cả việc đánh giá rủi ro và yêu cầu cứu hộ hoặc sơ tán khi có tình huống liên quan đến vật liệu nguy hiểm</i>					
1.8.5	<i>Phương pháp, biện pháp chữa cháy khi trên tàu bay có chở hàng hóa nguy hiểm bị tai nạn hoặc sự cố</i>					
1.9	Kiến thức về Kế hoạch khẩn nguy sân bay (AEP)		04			
1.9.1	<i>Các nội dung về khẩn nguy sân bay</i>					
1.9.2	<i>Giới thiệu các chủng loại tàu bay thường xuyên hoạt động tại sân bay</i>					
1.9.3	<i>Hệ thống chỉ huy khi sự cố xảy ra</i>					

Số TT	Môn học	Thời lượng	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
	<i>theo kế hoạch khẩn nguy sân bay (AEP)</i>					
1.9.4	<i>Quy trình triển khai thực hiện khi có sự cố/tai nạn tàu bay xảy ra</i>					
1.9.5	<i>Nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân trong kế hoạch khẩn nguy sân bay</i>					
1.10	Sử dụng các thiết bị bảo hộ và thiết bị thở		04			
1.10.1	<i>Sử dụng các thiết bị bảo hộ và thiết bị thở</i>					
1.10.2	<i>Chương trình huấn luyện nên có mô phỏng trong điều kiện môi trường áp suất lớn và làm việc trong bầu không khí đậm đặc khói để nhân viên ARFF làm quen</i>					
1.11	Kiến thức về sơ cấp cứu và xử lý cho người bị nạn trong giai đoạn ban đầu		08			
1.11.1	<i>Sơ cứu - bất tỉnh</i>					
1.11.2	<i>Sơ cứu - chảy máu</i>					
1.11.3	<i>Tổn thương phần mềm</i>					
1.11.4	<i>Tổn thương xương khớp</i>					
1.11.5	<i>Tổn thương cột sống</i>					
1.11.6	<i>Sơ cứu - bỏng</i>					
2	Huấn luyện thực tế	10	08		02	
2.1	Làm quen tại sân bay		04			
2.1.1	<i>Hệ thống đường cất hạ cánh và đường lăn</i>					
2.1.2	<i>Hệ thống đèn hiệu sân bay (đèn tiếp cận, đèn đường cất hạ cánh, đèn đường lăn, đèn tim, đèn cạnh và ngưỡng, v.v.)</i>					
2.1.3	<i>Hệ thống sơn tín hiệu trên đường CHC, đường lăn, sân đỗ tàu bay và hệ thống biển báo sân bay</i>					
2.1.4	<i>Giới hạn của các khu vực an toàn cuối đường CHC</i>					
2.1.5	<i>Các thiết bị hỗ trợ dẫn đường tàu bay tại sân bay và xác định các khu vực quan trọng của hệ thống thiết bị dẫn đường</i>					
2.1.6	<i>Các quy định về phương tiện di chuyển trong sân bay và thông tin liên lạc với đài kiểm soát không</i>					

Số TT	Môn học	Thời lượng	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
	<i>lưu khi đi vào và ra khỏi khu vực di chuyển</i>					
2.1.7	<i>Các quy trình để thông tin liên lạc với đài kiểm soát không lưu</i>					
2.1.8	<i>Các quy định về công tác an ninh sân bay</i>					
2.1.9	<i>Bản đồ lưới ô vuông sân bay, nhận dạng đặc điểm địa hình chính và các mối nguy tiềm ẩn trong cả khu vực di chuyển và khu vực khác</i>					
2.1.10	<i>Xác định hướng di chuyển của nhiên liệu trong trường hợp hệ thống phân phối nhiên liệu bị rò rỉ</i>					
2.1.11	<i>Hoạt động của hệ thống ngắt nhiên liệu khẩn cấp đối với hệ thống nhiên liệu và hệ thống máy bơm để ngăn chặn dòng nhiên liệu trong hệ thống</i>					
2.1.12	<i>Xác định và nắm chắc các khu vực, địa bàn có khả năng cao về nguy cơ cháy nổ trong sân bay</i>					
2.1.13	<i>Làm quen với khu vực di chuyển để lái xe chữa cháy có thể chứng tỏ khả năng:</i> - Chọn các tuyến đường tốt nhất đến bất kỳ điểm nào tại sân bay; - Chọn các tuyến thay thế cho bất kỳ điểm nào trên khu vực di chuyển khi các tuyến thông thường bị chặn; - Nhận ra các móc có thể được nhìn thấy không rõ ràng; - Sử dụng bản đồ lưới chi tiết như cách trợ giúp để ứng phó với sự cố tàu bay.					
2.2	Làm quen với tàu bay		04			
2.2.1	<i>Các loại tàu bay chở khách và hàng hóa hoạt động tại sân bay</i>					
2.2.2	<i>Hệ thống động cơ của các loại tàu bay khác nhau</i>					
2.2.3	<i>Vị trí cửa ra vào bình thường, cửa thoát hiểm khẩn cấp</i>					
2.2.4	<i>Các thao tác mở các cửa và khoang của tàu bay chở hành</i>					

Số TT	Môn học	Thời lượng	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
	<i>khách hoặc tàu bay chở hàng</i>					
2.2.5	<i>Xác định tối đa được số lượng hành khách và tổ bay cho một tàu bay nhất định</i>					
2.2.6	<i>Các loại nhiên liệu được sử dụng, vị trí và dung tích của các thùng nhiên liệu cho tàu bay</i>					
2.2.7	<i>Các hệ thống nhiên liệu, oxy, thủy lực, điện, bảo vệ cháy, chống đóng băng, bộ phận phụ trợ (APU), hệ thống phanh, bánh xe... đối với một tàu bay nhất định</i>					
2.2.8	<i>Xác định và định vị máy ghi dữ liệu chuyến bay và máy ghi âm buồng lái trong trường hợp tàu bay bị tai nạn</i>					
2.2.9	<i>Vị trí mở và vận hành cửa, khoang và cửa hầm đối với tàu bay chở hàng nhất định</i>					
2.2.10	<i>Quy trình tắt máy thông thường và khẩn cấp cho động cơ tàu bay và hệ thống cấp nguồn phụ trợ</i>					
2.2.11	<i>Vị trí các điểm phá vỡ trên tàu bay</i>					
3	Thực hành	36		34		02
3.1	Huấn luyện thể lực cho nhân viên cứu nạn, chữa cháy			06		
3.2	Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân			04		
3.3	Sử dụng phương tiện, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, chữa cháy			08		
3.4	Thực hành phương pháp cứu nạn, chữa cháy cho tàu bay (mô hình)			08		
3.5	Di chuyển, sơ cứu nạn nhân khi tàu bay bị tai nạn (mô hình)			08		

PHẦN II

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN ĐỊNH KỲ

CHƯƠNG I. KIẾN THỨC CHUNG VỀ HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

1. Môn học, thời lượng:

Số TT	Môn học,	Thời lượng tối thiểu (tiết)	Lý thuyết
1	Pháp luật về hàng không dân dụng	02	02
2	An toàn hàng không	04	04
3	Công tác khẩn nguy tại cảng hàng không	02	02
	Kiểm tra	01	01

CHƯƠNG II. NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Mục 1. Nhân viên điều khiển phương tiện hoạt động tại sân bay và nhân viên vận hành thiết bị hoạt động tại sân bay

1. Nội dung đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn gồm:

- Lý thuyết (kiến thức về phương tiện/thiết bị):

+ Ôn lại kiến thức về phương tiện/thiết bị và cập nhật kiến thức mới;

+ Nhắc lại và bổ sung kiến thức mới về Quy trình nghiệp vụ điều khiển phương tiện/vận hành thiết bị;

+ Nhắc lại và bổ sung quy định mới về an toàn trong quá trình điều khiển phương tiện/vận hành thiết bị.

+ Nhắc lại và bổ sung kiến thức về xăng dầu và nhiên liệu hàng không (áp dụng đối với nghiệp vụ vận hành thiết bị tra nạp nhiên liệu cho tàu bay);

+ Nhắc lại và bổ sung các quy định an toàn khi sử dụng thiết bị có áp suất cao (áp dụng đối với nghiệp vụ vận hành thiết bị cấp khí nén, khí ôxy, khí Nito).

- Thực hành: Điều khiển và vận hành phương tiện theo quy trình.

2. Môn học, thời lượng

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Trong đó		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
I	Nghiệp vụ chuyên môn					
1	Điều khiển xe/mooc băng chuyền	07	04	01	01	01
2	Điều khiển xe ô tô thông thường (Xe tải, xe bán tải, xe chở khách tại sân bay từ 4 đến dưới 30 chỗ, xe cứu thương, xe dẫn tàu bay)	07	04	01	01	01
3	Điều khiển xe chở khách tại sân bay từ 30 chỗ trở lên	07	04	01	01	01
4	Điều khiển xe suất ăn	07	04	01	01	01
5	Điều khiển xe cấp nước sạch cho tàu bay	07	04	01	01	01
6	Điều khiển xe chữa cháy (áp dụng cho 01 loại xe chữa cháy)	07	04	01	01	01

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Trong đó		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
7	Điều khiển xe đầu kéo	07	04	01	01	01
8	Điều khiển xe kéo đẩy tàu bay dùng cần kéo đẩy	07	04	01	01	01
9	Điều khiển xe kéo đẩy tàu bay không dùng cần kéo đẩy	07	04	01	01	01
10	Điều khiển xe nâng hàng	07	04	01	01	01
11	Điều khiển xe xúc nâng	07	04	01	01	01
12	Điều khiển xe phục vụ hành khách hạn chế khả năng di chuyển	07	04	01	01	01
13	Điều khiển xe/mooc phun sơn	07	04	01	01	01
14	Điều khiển xe thang	07	04	01	01	01
15	Điều khiển xe trung chuyển thùng hàng	07	04	01	01	01
16	Điều khiển xe hút vệ sinh cho tàu bay	07	04	01	01	01
17	Điều khiển xe tra nạp nhiên liệu cho các phương tiện hoạt động tại sân bay.	07	04	01	01	01
18	Điều khiển xe tra nạp nhiên liệu tàu bay	14	06	06	01	01
19	Điều khiển xe truyền tiếp nhiên liệu cho tàu bay	07	04	01	01	01
20	Điều khiển xe cần cầu	16	12	02	01	01
21	Điều khiển xe cắt cỏ	07	04	01	01	01
22	Điều khiển xe tẩy vệt cao su và vệt sơn	07	04	01	01	01
23	Điều khiển xe/mooc nâng phục vụ kỹ thuật tàu bay	07	04	01	01	01
24	Điều khiển xe nâng vật tư, hàng hóa rời	07	04	01	01	01
25	Điều khiển xe vệ sinh sân đường, sân bay (xe ép rác, xe quét đường, xe hút bùn, xe rửa đường, xe phun nước)	07	04	01	01	01
26	Điều khiển máy xúc đào	07	04	01	01	01
27	Điều khiển phương tiện phục vụ khai thác sân bay (Xe trám khe Mastic, xe đo ma sát)	07	04	01	01	01
28	Điều khiển các loại cầu và thiết bị nâng	07	04	01	01	01
29	Điều khiển xe nâng tự hành, thang nâng người	07	04	01	01	01
30	Điều khiển xe bán tải kéo rơ mooc	07	04	01	01	01
31	Điều khiển xe cấp điện cho tàu bay	07	04	01	01	01
32	Điều khiển xe cấp khí khởi động tàu bay	07	04	01	01	01
33	Điều khiển xe điều hòa không khí cho tàu bay	07	04	01	01	01
34	Vận hành thiết bị thùng nâng xe suất ăn	05	02	01	01	01
35	Vận hành thang kéo đẩy tay	07	04	01	01	01
36	Vận hành cầu hành khách	07	04	01	01	01
37	Vận hành thiết bị cấp điện cho tàu bay	05	02	01	01	01

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Trong đó		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
38	Vận hành thiết bị cấp khí khởi động tàu bay	05	02	01	01	01
39	Vận hành thiết bị tra nạp nhiên liệu cho tàu bay	14	06	06	01	01
40	Vận hành thiết bị thủy lực phục vụ công tác kỹ thuật tàu bay	16	12	02	01	01
41	Vận hành thiết bị điều hòa không khí cho tàu bay	05	02	01	01	01
42	Vận hành thiết bị chiếu sáng di động	07	04	01	01	01
43	Vận hành thiết bị cấp khí nén, khí ô xy, khí ni tơ	16	12	02	01	01
44	Vận hành băng chuyền kéo đẩy tay	07	04	01	01	01
45	Vận hành thiết bị cấp nước sạch cho tàu bay	05	02	01	01	01
46	Vận hành thiết bị hút vệ sinh cho tàu bay	05	02	01	01	01
47	Vận hành thiết bị nâng người	07	04	01	01	01
48	Điều khiển xe chở người 4 bánh có gắn động cơ	07	04	01	01	01
49	Vận hành thiết bị truyền tiếp nhiên liệu cho tàu bay	14	06	06	01	01

Mục 2. Nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay

1. Nội dung đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn gồm:

- Lý thuyết: Cập nhật, bổ sung các quy trình, tài liệu liên quan đến nghiệp vụ chuyên môn.

- Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ

2. Môn học, thời lượng

STT	Môn học	Thời lượng (giờ)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	Nghiệp vụ thông thạo (áp dụng đối với nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay)	04	03	01	01	01
2	Nghiệp vụ phục vụ hành khách chuyển bay đến	04	03	01	01	01
3	Nghiệp vụ phục vụ hành khách ra tàu bay	04	03	01	01	01
4	Nghiệp vụ làm thủ tục hành khách quốc nội	04	03	01	01	01
5	Nghiệp vụ làm thủ tục hành khách quốc tế	04	03	01	01	01

STT	Môn học	Thời lượng (giờ)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
6	Nghệp vụ phục vụ hành lý	04	03	01	01	01
7	Nghệp vụ phục vụ hành lý bất thường	04	03	01	01	01
8	Nghệp vụ cân bằng trọng tải (áp dụng cho từng loại tàu bay)	04	03	01	01	01
9	Nghệp vụ quản lý, khai thác thùng/mâm	04	03	01	01	01
10	Nghệp vụ hướng dẫn chất xếp tại tàu bay (áp dụng cho từng loại tàu bay)	04	03	01	01	01
11	Nghệp vụ chất xếp tại tàu bay	04	03	01	01	01
12	Nghệp vụ tiếp nhận và vận chuyển hàng hóa ra tàu bay	04	03	01	01	01
13	Nghệp vụ vệ sinh bên trong tàu bay	04	03	01	01	01
14	Nghệp vụ điều phối chuyến bay	04	03	01	01	01
15	Nghệp vụ thủ tục và tài liệu hàng nhập	08	07	01	01	01
16	Nghệp vụ kiểm đếm hàng nhập	08	07	01	01	01
17	Nghệp vụ trả hàng nhập	08	07	01	01	01
18	Nghệp vụ thủ tục, tài liệu hàng xuất	08	07	01	01	01
19	Nghệp vụ chấp nhận hàng	08	07	01	01	01
20	Nghệp vụ xuất hàng	08	07	01	01	01
21	Nghệp vụ chất xếp hàng hóa	08	07	01	01	01
22	Nghệp vụ giao nhận hàng hóa, tài liệu	08	07	01	01	01
23	Nghệp vụ hướng dẫn và giám sát chất xếp hàng hóa trong nhà ga	08	07	01	01	01
24	Nghệp vụ phục vụ hàng đặc biệt	08	08		01	01
25	Nghệp vụ giám sát phục vụ hàng hoá	08	07	01	01	01

Mục 3. Nhân viên cứu nạn, chữa cháy tại cảng hàng không

1. Môn học, thời lượng

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
I	Kiến thức chung về công tác cứu nạn, chữa cháy	05	04		01	

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1	Cập nhật quy định, hướng dẫn công tác cứu nạn, chữa cháy của ICAO, Việt Nam					
II	Nghịệp vụ cứu nạn, chữa cháy tại Cảng hàng không	25	08	14	02	01
1	Nghịệp vụ cứu nạn, chữa cháy tại Cảng hàng không	07	06		01	
1.1	Kiến thức An toàn					
1.1.1	<i>Các mối nguy liên quan đến cứu nạn và chữa cháy tàu bay</i>					
1.1.2	<i>Các mối nguy cho nhân viên liên quan đến tàu bay và hệ thống tàu bay</i>					
1.1.3	<i>Các tác động căng thẳng tiềm ẩn đối với nhân viên cứu nạn, cứu hỏa liên quan đến tình trạng thương vong hàng loạt</i>					
1.1.4	<i>Mục đích và giới hạn của quần áo bảo hộ cá nhân được sử dụng</i>					
1.1.5	<i>Quy trình kiểm tra và cách sử dụng quần áo bảo hộ cá nhân</i>					
1.1.6	<i>Cấu tạo, nguyên lý, quy trình kiểm tra và cách sử dụng thiết bị thở cá nhân (SCBA)</i>					
1.1.7	<i>Các kỹ thuật để bảo vệ khỏi các nguy cơ lây bệnh truyền nhiễm</i>					
1.1.8	<i>Biện pháp an toàn khi mang, mặc thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) khi vận hành thiết bị bằng điện và công cụ bằng tay</i>					
1.2	Hệ thống thông tin liên lạc khẩn nguy tại sân bay					
1.2.1	<i>Hệ thống thông tin liên lạc khẩn nguy tại sân bay, quy trình kiểm tra và cách sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc sẵn có ở sân bay</i>					
1.2.2	<i>Kiến thức về cách phát âm bảng chữ cái theo quy định của ICAO</i>					
1.2.3	<i>Các tần số và kênh liên lạc vô tuyến của các đơn vị phối hợp trong công tác khẩn nguy sân bay</i>					
1.2.4	<i>Quy trình xử lý khi có tình huống khẩn nguy tại sân bay</i>					

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1.2.5	<i>Các phương pháp tại chỗ để thông tin liên lạc với thành viên tổ bay</i>					
1.2.6	<i>Báo cáo sơ bộ ban đầu khi một tàu bay bị tai nạn</i>					
1.3	Kiến thức về công cụ, thiết bị chữa cháy					
1.3.1	<i>Nguyên lý, cấu tạo, tính năng, tác dụng, vị trí lắp đặt, quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và cách sử dụng công cụ và thiết bị cứu nạn chữa cháy</i>					
1.3.2	<i>Mục đích, vị trí lắp đặt, thông số kỹ thuật, quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và cách sử dụng hệ thống vòi chữa cháy</i>					
1.3.3	<i>Quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và vận hành các thiết bị đặt trên xe chữa cháy</i>					
1.3.4	<i>Vị trí, chủng loại, giới hạn, đặc điểm hoạt động của từng loại bình chữa cháy xách tay được trang bị trên xe chữa cháy</i>					
1.3.5	<i>Phương pháp sử dụng và tính năng của lăng vòi được trang bị trên xe chữa cháy</i>					
1.3.6	<i>Định mức về cấp cứu hỏa sân bay</i>					
1.4	Các chất chữa cháy, ứng dụng trong chữa cháy					
1.4.1	<i>Đặc tính của các chất chữa cháy, số lượng, kiểu loại chất chữa cháy được mang theo mỗi một xe chữa cháy, bao gồm cả những lợi thế và bất lợi khi sử dụng ở cảng hàng không</i>					
1.4.2	<i>Các chất chữa cháy được sử dụng bởi các tổ chức địa phương và tính tương thích của nó trong trường hợp cần sự trợ giúp chữa cháy tại CHKSĐ từ tổ chức địa phương</i>					
1.4.3	<i>Vị trí và số lượng của các chất chữa cháy được lưu trữ trong kho để cung cấp cho xe chữa cháy</i>					
1.4.4	<i>Các chất chữa cháy thích hợp để</i>					

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
	<i>ngăn cản và dập tắt đối với các tình huống hỏa hoạn khác nhau</i>					
1.5	Kiến thức về hỗ trợ sơ tán trong các tình huống khẩn nguy tàu bay					
<i>1.5.1</i>	<i>Quy trình xử lý trong các tình huống khẩn nguy đối với tàu bay chở hành khách, tàu bay chở hàng và tàu bay hoạt động hàng không chung tại sân bay</i>					
<i>1.5.2</i>	<i>Các quy định để bảo vệ các điểm sơ tán</i>					
<i>1.5.3</i>	<i>Các vị trí quy định cắt, phá tàu bay từ bên ngoài để cứu nạn</i>					
<i>1.5.4</i>	<i>Các trang thiết bị, công cụ cần thiết để cắt phá, mở tàu bay từ bên ngoài</i>					
<i>1.5.5</i>	<i>Cách mở cửa ra vào và cửa thoát hiểm khẩn cấp từ bên ngoài và bên trong tàu bay</i>					
<i>1.5.6</i>	<i>Sơ đồ và cấu tạo của từng loại tàu bay</i>					
<i>1.5.7</i>	<i>Các mối nguy hiểm tiềm ẩn liên quan đến lối vào</i>					
<i>1.5.8</i>	<i>Các biện pháp được sử dụng để trợ giúp hành khách trong quá trình sơ tán khẩn cấp</i>					
1.6	Phương án, chiến thuật cứu nạn, chữa cháy					
<i>1.6.1</i>	<i>Quy trình thao tác tiêu chuẩn (SOP) cho các tình huống cháy khác nhau: a) Cháy tàu bay: - Cháy động cơ - Cháy bên trong - Cháy nhiên liệu b) Cháy công trình; c) Cháy khí nhiên liệu lỏng; và d) Cháy kho nhiên liệu lớn.</i>					
<i>1.6.2</i>	<i>Chiến thuật chữa cháy tàu bay và công trình cảng</i>					
<i>1.6.3</i>	<i>Thiết lập và duy trì đường dẫn cứu nạn, cứu hộ</i>					

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1.6.4	Phương pháp bảo vệ thân tàu bay không bị ngọn lửa bao trùm					
1.6.5	Phương pháp hướng dẫn thoát hiểm, bảo vệ hành khách					
1.6.6	Quy trình chữa cháy, kiểm soát và xử lý sự cố tràn nhiên liệu					
1.6.7	Cách để cố định các mảnh vỡ của tàu bay					
1.6.8	Quy trình thông gió, tản nhiệt					
1.6.9	Quy trình thao tác bên trong tàu bay					
1.6.10	Quy trình tiếp cận tàu bay bằng thang mặt đất					
1.7	Kiến thức về sử dụng thiết bị chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho tàu bay					
1.7.1	Vận hành thiết bị thủy lực trên tàu bay (nếu có) và thiết bị được lắp trên xe chữa cháy					
1.7.2	Cách sử dụng máy cưa và các thiết bị khác để cứu nạn cứu hộ trên tàu bay.					
1.7.3	Việc cung cấp nước cho xe chữa cháy					
1.8	Kiến thức về hàng hóa nguy hiểm					
1.8.1	Kiến thức chung về hàng hóa nguy hiểm					
1.8.2	Thông tin về mối nguy liên quan đến hàng hóa nguy hiểm					
1.8.3	Nhận biết được mối nguy được chỉ ra trên nhãn theo quy định Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế (ICAO)					
1.8.4	Biết được giới hạn của hệ thống phân loại và ghi nhãn của ICAO					
1.8.3	Biết được các quy trình liên quan đến vận chuyển hóa chất và các loại vật liệu nguy hiểm					
1.8.4	Biết được các quy trình bao gồm cả việc đánh giá rủi ro và yêu cầu cứu hộ hoặc sơ tán khi có tình huống liên quan đến vật liệu nguy hiểm					
1.8.5	Phương pháp, biện pháp chữa cháy					

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
	<i>khi trên tàu bay có chở hàng hóa nguy hiểm bị tai nạn hoặc sự cố</i>					
1.9	Kiến thức về Kế hoạch khẩn nguy sân bay (AEP)					
<i>1.9.1</i>	<i>Các nội dung về khẩn nguy sân bay</i>					
<i>1.9.2</i>	<i>Giới thiệu các chủng loại tàu bay thường xuyên hoạt động tại sân bay</i>					
<i>1.9.3</i>	<i>Hệ thống chỉ huy khi sự cố xảy ra theo kế hoạch khẩn nguy sân bay (AEP)</i>					
<i>1.9.4</i>	<i>Quy trình triển khai thực hiện khi có sự cố/tai nạn tàu bay xảy ra</i>					
<i>1.9.5</i>	<i>Nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân trong kế hoạch khẩn nguy sân bay</i>					
1.10	Sử dụng các thiết bị bảo hộ và thiết bị thở					
<i>1.10.1</i>	<i>Sử dụng các thiết bị bảo hộ và thiết bị thở</i>					
<i>1.10.2</i>	<i>Chương trình huấn luyện nên có mô phỏng trong điều kiện môi trường áp suất lớn và làm việc trong bầu không khí đậm đặc khói để nhân viên ARFF làm quen</i>					
1.11	Kiến thức về sơ cấp cứu và xử lý cho người bị nạn trong giai đoạn ban đầu					
<i>1.11.1</i>	<i>Sơ cứu - bất tỉnh</i>					
<i>1.11.2</i>	<i>Sơ cứu - chảy máu</i>					
<i>1.11.3</i>	<i>Tổn thương phần mềm</i>					
<i>1.11.4</i>	<i>Tổn thương xương khớp</i>					
<i>1.11.5</i>	<i>Tổn thương cột sống</i>					
<i>1.11.6</i>	<i>Sơ cứu - bỏng</i>					
2	Huấn luyện thực tế	03	02		01	
2.1	Làm quen tại sân bay		01			
<i>2.1.1</i>	<i>Hệ thống đường cất hạ cánh và đường lăn</i>					
<i>2.1.2</i>	<i>Hệ thống đèn hiệu sân bay (đèn tiếp cận, đèn đường cất hạ cánh, đèn đường lăn, đèn tim, đèn cạnh và ngưỡng v.v.)</i>					
<i>2.1.3</i>	<i>Hệ thống sơn tín hiệu trên đường CHC, đường lăn, sân đỗ tàu bay và</i>					

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
	<i>hệ thống biển báo sân bay</i>					
2.1.4	<i>Giới hạn của các khu vực an toàn cuối đường CHC</i>					
2.1.5	<i>Các thiết bị hỗ trợ dẫn đường tàu bay tại sân bay và xác định các khu vực quan trọng của hệ thống thiết bị dẫn đường</i>					
2.1.6	<i>Các quy định về phương tiện di chuyển trong sân bay và thông tin liên lạc với đài kiểm soát không lưu khi đi vào và ra khỏi khu vực di chuyển</i>					
2.1.7	<i>Các quy trình để thông tin liên lạc với đài kiểm soát không lưu</i>					
2.1.8	<i>Các quy định về công tác an ninh sân bay</i>					
2.1.9	<i>Bản đồ lưới ô vuông sân bay, nhận dạng đặc điểm địa hình chính và các mối nguy tiềm ẩn trong cả khu vực di chuyển và khu vực khác</i>					
2.1.10	<i>Xác định hướng di chuyển của nhiên liệu trong trường hợp hệ thống phân phối nhiên liệu bị rò rỉ</i>					
2.1.11	<i>Hoạt động của hệ thống ngắt nhiên liệu khẩn cấp đối với hệ thống nhiên liệu và hệ thống máy bơm để ngăn chặn dòng nhiên liệu trong hệ thống</i>					
2.1.12	<i>Xác định và nắm chắc các khu vực, địa bàn có khả năng cao về nguy cơ cháy nổ trong sân bay</i>					
2.1.13	<i>Làm quen với khu vực di chuyển để lái xe chữa cháy có thể chứng tỏ khả năng:</i> - Chọn các tuyến đường tốt nhất đến bất kỳ điểm nào tại sân bay; - Chọn các tuyến thay thế cho bất kỳ điểm nào trên khu vực di chuyển khi các tuyến thông thường bị chặn; - Nhận ra các mốc có thể được nhìn thấy không rõ ràng; - Sử dụng bản đồ lưới chi tiết như					

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
	<i>cách trợ giúp để ứng phó với sự cố tàu bay.</i>					
2.2	Làm quen với tàu bay		01			
2.2.1	<i>Các loại tàu bay chở khách và hàng hóa hoạt động tại sân bay</i>					
2.2.2	<i>Hệ thống động cơ của các loại tàu bay khác nhau</i>					
2.2.3	<i>Vị trí cửa ra vào bình thường, cửa thoát hiểm khẩn cấp</i>					
2.2.4	<i>Các thao tác mở các cửa và khoang của tàu bay chở hành khách hoặc tàu bay chở hàng</i>					
2.2.5	<i>Xác định tối đa được số lượng hành khách và tổ bay cho một tàu bay nhất định</i>					
2.2.6	<i>Các loại nhiên liệu được sử dụng, vị trí và dung tích của các thùng nhiên liệu cho tàu bay</i>					
2.2.7	<i>Các hệ thống nhiên liệu, oxy, thủy lực, điện, bảo vệ cháy, chống đóng băng, bộ phận phụ trợ (APU), hệ thống phanh, bánh xe...đối với một tàu bay nhất định</i>					
2.2.8	<i>Xác định và định vị máy ghi dữ liệu chuyến bay và máy ghi âm buồng lái trong trường hợp tàu bay bị tai nạn</i>					
2.2.9	<i>Vị trí mở và vận hành cửa, khoang và cửa hầm đối với tàu bay chở hàng nhất định</i>					
2.2.10	<i>Quy trình tắt máy thông thường và khẩn cấp cho động cơ tàu bay và hệ thống cấp nguồn phụ trợ</i>					
2.2.11	<i>Vị trí các điểm phá vỡ trên tàu bay</i>					
3	Thực hành	15		14		01
3.1	Huấn luyện thể lực cho nhân viên cứu nạn, chữa cháy			02		
3.2	Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân			02		
3.3	Sử dụng phương tiện, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, chữa cháy			02		
3.4	Thực hành phương pháp cứu nạn, chữa cháy cho tàu bay (mô			04		

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
	hình)					
3.5	Di chuyển, sơ cứu nạn nhân khi tàu bay bị tai nạn (mô hình)			04		

PHẦN III

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN PHỤC HỒI

CHƯƠNG I. KIẾN THỨC CHUNG VỀ HÀNG KHÔNG DÂN DỤNG

Môn học, thời lượng

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Lý thuyết
1	Pháp luật về hàng không dân dụng	02	02
2	An toàn hàng không	04	04
3	Công tác khẩn nguy tại cảng hàng không	04	04
4	Kiểm tra	01	01

CHƯƠNG II. NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG

Mục 1. Nhân viên điều khiển phương tiện hoạt động tại sân bay và nhân viên vận hành thiết bị hoạt động tại sân bay

1. Yêu cầu về nội dung đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn gồm:

- Lý thuyết (kiến thức về phương tiện/thiết bị):

+ Ôn lại kiến thức về điều khiển phương tiện/vận hành thiết bị và cập nhật kiến thức mới;

+ Nhắc lại và bổ sung kiến thức mới về Quy trình nghiệp vụ điều khiển phương tiện/vận hành thiết bị;

+ Nhắc lại và bổ sung kiến thức về xăng dầu và nhiên liệu hàng không (áp dụng đối với nghiệp vụ vận hành thiết bị tra nạp nhiên liệu cho tàu bay);

+ Nhắc lại và bổ sung các quy định an toàn khi sử dụng thiết bị có áp suất cao (áp dụng đối với nghiệp vụ vận hành thiết bị cấp khí nén, khí ôxy, khí Nitơ).

- Thực hành: điều khiển phương tiện/vận hành thiết bị theo quy trình.

2. Môn học, thời lượng

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
I	Nghệ vụ chuyên môn					
1	Điều khiển xe/mooc băng chuyền	10	04	04	01	01
2	Điều khiển xe ô tô thông thường (<i>xe tải, xe bán tải, xe chở khách tại sân bay từ 4 đến dưới 30 chỗ; xe cứu thương; xe dẫn tàu bay</i>)	10	04	04	01	01
3	Điều khiển xe chở khách tại sân bay từ 30 chỗ trở lên	10	04	04	01	01
4	Điều khiển xe suất ăn	26	08	16	01	01
5	Điều khiển xe cấp nước sạch cho tàu bay	10	04	04	01	01
6	Điều khiển xe chữa cháy (<i>áp dụng cho từng loại xe chữa cháy</i>)	42	08	32	01	01
7	Điều khiển xe đầu kéo	26	08	16	01	01
8	Điều khiển xe kéo đẩy tàu bay dùng cần kéo đẩy	26	08	16	01	01
9	Điều khiển xe kéo đẩy tàu bay không dùng cần kéo đẩy	26	08	16	01	01
10	Điều khiển xe nâng hàng	26	08	16	01	01
11	Điều khiển xe xúc nâng	10	04	04	01	01
12	Điều khiển xe phục vụ hành khách hạn chế khả năng di chuyển	26	08	16	01	01
13	Điều khiển xe/mooc phun sơn	08	08	08	01	01
14	Điều khiển xe thang	26	08	16	01	01
15	Điều khiển xe trung chuyển thùng hàng	10	04	04	01	01
16	Điều khiển xe hút vệ sinh cho tàu bay	10	04	04	01	01
17	Điều khiển xe tra nạp nhiên liệu cho các phương tiện hoạt động tại sân bay	10	04	04	01	01
18	Điều khiển xe tra nạp nhiên liệu cho tàu bay	18	10	06	01	01
19	Điều khiển xe truyền tiếp nhiên liệu cho tàu bay	20	12	06	01	01
20	Điều khiển xe cần cẩu	30	12	16	01	01
21	Điều khiển xe cắt cỏ	18	08	08	01	01
22	Điều khiển xe tẩy vết cao su và vết sơn	18	08	08	01	01
23	Điều khiển xe/mooc nâng phục vụ kỹ thuật tàu bay	30	12	16	01	01

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
24	Điều khiển xe nâng vật tư, hàng hóa rời	24	08	16	01	01
25	Điều khiển xe vệ sinh sân đường, sân bay (xe ép rác, xe quét đường, xe hút bùn, xe rửa đường, xe phun nước)	14	04	08	01	01
26	Điều khiển máy xúc đào	14	04	08	01	01
27	Điều khiển phương tiện phục vụ khai thác sân bay (xe trám khe Mastic, xe đo ma sát)	10	04	04	01	01
28	Điều khiển các loại cầu và thiết bị nâng	18	08	08	01	01
29	Điều khiển xe nâng tự hành, thang nâng người	14	04	08	01	01
30	Điều khiển xe bán tải kéo rơ mooc	10	04	04	01	01
31	Điều khiển xe cấp điện cho tàu bay	18	08	08	01	01
32	Điều khiển xe cấp khí khởi động tàu bay	18	08	08	01	01
33	Điều khiển xe điều hòa không khí cho tàu bay	18	08	08	01	01
34	Vận hành thiết bị thùng nâng xe suất ăn	14	04	08	01	01
35	Vận hành thang kéo đẩy tay	07	04	01	01	01
36	Vận hành cầu hành khách	26	08	16	01	01
37	Vận hành thiết bị cấp điện cho tàu bay	10	04	04	01	01
38	Vận hành thiết bị cấp khí khởi động tàu bay	10	04	04	01	01
39	Vận hành thiết bị tra nạp nhiên liệu cho tàu bay	18	10	06	01	01
40	Vận hành thiết bị thủy lực phục vụ công tác kỹ thuật tàu bay	30	12	16	01	01
41	Vận hành thiết bị điều hòa không khí cho tàu bay	10	04	04	01	01
42	Vận hành thiết bị chiếu sáng di động	30	12	16	01	01
43	Vận hành thiết bị cấp khí nén, khí ô xy, khí ni tơ	30	12	16	01	01
44	Vận hành băng chuyền kéo đẩy tay	07	04	01	01	01
45	Vận hành thiết bị cấp nước sạch cho tàu bay	08	04	02	01	01
46	Vận hành thiết bị hút vệ sinh cho tàu bay	08	04	02	01	01
47	Vận hành thiết bị nâng người	14	04	08	01	01

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
48	Điều khiển xe chở người 4 bánh có gắn động cơ	10	04	04	01	01
49	Vận hành thiết bị truyền tiếp nhiên liệu tàu bay	18	10	06	01	01

Mục 2. Nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay

1. Nội dung đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn gồm:

- Lý thuyết: Cập nhật, bổ sung các quy trình, tài liệu liên quan đến nghiệp vụ chuyên môn.

- Thực hành: Chuyên môn nghiệp vụ

2. Môn học, thời lượng

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
I	Nghệ nghiệp vụ chuyên môn					
1	Nghệ nghiệp vụ thông thạo (<i>áp dụng đối với nhân viên khai thác mặt đất phục vụ chuyến bay</i>)	06	03	01	01	01
2	Nghệ nghiệp vụ phục vụ hành khách chuyến bay đến	06	03	01	01	01
3	Nghệ nghiệp vụ phục vụ hành khách ra tàu bay	06	03	01	01	01
4	Nghệ nghiệp vụ làm thủ tục hành khách quốc nội	06	03	01	01	01
5	Nghệ nghiệp vụ làm thủ tục hành khách quốc tế	06	03	01	01	01
6	Nghệ nghiệp vụ phục vụ hành lý	06	03	01	01	01
7	Nghệ nghiệp vụ phục vụ hành lý bất thường	06	03	01	01	01
8	Nghệ nghiệp vụ cân bằng trọng tải (<i>áp dụng cho từng loại tàu bay</i>)	06	03	01	01	01
9	Nghệ nghiệp vụ quản lý, khai thác thùng/ mâm	06	03	01	01	01
10	Nghệ nghiệp vụ hướng dẫn chất xếp tại tàu bay (<i>áp dụng cho từng loại tàu bay</i>)	06	03	01	01	01
11	Nghệ nghiệp vụ chất xếp tại tàu bay	06	03	01	01	01
12	Nghệ nghiệp vụ tiếp nhận và vận	08	07	01	01	01

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
	chuyển hàng hóa ra tàu bay					
13	Nghệp vụ vệ sinh bên trong tàu bay	06	03	01	01	01
14	Nghệp vụ điều phối chuyển bay	06	03	01	01	01
15	Nghệp vụ thủ tục và tài liệu hàng nhập	10	06	02	01	01
16	Nghệp vụ kiểm đếm hàng nhập	10	06	02	01	01
17	Nghệp vụ trả hàng nhập	10	06	02	01	01
18	Nghệp vụ thủ tục, tài liệu hàng xuất	10	06	02	01	01
19	Nghệp vụ chấp nhận hàng	10	06	02	01	01
20	Nghệp vụ xuất hàng	10	06	02	01	01
21	Nghệp vụ chất xếp hàng hóa	10	06	02	01	01
22	Nghệp vụ giao nhận hàng hóa, tài liệu	10	06	02	01	01
23	Nghệp vụ hướng dẫn và giám sát chất xếp hàng hóa trong nhà ga	10	06	02	01	01
24	Nghệp vụ phục vụ hàng đặc biệt	10	08		01	
25	Nghệp vụ giám sát phục vụ hàng hoá	10	06	02	01	01

Mục 3. Nhân viên cứu nạn, chữa cháy tại cảng hàng không

Môn học, thời lượng

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
I	Kiến thức chung về công tác cứu nạn, chữa cháy	05	04		01	
1	Cập nhật quy định, hướng dẫn công tác cứu nạn, chữa cháy của ICAO, Việt Nam					
II	Nghệp vụ cứu nạn, chữa cháy tại Cảng hàng không	53	16	34	02	01
1	Nghệp vụ cứu nạn, chữa cháy tại Cảng hàng không	13	12		01	
1.1	Kiến thức An toàn		02			
<i>1.1.1</i>	<i>Các mối nguy liên quan đến cứu nạn và</i>					

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
	<i>chữa cháy tàu bay</i>					
1.1.2	<i>Các mối nguy cho nhân viên liên quan đến tàu bay và hệ thống tàu bay</i>					
1.1.3	<i>Các tác động căng thẳng tiềm ẩn đối với nhân viên cứu nạn, cứu hỏa liên quan đến tình trạng thương vong hàng loạt</i>					
1.1.4	<i>Mục đích và giới hạn của quần áo bảo hộ cá nhân được sử dụng</i>					
1.1.5	<i>Quy trình kiểm tra và cách sử dụng quần áo bảo hộ cá nhân</i>					
1.1.6	<i>Cấu tạo, nguyên lý, quy trình kiểm tra và cách sử dụng thiết bị thở cá nhân (SCBA)</i>					
1.1.7	<i>Các kỹ thuật để bảo vệ khỏi các nguy cơ lây bệnh truyền nhiễm</i>					
1.1.8	<i>Biện pháp an toàn khi mang, mặc thiết bị bảo hộ cá nhân (PPE) khi vận hành thiết bị bằng điện và công cụ bằng tay</i>					
1.2	Hệ thống thông tin liên lạc khẩn nguy tại sân bay		01			
1.2.1	<i>Hệ thống thông tin liên lạc khẩn nguy tại sân bay, quy trình kiểm tra và cách sử dụng các thiết bị thông tin liên lạc sẵn có ở sân bay</i>					
1.2.2	<i>Kiến thức về cách phát âm bảng chữ cái theo quy định của ICAO</i>					
1.2.3	<i>Các tần số và kênh liên lạc vô tuyến của các đơn vị phối hợp trong công tác khẩn nguy sân bay</i>					
1.2.4	<i>Quy trình xử lý khi có tình huống khẩn nguy tại sân bay</i>					
1.2.5	<i>Các phương pháp tại chỗ để thông tin liên lạc với thành viên tổ bay</i>					
1.2.6	<i>Báo cáo sơ bộ ban đầu khi một tàu bay bị tai nạn</i>					
1.3	Kiến thức về công cụ, thiết bị chữa cháy		01			
1.3.1	<i>Nguyên lý, cấu tạo, tính năng, tác dụng, vị trí lắp đặt, quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và cách sử dụng công cụ và thiết bị cứu nạn chữa cháy</i>					
1.3.2	<i>Mục đích, vị trí lắp đặt, thông số kỹ</i>					

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
	<i>thuật, quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và cách sử dụng hệ thống vòi chữa cháy</i>					
1.3.3	<i>Quy trình kiểm tra, bảo dưỡng và vận hành các thiết bị đặt trên xe chữa cháy</i>					
1.3.4	<i>Vị trí, chủng loại, giới hạn, đặc điểm hoạt động của từng loại bình chữa cháy xách tay được trang bị trên xe chữa cháy</i>					
1.3.5	<i>Phương pháp sử dụng và tính năng của lăng vòi được trang bị trên xe chữa cháy</i>					
1.3.6	<i>Định mức về cấp cứu hỏa sân bay</i>					
1.4	Các chất chữa cháy, ứng dụng trong chữa cháy		01			
1.4.1	<i>Đặc tính của các chất chữa cháy, số lượng, kiểu loại chất chữa cháy được mang theo mỗi một xe chữa cháy, bao gồm cả những lợi thế và bất lợi khi sử dụng ở cảng hàng không</i>					
1.4.2	<i>Các chất chữa cháy được sử dụng bởi các tổ chức địa phương và tính tương thích của nó trong trường hợp cần sự trợ giúp chữa cháy tại CHKSB từ tổ chức địa phương</i>					
1.4.3	<i>Vị trí và số lượng của các chất chữa cháy được lưu trữ trong kho để cung cấp cho xe chữa cháy</i>					
1.4.4	<i>Các chất chữa cháy thích hợp để ngăn cản và dập tắt đối với các tình huống hỏa hoạn khác nhau</i>					
1.5	Kiến thức về hỗ trợ sơ tán trong các tình huống khẩn nguy tàu bay		01			
1.5.1	<i>Quy trình xử lý trong các tình huống khẩn nguy đối với tàu bay chở hành khách, tàu bay chở hàng và tàu bay hoạt động hàng không chung tại sân bay</i>					
1.5.2	<i>Các quy định để bảo vệ các điểm sơ tán</i>					
1.5.3	<i>Các vị trí quy định cắt, phá tàu bay từ bên ngoài để cứu nạn</i>					
1.5.4	<i>Các trang thiết bị, công cụ cần thiết để cắt phá, mở tàu bay từ bên ngoài</i>					
1.5.5	<i>Cách mở cửa ra vào và cửa thoát hiểm</i>					

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
	<i>khẩn cấp từ bên ngoài và bên trong tàu bay</i>					
1.5.6	<i>Sơ đồ và cấu tạo của từng loại tàu bay</i>					
1.5.7	<i>Các mối nguy hiểm tiềm ẩn liên quan đến lối vào</i>					
1.5.8	<i>Các biện pháp được sử dụng để trợ giúp hành khách trong quá trình sơ tán khẩn cấp</i>					
1.6	Phương án, chiến thuật cứu nạn, chữa cháy		01			
1.6.1	<i>Quy trình thao tác tiêu chuẩn (SOP) cho các tình huống cháy khác nhau: a) Cháy tàu bay: - Cháy động cơ - Cháy bên trong - Cháy nhiên liệu b) Cháy công trình; c) Cháy khí nhiên liệu lỏng; và d) Cháy kho nhiên liệu lớn.</i>					
1.6.2	<i>Chiến thuật chữa cháy tàu bay và công trình cảng</i>					
1.6.3	<i>Thiết lập và duy trì đường dẫn cứu nạn, cứu hộ</i>					
1.6.4	<i>Phương pháp bảo vệ thân tàu bay không bị ngọn lửa bao trùm</i>					
1.6.5	<i>Phương pháp hướng dẫn thoát hiểm, bảo vệ hành khách</i>					
1.6.6	<i>Quy trình chữa cháy, kiểm soát và xử lý sự cố tràn nhiên liệu</i>					
1.6.7	<i>Cách để cố định các mảnh vỡ của tàu bay</i>					
1.6.8	<i>Quy trình thông gió, tản nhiệt</i>					
1.6.9	<i>Quy trình thao tác bên trong tàu bay</i>					
1.6.10	<i>Quy trình tiếp cận tàu bay bằng thang mặt đất</i>					
1.7	Kiến thức về sử dụng thiết bị chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cho tàu bay		01			
1.7.1	<i>Vận hành thiết bị thủy lực trên tàu bay (nếu có) và thiết bị được lắp trên xe chữa cháy</i>					
1.7.2	<i>Cách sử dụng máy cưa và các thiết bị khác để cứu nạn cứu hộ trên tàu bay.</i>					
1.7.3	<i>Việc cung cấp nước cho xe chữa cháy</i>					

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1.8	Kiến thức về hàng hóa nguy hiểm		01			
1.8.1	Kiến thức chung về hàng hóa nguy hiểm					
1.8.2	Thông tin về mối nguy liên quan đến hàng hóa nguy hiểm					
1.8.3	Nhận biết được mối nguy được chỉ ra trên nhãn theo quy định Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế (ICAO)					
1.8.4	Biết được giới hạn của hệ thống phân loại và ghi nhãn của ICAO					
1.8.3	Biết được các quy trình liên quan đến vận chuyển hóa chất và các loại vật liệu nguy hiểm					
1.8.4	Biết được các quy trình bao gồm cả việc đánh giá rủi ro và yêu cầu cứu hộ hoặc sơ tán khi có tình huống liên quan đến vật liệu nguy hiểm					
1.8.5	Phương pháp, biện pháp chữa cháy khi trên tàu bay có chở hàng hóa nguy hiểm bị tai nạn hoặc sự cố					
1.9	Kiến thức về Kế hoạch khẩn nguy sân bay (AEP)		01			
1.9.1	Các nội dung về khẩn nguy sân bay					
1.9.2	Giới thiệu các chủng loại tàu bay thường xuyên hoạt động tại sân bay					
1.9.3	Hệ thống chỉ huy khi sự cố xảy ra theo kế hoạch khẩn nguy sân bay (AEP)					
1.9.4	Quy trình triển khai thực hiện khi có sự cố/tai nạn tàu bay xảy ra					
1.9.5	Nhiệm vụ của các tổ chức, cá nhân trong kế hoạch khẩn nguy sân bay					
1.10	Sử dụng các thiết bị bảo hộ và thiết bị thở		01			
1.10.1	Sử dụng các thiết bị bảo hộ và thiết bị thở					
1.10.2	Chương trình huấn luyện nên có mô phỏng trong điều kiện môi trường áp suất lớn và làm việc trong bầu không khí đậm đặc khói để nhân viên ARFF làm quen					
1.11	Kiến thức về sơ cấp cứu và xử lý cho người bị nạn trong giai đoạn ban đầu		01			
1.11.1	Sơ cứu - bất tỉnh					
1.11.2	Sơ cứu - chảy máu					

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
1.11.3	Tổn thương phần mềm					
1.11.4	Tổn thương xương khớp					
1.11.5	Tổn thương cột sống					
1.11.6	Sơ cứu - bỏng					
2	Huấn luyện thực tế	05	04		01	
2.1	Làm quen tại sân bay		02			
2.1.1	Hệ thống đường cất hạ cánh và đường lăn					
2.1.2	Hệ thống đèn hiệu sân bay (đèn tiếp cận, đèn đường cất hạ cánh, đèn đường lăn, đèn tim, đèn cạnh và ngưỡng v.v.)					
2.1.3	Hệ thống sơn tín hiệu trên đường CHC, đường lăn, sân đỗ tàu bay và hệ thống biển báo sân bay					
2.1.4	Giới hạn của các khu vực an toàn cuối đường CHC					
2.1.5	Các thiết bị hỗ trợ dẫn đường tàu bay tại sân bay và xác định các khu vực quan trọng của hệ thống thiết bị dẫn đường					
2.1.6	Các quy định về phương tiện di chuyển trong sân bay và thông tin liên lạc với đài kiểm soát không lưu khi đi vào và ra khỏi khu vực di chuyển					
2.1.7	Các quy trình để thông tin liên lạc với đài kiểm soát không lưu					
2.1.8	Các quy định về công tác an ninh sân bay					
2.1.9	Bản đồ lưới ô vuông sân bay, nhận dạng đặc điểm địa hình chính và các mối nguy tiềm ẩn trong cả khu vực di chuyển và khu vực khác					
2.1.10	Xác định hướng di chuyển của nhiên liệu trong trường hợp hệ thống phân phối nhiên liệu bị rò rỉ					
2.1.11	Hoạt động của hệ thống ngắt nhiên liệu khẩn cấp đối với hệ thống nhiên liệu và hệ thống máy bơm để ngăn chặn dòng nhiên liệu trong hệ thống					
2.1.12	Xác định và nắm chắc các khu vực, địa bàn có khả năng cao về nguy cơ cháy nổ trong sân bay					
2.1.13	Làm quen với khu vực di chuyển để lái					

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
	<i>xe chữa cháy có thể chứng tỏ khả năng:</i> - Chọn các tuyến đường tốt nhất đến bất kỳ điểm nào tại sân bay; - Chọn các tuyến thay thế cho bất kỳ điểm nào trên khu vực di chuyển khi các tuyến thông thường bị chặn; - Nhận ra các mối có thể được nhìn thấy không rõ ràng; - Sử dụng bản đồ lưới chi tiết như cách trợ giúp để ứng phó với sự cố tàu bay.					
2.2	Làm quen với tàu bay		02			
2.2.1	Các loại tàu bay chở khách và hàng hóa hoạt động tại sân bay					
2.2.2	Hệ thống động cơ của các loại tàu bay khác nhau					
2.2.3	Vị trí cửa ra vào bình thường, cửa thoát hiểm khẩn cấp					
2.2.4	Các thao tác mở các cửa và khoang của tàu bay chở hành khách hoặc tàu bay chở hàng					
2.2.5	Xác định tối đa được số lượng hành khách và tổ bay cho một tàu bay nhất định					
2.2.6	Các loại nhiên liệu được sử dụng, vị trí và dung tích của các thùng nhiên liệu cho tàu bay					
2.2.7	Các hệ thống nhiên liệu, oxy, thủy lực, điện, bảo vệ cháy, chống đóng băng, bộ phận phụ trợ (APU), hệ thống phanh, bánh xe đối với một tàu bay nhất định					
2.2.8	Xác định và định vị máy ghi dữ liệu chuyến bay và máy ghi âm buồng lái trong trường hợp tàu bay bị tai nạn					
2.2.9	Vị trí mở và vận hành cửa, khoang và cửa hầm đối với tàu bay chở hàng nhất định					
2.2.10	Quy trình tắt máy thông thường và khẩn cấp cho động cơ tàu bay và hệ thống cấp nguồn phụ trợ					
2.2.11	Vị trí các điểm phá vỡ trên tàu bay					
3	Thực hành	36		34		02
3.1	Huấn luyện thể lực cho nhân viên cứu			06		

STT	Môn học	Thời lượng (tiết)	Đào tạo, huấn luyện		Kiểm tra	
			Lý thuyết	Thực hành	Lý thuyết	Thực hành
	nạn, chữa cháy					
3.2	Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân			04		
3.3	Sử dụng phương tiện, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn, chữa cháy			08		
3.4	Thực hành phương pháp cứu nạn, chữa cháy cho tàu bay (mô hình)			08		
3.5	Di chuyển, sơ cứu nạn nhân khi tàu bay bị tai nạn (mô hình)			08		

PHỤ LỤC IV
DANH MỤC PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH PHẢI
ĐƯỢC GẮN BIỂN KIỂM SOÁT
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BXD ngày tháng năm 2026 của
Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT	Tên phương tiện
1	Xe thang và thang kéo đẩy tay hoặc bán tự hành
2	Cầu hành khách
3	Xe phục vụ hành khách hạn chế khả năng di chuyển
4	Xe và thiết bị thùng nâng xe suất ăn
5	Xe và thiết bị cấp nước sạch
6	Xe chở khách trên khu bay
7	Xe và thiết bị hút vệ sinh
8	Xe và thiết bị điều hoà không khí
9	Xe và thiết bị nâng hàng
10	Xe, mooc băng chuyển và băng chuyển kéo đẩy tay
11	Xe trung chuyển thùng hàng
12	Xe đầu kéo
13	Xe xúc nâng
14	Xe và thiết bị cấp điện cho tàu bay
15	Xe và thiết bị cấp khí khởi động tàu bay
16	Xe và thiết bị thủy lực phục vụ công tác kỹ thuật tàu bay
17	Xe và thiết bị cấp khí nén, khí ôxy, khí nito
18	Xe kéo đẩy tàu bay
19	Các loại cầu và thiết bị nâng
20	Xe và thiết bị tra nạp nhiên liệu cho tàu bay và các phương tiện hoạt động trên khu bay
21	Xe chữa cháy
22	Xe dẫn tàu bay
23	Xe cất, thu gom cỏ
24	Xe và thiết bị tẩy vệt cao su, vệt sơn
25	Xe và thiết bị vệ sinh sân đường khu bay

26	Xe phun sơn
27	Xe cứu thương
28	Đo-ly, mooc chở hàng hóa
29	Thiết bị chiếu sáng di động
30	Xe nâng vật tư hàng hóa rời
31	Xe thông thường khác
32	Xe chở người 4 bánh có gắn động cơ (xe điện)
33	Xe và thiết bị đo ma sát
34	Thiết bị sửa chữa đường cát hạ cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay và đường công vụ
35	Máy xúc đào.

MỤC LỤC

Chương I.....	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Mục 1. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng	2
Điều 3. Giải thích từ ngữ	2
Điều 4. Các chữ viết tắt	3
CHƯƠNG II.....	4
KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG VÀ BÃI CÁT, HẠ CÁNH.....	4
Mục 1. DUY TRÌ ĐIỀU KIỆN KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG.....	4
Điều 5. Quy định chung về duy trì điều kiện khai thác cảng hàng không	4
Điều 6. Công trình trong sân bay	5
Điều 7. Công trình an ninh hàng không	8
Điều 8. Công trình cấp điện.....	8
Điều 9. Công trình chiếu sáng sân đỗ tàu bay	8
Điều 10. Công trình cấp, thoát nước tại cảng hàng không	9
Điều 11. Công trình hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường tại cảng hàng không	9
Điều 12. Nhà ga hành khách, nhà khách phục vụ ngoại giao, nhà ga hàng hóa, kho hàng hóa hàng không, khu tập kết, lưu trữ, xử lý hàng hóa hàng không (logistics hàng không) 9	
Điều 13. Công trình xăng dầu hàng không	11
Điều 14. Công tác cứu nạn, chữa cháy, khẩn nguy sân bay	11
Điều 15. Phòng, chống dịch bệnh tại cảng hàng không	13
Mục 2. AN TOÀN ĐỐI VỚI TÀU BAY.....	14
Điều 16. Chèn bánh tàu bay	14
Điều 17. Đặt chóp an toàn xung quanh tàu bay	14
Điều 18. Nổ máy thử động cơ tàu bay	15
Điều 19. Khoảng cách an toàn đối với tàu bay đang di chuyển	15
Điều 20. Khoảng cách an toàn đối với tàu bay đang đỗ	16
Điều 21. Thứ tự tiếp cận tàu bay của phương tiện đối với tàu bay đến	16
Điều 22. Hoạt động trong khu vực an toàn vị trí đỗ tàu bay, cầu hành khách	16
Mục 3. AN TOÀN ĐỐI VỚI NGƯỜI, PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ HOẠT ĐỘNG TẠI SÂN BAY.....	17
Điều 23. Người hoạt động trong sân bay	17
Điều 24. Sử dụng phương tiện, thiết bị hoạt động trong sân bay	20
Điều 25. Tốc độ di chuyển của phương tiện hoạt động tại sân bay	22
Điều 26. Quyền ưu tiên hoạt động trong sân bay	22
Điều 27. Hoạt động của người, phương tiện khi di chuyển trên đường cất hạ cánh, đường lăn	23
Điều 28. Sử dụng bộ đàm trong sân bay	23
Điều 29. Sử dụng tín hiệu bằng tay	23
Điều 30. Tập kết phương tiện, thiết bị khi không hoạt động	24
Điều 31. Xử lý ban đầu đối với các sự cố, vụ việc liên quan đến người và phương tiện hoạt động tại sân bay	24

Mục 4. AN TOÀN TỐI THIỂU KHI CUNG CẤP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG

Điều 32. Cung cấp dịch vụ xe dẫn tàu bay	25
Điều 33. Cung cấp dịch vụ kéo, đẩy tàu bay	25
Điều 34. Vận hành cầu hành khách	26
Điều 35. Cung cấp dịch vụ cấp điện cho tàu bay	28
Điều 36. Cung cấp dịch vụ cấp khí cho tàu bay	28
Điều 37. Cung cấp dịch vụ tra nạp nhiên liệu tàu bay	29
Điều 38. Cung cấp chất lỏng khác lên tàu bay	29
Điều 39. Chất xếp hoặc bốc dỡ hàng hóa, hành lý lên hoặc xuống tàu bay	30
Điều 40. Cung cấp dịch vụ vệ sinh tàu bay	30
Điều 41. Cung cấp một số dịch vụ khác tại sân bay	30
Điều 42. Kiểm soát các thiết bị chiếu sáng ảnh hưởng đến hoạt động bay	31
Điều 43. Thông tin liên lạc bằng vô tuyến điện	31
Điều 44. Khai thác trong điều kiện tầm nhìn hạn chế	31
Điều 45. Khai thác trong điều kiện thời tiết nguy hiểm	32
6. Cục Hàng không Việt Nam ban hành hướng dẫn xác định điều kiện thời tiết nguy hiểm; xác định các yêu cầu về hoạt động trên sân đỗ tàu bay tương ứng với từng điều kiện thời tiết nguy hiểm.	32
Điều 46. Di dời tàu bay mất khả năng di chuyển	32
Điều 47. Công tác vệ sinh môi trường sân bay	34
Điều 48. Kiểm soát vật ngoại lai	34

Mục 5. KIỂM SOÁT CHIM, ĐỘNG VẬT HOANG DÃ, VẬT NUÔI.....

Điều 49. Yêu cầu về kiểm soát và giảm thiểu tác hại của chim, động vật hoang dã, vật nuôi	35
Điều 50. Chương trình kiểm soát chim, động vật hoang dã, vật nuôi tại cảng hàng không	37
Điều 51. Quy định báo cáo của người khai thác tàu bay	37

Mục 6. QUY ĐỊNH VỀ A-CDM.....

Điều 52. Quy định về thiết lập, triển khai A-CDM	38
Điều 53. Trách nhiệm các cơ quan, đơn vị có liên quan	39

Mục 7. PHÒNG, CHỐNG, KHẮC PHỤC HẬU QUẢ SỰ CỐ, THẢM HỌA DO THIÊN TAI; KHẨN NGUY SÂN BAY.....

Điều 54. Quy định chung	40
Điều 55. Phòng, chống, khắc phục hậu quả sự cố, thảm họa do thiên tai tại cảng hàng không	41
Điều 56. Công tác khẩn nguy sân bay	41

Chương III.....

NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG LĨNH VỰC KHAI THÁC CẢNG HÀNG KHÔNG.....

Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG.....

Điều 57. Chức danh và nhiệm vụ nhân viên hàng không	44
Điều 58. Tiêu chuẩn nhân viên hàng không	44
Điều 59. Chứng chỉ chuyên môn	45
Điều 60. Danh mục nghiệp vụ chuyên môn nhân viên hàng không và thời hạn đào tạo, huấn luyện định kỳ, phục hồi để duy trì hiệu lực của chứng chỉ chuyên môn	45

Mục 2. KỶ LUẬT LAO ĐỘNG ĐẶC THÙ ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN HÀNG

KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG.....

Điều 61. Hình thức xử lý kỷ luật lao động đặc thù	46
Điều 62. Xử lý kỷ luật lao động đặc thù đối với nhân viên hàng không	46

Điều 63. Chế độ lao động đối với nhân viên hàng không.....	47
Mục 3. CƠ SỞ ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN NGHIỆP VỤ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG.....	47
Điều 64. Điều kiện về cơ sở vật chất kỹ thuật.....	47
Điều 65. Số lượng, kinh nghiệm, duy trì năng lực đội ngũ giáo viên của cơ sở đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.....	49
Điều 66. Chương trình, giáo trình đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không tại cảng hàng không.....	49
Điều 67. Đào tạo, huấn luyện trực tuyến nghiệp vụ nhân viên hàng không.....	50
Điều 68. Duy trì điều kiện giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ nhân viên hàng không.....	51
Mục 4. QUẢN LÝ NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG.....	52
Điều 69. Thẻ nghiệp vụ nhân viên hàng không.....	52
Điều 70. Cơ sở dữ liệu về nhân viên hàng không.....	53
Chương IV.....	53
CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ HÀNH KHÁCH TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG.....	53
Mục 1. YÊU CẦU VỀ HẠ TẦNG, QUY TRÌNH CUNG CẤP DỊCH VỤ ĐỂ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ HÀNH KHÁCH.....	53
Điều 71. Khu vực chức năng tại nhà ga hành khách.....	53
Điều 72. Bảo đảm năng lực hạ tầng của nhà ga hành khách theo dây chuyền phục vụ hành khách.....	54
Điều 73. Xây dựng Quy trình phục vụ hành khách tại cảng hàng không.....	56
Điều 74. Dịch vụ cơ bản tại nhà ga.....	56
Điều 75. Kinh doanh dịch vụ khác tại cảng hàng không.....	57
Điều 76. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng hàng không.....	57
Điều 77. Công bố chất lượng dịch vụ.....	58
Điều 78. Kiểm tra, giám sát chất lượng dịch vụ.....	58
Điều 79. Trách nhiệm của Cảng vụ hàng không.....	59
Điều 80. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ hàng không và dịch vụ khác tại cảng hàng không.....	59
Chương V.....	59
Mục 1. QUY ĐỊNH CHUNG.....	59
Điều 81. Phân loại bãi cát, hạ cánh.....	59
Điều 82. Hoạt động khai thác của bãi cát, hạ cánh.....	59
MỤC 2. QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG THỦY PHI CƠ VÀ BÃI CÁT, HẠ CÁNH TRÊN MẶT NƯỚC.....	60
Điều 83. Quy định chung về hoạt động thủy phi cơ trên mặt nước.....	60
Điều 84. Quy định về việc vào, rời cảng biển, cảng, bến thủy nội địa của thủy phi cơ.....	60
Điều 85. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong hoạt động khai thác bãi cát, hạ cánh trên mặt nước.....	60
Điều 86. Kế hoạch ứng phó khẩn nguy.....	61
Chương VI.....	62
GIÁM SÁT VIÊN AN TOÀN HÀNG KHÔNG LĨNH VỰC CẢNG HÀNG KHÔNG VÀ BÃI CÁT, HẠ CÁNH.....	62
Điều 87. Yêu cầu năng lực giám sát viên an toàn hàng không lĩnh vực cảng hàng không và bãi cát, hạ cánh.....	62

Điều 88. Xác định số lượng, tổ chức đào tạo và phê chuẩn giám viên an toàn hàng không lĩnh vực cảng hàng không và bãi cất, hạ cánh	63
--	----

Chương VII	64
-------------------------	-----------

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	64
----------------------------------	-----------

Điều 89. Điều khoản chuyển tiếp	64
Điều 90. Hiệu lực thi hành	64
Điều 91. Tổ chức thực hiện	65
PHỤ LỤC I	65
CÁC MẪU	65
PHỤ LỤC II	75
DANH MỤC NGHIỆP VỤ CHUYÊN MÔN NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG	75
PHỤ LỤC III	78
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, HUẤN LUYỆN ĐỐI VỚI NHÂN VIÊN HÀNG KHÔNG TẠI CẢNG HÀNG KHÔNG	78
PHỤ LỤC IV	125
DANH MỤC PHƯƠNG TIỆN, THIẾT BỊ CHUYÊN NGÀNH PHẢI ĐƯỢC KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	125